

BACH KHOA

Trong số này

NGUYỄN-HIỆN-LÊ so sánh ngành xuất-bản ở pháp
và ở Việt-nam hiện nay • HOÀNG-MINH-TUYNH
chủ-thuyết « chân dung » của găng-di • PHẠM-
HOÀNG cuộc đấu sức • PHẠM-CÔNG-THIỆN
somerset maugham • TIỀU-DÂN chức vụ tổng-thống
hoa-kỳ • NGUYỄN-ANH-LINH scheler, con người hờn
dỗi • ĐOÀN-THÊM thử tìm hiểu hội họa • TƯỜNG-
LINH đèn nhà ai • CÔ-LIÊU luật làm chủ • TRÚC-
LIÊN lối rẽ • TUYẾT-HƯƠNG phấn đấu • HOÀI-
HƯƠNG đất mới • BỬU-KẾ bên ngoài và bên trong
ĐOÀN-THÊM thả thuyền • QUÁCH-GIAO quán
dầu xuân • ĐÔNG-XUYỀN thông cảm • XUÂN-VIỆT,
MINH-ĐỨC, TRIỀU-ĐẦU trả lời cuộc phỏng-vấn của bách-
khoa • THU-THỦY albanie làm khổ nước anh cả • NGUYỄN-
HỮU-NGƯ « sứ mạng cao quý của ái tình » • lễ trao
giải thưởng văn-chương toàn-quốc 59-60 • TRĂNG-
THIÊN đọc « tàu ngựa cũ » của linh-bảo • NGUYỄN-
PHỦ xem dạ-hội văn-nghệ của kịch-đoàn chuyên
hướng • MỘNG-TRUNG chuyện người, chuyện mình.

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu Rhum **CARAVELLE**

lưu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'É.C.**

136 Pateur Saigon. ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Thợ. Tuân"

. DẤM ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°



VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bằng phi cơ

phản lực

VISCOUNT

của VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.

Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-đãi-viên xinh lịch niệm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HẰNG DU-LỊCH
hay

Air Viet Nam

16, NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



VIETNAM EXPRESS, 60

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

213 - D TỰ - DO SAIGON

Bao An



BÁN SỈ VÀ LẺ MỸ PHẨM :

★ *Elizabeth Arden*

★ *Guerlain*

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỐT SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

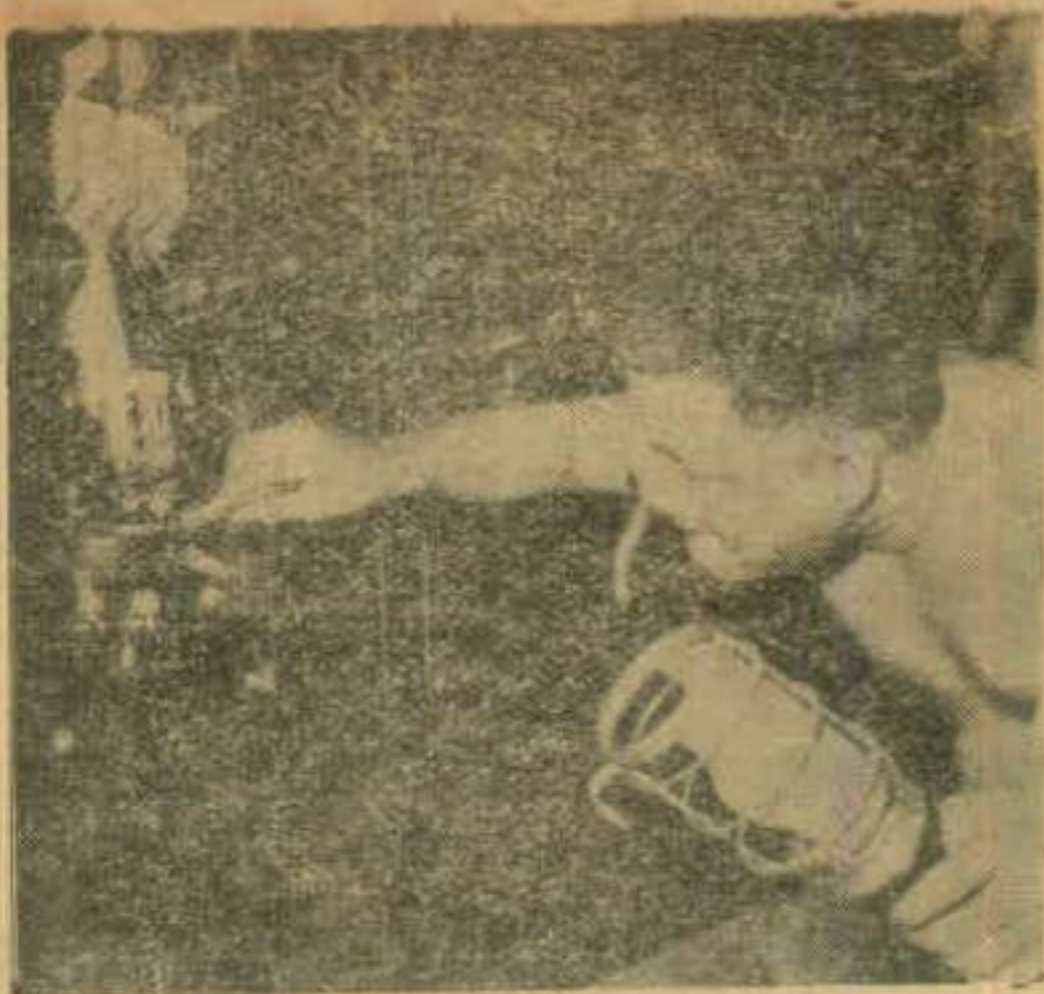
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Một nhân viên thành thạo

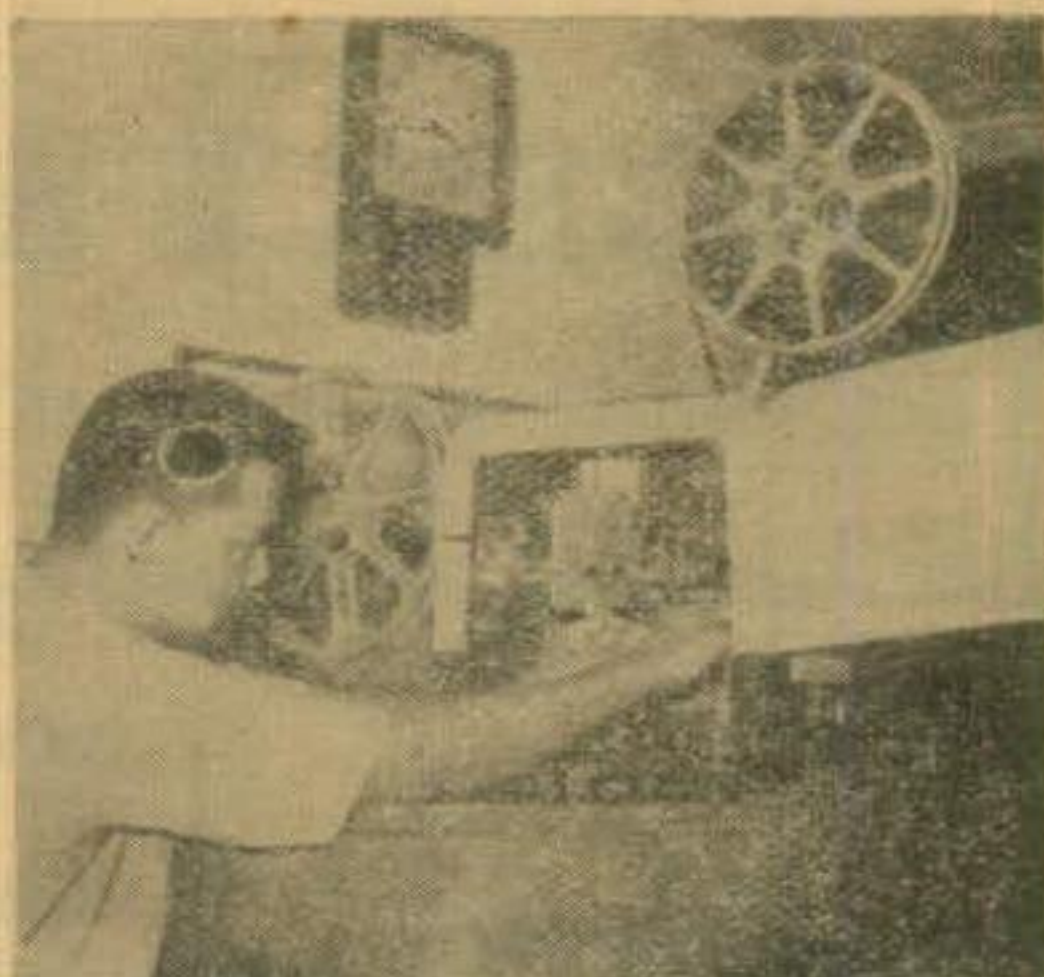
Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau dồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.



Ông Nguyễn-vân-Thân thợ điện của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc đặc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.



Ông Thân phụ trách chiếu phim huấn luyện

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cá nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.



Gia-dình ông Thân đầm ấm và vui vẻ

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt-Nam

BÁCH-KHOA

Số 103 — Ngày 15.4.1961

	Trang
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>So sánh ngành xuất-bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Chủ - thuyết « chân dung » của Găng-Đi</i> 9
PHẠM-HOÀNG	<i>Cuộc đấu sức</i> 13
PHẠM-CÔNG-THIỆN	<i>Somerset Maugham</i> 15
TIÊU-DÂN (dịch Dean Rusk)	<i>Chức vụ Tổng-Thống Hoa-Kỳ</i> 25
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Scheler, con người hờn dỗi</i> 36
ĐOÀN-THÊM	<i>Thử tìm hiểu hội họa</i> 40
TƯỜNG-LINH	<i>Đền nhà ai (thơ)</i> 51
CÔ-LIÊU (dịch Roger Valilant)	<i>Luật làm chủ</i> 53
TRÚC-LIÊN	<i>Lối rẽ (thơ)</i> 67
TUYẾT-HƯƠNG	<i>Phấn dẫn (truyện dài)</i> 69
HOÀI-HƯƠNG	<i>Đất mới (thơ)</i> 79
BỬU-KẾ	<i>Bên ngoài và bên trong</i> 81
ĐOÀN-THÊM	<i>Thả thuyền (thơ)</i> 87
QUÁCH-GIAO — ĐÔNG-XUYỀN	<i>Quán đầu xuân — Thông cảm</i> 94

PHỎNG-VẤN — SINH-HOẠT

XUÂN-VIỆT, MINH-ĐỨC, TRIỀU-ĐẦU	<i>Trả lời cuộc phỏng - vấn của Bách-Khoa</i> 88
THU-THỦY	<i>Albanie làm khổ nước anh cả</i> 95
NGUYỄN-HỮU-NGU	<i>Lễ trao giải thưởng văn-chương toàn-quốc 59-60</i> 97
— nt —	<i>« Sự mạng cao quý của Ái tình... » (thuật buổi nói chuyện tại Câu-lạc-bộ Văn-Hóa tối 16-3-1961)</i> 99
TRÀNG-THIÊN	<i>Độc « Tàu ngựa cũ » của Linh-Bảo</i> 102
NGUYỄN-PHỦ	<i>Xem dạ - hội văn - nghệ của Kịch-đoàn Chuyển Hướng</i> 104
MỘNG-TRUNG	<i>Chuyện người, chuyện mình</i> 105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	: <i>Jean-Paul-Sartre.</i>
ĐOÀN-THÊM	: <i>Thử tìm hiểu hội họa : phân-tích một bức tranh</i>
BỬU-KẾ	: <i>Thuận-An thất thủ</i>
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	: <i>Thanh - thiếu - niên phạm - pháp</i>
L.M. PARREL	: <i>Người Phụ-nữ Việt-Nam năm 1961.</i>
THIẾU-SƠN	: <i>Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?</i>
NGUYỄN BẠT-TUY	: <i>Nghề sành ở Tam-Quan.</i>
VÕ-QUANG-YẾN	: <i>Câu chuyện biên nước.</i>
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	: <i>Gương tiết-kiệm.</i>
NGUYỄN-ANH-LINH	: <i>Ludwig Feuerbach : người cha thiêng-liêng của nhân-bản vô-thần</i>
DOÃN-VĂN	: <i>Nếu thế-giới đạt-chiến thứ ba bùng nổ...</i>
BÙI-HỮU-SÙNG	: <i>Tình hình văn học Pháp năm 1960.</i>
TRẦN-VĂN-KHÊ	: <i>Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ».</i>
ĐẶNG-TRẦN-HUÂN	: <i>Một vòng Manila</i>
CÔ PHƯƠNG-THẢO	: <i>Điểm sách : « Thuật yêu đương »</i>
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	: <i>Phở và Tôi (tùy bút).</i>
XUÂN-TÙNG	: <i>Trận banh đầu (truyện ngắn).</i>
KIM-LƯƠNG	: <i>Thị-xã.</i>
VÚ-HẠNH	: <i>Người thầy thuốc</i>
VÂN-TRANG	: <i>Vạt áo the (truyện ngắn).</i>
HÀ-VÔ-HOÀI	: <i>Trên đường quốc-lộ (truyện ngắn).</i>
VÔ-HỒNG	: <i>Tại họa cuối cùng (truyện ngắn).</i>
VƯƠNG-HUY	: <i>Câu chuyện bốn ngày</i>
THẠCH-HÀ	: <i>Một chuyến xuất hành</i>

so - sánh

ngành xuất bản ở Pháp

và ở Việt-Nam hiện nay

* NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(Xin đọc từ B.K. số 100)

Trách nhiệm của nhà phát hành

GAY-GO nhất là văn-đề phát hành vì sự cạnh-tranh ở khu vực này kịch liệt vô cùng. Ở Pháp có tới bảy ngàn tiệm sách lớn nhỏ, không kể những sạp báo, những tiệm bán thuốc lá mà kèm thêm sách báo, nhiều đến nỗi kiểm tra không xiết.

Nhà cầm quyền lấy lý rằng bên vực người tiêu thụ, không can thiệp gì vào sự cạnh tranh đó cả, kết quả là các nhà bán sách chuyên nghiệp đứng dần bị thiệt hại rất nhiều như ta đã thấy mà trình độ xuất bản không lên cao được.

Tác giả nhắm vào ba điểm dưới này :

- đặt một quy chế cho sự bán lẻ
- tổ chức lại sự bán sỉ
- phổ biến sách Pháp ở ngoại quốc.

*
* *

Đặt quy chế cho sự bán lẻ

Về việc bán lẻ, người Mỹ có một đường lối riêng. Mở rất ít tiệm sách nhưng rất nhiều các quán nhỏ bán sách bình dân kèm với đủ các thứ cần dùng cho quần chúng ; những quán này thường là những quán bán dược phẩm (drug-store). Như vậy trình độ của quần chúng lên được khá mau, nhưng chỉ đạt được tới một mức trung bình tạm đủ dùng thôi. Loại sách cho hạng trí-thức bị hy sinh vì rất ít tiệm bán, rất ít người biết mà mua.

SO-SÁNH NGÀNH XUẤT BẢN Ở PHÁP...

Theo tác giả, chính sách đó không hợp với nước Pháp. Ông đề-nghị một giải-pháp khác qui-định ba lối bán lẻ : bán tại các tiệm sách được chứng nhận (libraire breveté), bán tại các tiệm bình - dân, và bán thẳng cho độc-giả.

Ông phân biệt ba loại sách : loại sách cho hạng trí-thức (édition du circuit lettré) gồm những sách viết cao hay hơi cao chỉ có hạng trí thức mới đọc nổi ; loại sách bình-dân (édition du circuit populaire) gồm những sách rẻ tiền để tiêu-khiển, và loại sách bán trí thức bán bình-dân (production du double circuit) gồm những sách phổ-thông và những sách cho hạng trí-thức nhưng in tầm thường để bán rẻ tiền.

Chỉ những nhà sách được chứng nhận mới có quyền bán cả ba loại sách. Loại thứ nhất thì bán đúng giá đề ngoài bìa, loại thứ nhì và thứ ba thì độc giả trả giá được.

Muốn làm một nhà bán sách được chứng nhận thì phải có đủ điều-kiện về tài-chánh, về khả năng kỹ - thuật (Chính-phủ sẽ phát bằng cấp). Phải có một cửa tiệm đủ rộng để chứa ít nhất là 25.000 tên sách khác nhau tại những châu thành lớn. Điều này lợi cho họ vì ai cũng nhận rằng cửa hàng càng rộng, tên sách càng nhiều thì số bán càng tăng.

Các quán sách bình-dân không cần có điều kiện gì cả, nhưng chỉ được bán loại sách bình-dân và loại sách bán trí thức, bán bình-dân và không

buộc phải bán giá nhất định, tha hồ cạnh tranh nhau.

Chính các nhà xuất bản sẽ tự định lấy những sách của mình cho ra thuộc về loại nào và in ngoài bìa những chữ này để phân biệt : L (lettré) = trí-thức ; P (populaire) = bình dân ; DC (double circuit) = bán trí - thức bán bình dân.

Sách giáo khoa là một loại riêng biệt. Để bênh vực quyền lợi của người tiêu thụ, tác - giả đề nghị :

— hoặc là giữ lối bán hiện nay (nhà xuất bản định giá cao và để huê hồng cao cho nhà sách : 30 % và một tá mười ba) ; nhưng chỉ các nhà sách được chứng nhận mới có quyền cung cấp cho chính-phủ và các cơ quan, các hợp tác xã, với một huê hồng từ 10 đến 15 %. Tác-giả không nói rõ, nhưng tôi chắc là các quán bình dân cũng bán sách giáo khoa cho người mua lẻ và không buộc phải bán giá nhất định. Nếu đúng như vậy mà các quán đó để huê hồng cho người mua lẻ tới 20, 25 % thì có thiệt cho trường học và các cơ quan không ? Hay là bên Pháp không khi nào có sự để huê hồng tới mức đó như bên ta mà tác-giả khỏi phải bàn tới ?

— hoặc là theo chính sách của Anh, chính - phủ định một giá bán thấp cho các nhà sách (chứ không phải là các quán sách) độc quyền bán, nhưng chỉ được hưởng huê hồng ít thôi 16 % và nhất định ai cũng phải mua đúng giá.

Tác - giả lại có bàn về các loại sách quý cho các người chơi sách và các sách tôn giáo, nhưng ở nước ta hai loại đó không có bao nhiêu, không đáng để ý tới.

Lỗi thứ ba là bán trực tiếp : cứ để cho các người bán dạo, các câu lạc bộ sách, các nhà môi giới bán ra sao thì bán. Lỗi bán đó chưa thông dụng ở nước ta.

Tổ chức lại sự bán sỉ

Đề quy định sự bán sỉ, tác giả đề nghị gom lại làm bốn năm mỗi lớn chứ không đề tán mác, hỗn độn như hiện nay nữa.

Tác giả xét lỗi phát hành ở Đức, Anh, Ba-Lan.

Tại Đông Đức cũng như Tây Đức, đều có sự tập trung trong việc phát hành : ở Đông Đức là cơ quan trung ương phát hành *Leipziger Kommission Grosshandel*; ở Tây Đức là cơ quan trung ương *Kochneff*. Tất cả các nhà xuất bản ở Đức đều gửi sách ở hai nơi đó rồi từ đó mới phân-phát đi các nhà buôn sách sỉ hoặc lẻ ở khắp nơi. Mỗi cơ quan xuất bản mỗi năm một cuốn thư mục ghi tất cả các thứ sách còn để trong kho, rồi gửi cho nhà sách.

Tại Anh, trước kia sự phát hành cũng hỗn độn như ở Pháp, nhưng gần đây, một nhà xuất bản lớn, nhà Walter Harrap nghiên cứu công việc tập trung và cùng với nhà xuất bản khác thành lập cơ quan *Book Center* (tức cơ quan trung ương phát hành

sách) để thu thập, gom lại tất cả công việc nhận thư mua hàng và tính hóa đơn. Đó là giai-đoạn thứ nhất.

Từ 1960 qua giai-đoạn thứ nhì : thành lập cơ quan *Publisher's Account Clearing House* (Quỹ bù trừ của các nhà sách và các nhà bán sách nhập hội). Theo nguyên tắc các nhà sách nhận được sách tháng này thì cuối tháng sau tính tiền trả cơ quan đó, và cơ quan phải tính tiền trả các nhà xuất bản cuối tháng thứ nhì sau khi cơ quan nhận được sách.

Họ sẽ tiến tới giai đoạn cuối cùng : gom tất cả công việc chứa sách và gửi sách lại.

Ở Ba-Lan, cũng có sự tập trung vào hai cơ quan : *Librairie de l'Académie des Sciences* và *Skladnica Ksiegarska*.

Ở Pháp hiện nay có nhà *Hachette* lớn nhất, đã kiểm soát được nhiều nhà xuất bản, tạo được một sự tập trung rất có hiệu quả. Cơ quan đó cứ để nguyên. Nhưng phải thành lập thêm một vài cơ quan mới nữa gom tất cả các công việc : chứa sách, nhận com măng giao sách, làm hóa đơn... của các nhà xuất bản lẻ tẻ khác ; có vậy mới rút được phí tổn và tăng sự phổ biến của sách được.

Sau cùng tác giả khen Chính-phủ đã thành-lập một Ủy-ban quốc-gia của Sách Pháp tại ngoại quốc (*Commission National du Livre Français à l'Étranger*) ngay từ hồi chiến-tranh mới chấm dứt. Ủy-ban hoạt-động

đắc-lực (số sách xuất cảng đều đều mỗi năm bằng khoảng 19% tổng số bán được); nhưng theo ông vẫn còn phải gắng sức nhiều để khuếch trương thêm nữa vì số sách xuất cảng của Pháp tuy có tăng trong mười mấy năm nay mà tăng rất chậm, kém xa Tây-Đức, Mỹ và Anh.

*
* *

Tìm một giải pháp cho nước nhỏ

Về phần chính-phủ

Ở nước ta số sách xuất bản mỗi năm không bằng một phần hai mươi, một phần ba mươi của Pháp, mà chín phần mười hay hơn nữa là sách giáo-khoa. Vậy giải quyết xong vấn-đề bán sách giáo khoa là êm.

Như tôi đã nói trong loạt bài này và trong những bài *Tình hình xuất bản năm 1959* (Bách-khoa số kỷ-niệm đệ tam chu niên) và *Tình hình xuất bản năm 1960* (Bách - khoa số kỷ-niệm đệ tứ chu niên) ngành sách giáo khoa của ta gặp những trở ngại này :

— các nhà xuất bản chen lẫn nhau cùng một môn, cùng một lớp mà có nhiều người viết quá : thường là năm sáu thứ sách,

— một số nhà xuất bản gởi bán trực tiếp tại các trường, làm thiệt thời cho các nhà bán sách,

— hết thầy các nhà xuất bản lớn đều chở sách đi khắp nơi bằng xe riêng, phí tổn rất nặng,

— các nhà bán sách lẻ cạnh tranh nhau tăng hoa hồng cho người mua, bắt buộc các nhà xuất bản phải tăng hoa hồng cho nhà phát hành, và để bù lại, phải tăng giá sách lên.

Lại thêm tình trạng này nữa : Sở Tư Thư của bộ Quốc-gia giáo-dục đương soạn những sách tiểu học và các nhà xuất bản sách giáo khoa sẽ lần lần phải dẹp nghề vì không thể đòi qua loại sách khác : loại nào lúc này cũng bề tấc.

Chúng ta — cả chính quyền lẫn tư nhân — chỉ nên nhắm cái lợi của học sinh. Không ai phản đối chương trình soạn sách giáo khoa của Sở Tư Thư vì ai cũng phải nhận rằng. Sách của Sở in ra, bẻ gổ nội dung cũng khá — tôi nói khá chứ không nói rằng nhất thiết hơn hết thấy các sách ở ngoài — mà giá lại rẻ cho học sinh. Nhưng chính quyền cũng phải nhận rằng trong mười năm nay các nhà xuất bản đã giúp được nhiều cho học sinh đã cho ra được nhiều cuốn có giá trị — tôi không nói là hoàn toàn ; mà họ lại làm mau hơn Bộ. Ta lại nên nhận rằng phải có sự cạnh tranh thì mới có tần bộ. Nếu Sở Tư Thư soạn hết các sách từ tiểu học trở lên thì sở, tuy bề ngoài không giữ độc quyền mà sự thực cũng gần như độc quyền vì sở có rất nhiều ưu thế. sự độc quyền có lợi ít mà hại nhiều, hại cho sự mau chóng, sự tần bộ.

Tôi nghĩ nên tìm một giải pháp vừa có lợi cho học-sinh, hợp với đường lối của chính-phủ mà không có hại cho các nhà xuất-bản. Giải pháp đó

theo thiên ý của chúng tôi, có thể như vậy :

— Sở Tu Thư vạch rõ một chương trình trong mấy năm thì hoàn thành từ sách giáo khoa cho tiểu học và trung học, mỗi năm sẽ soạn những sách nào.

— Những sách khó hoặc quan trọng, sở sẽ soạn vì sở có nhiều phương tiện tinh thần và vật chất hơn các nhà xuất bản. Chẳng hạn, như tôi đã nói trong một bài đăng ở Tạp chí *Mai* hồi đầu năm nay, sở nên soạn gấp một bộ *Tự-Điển Việt-Nam* tạm đủ dùng cho học sinh từ Trung-học trở xuống có nhiều hình và rõ tiến. Sở cũng nên soạn những sách giảng văn, Hán văn và nếu có đủ khả năng thì tiếp tay với viện Đại-học trong công việc dịch danh-từ khoa-học và soạn sách Đại-học, Còn những môn khác ; Vệ-sinh, Sử Địa, Toán, Lý, Hóa... thì để các nhà xuất-bản đảm nhiệm lấy, miễn là họ phải theo chỉ - thị, phương - pháp, đường lối của Bộ, và phải bán theo một giá rẻ mà Bộ sẽ định.

Tôi lấy môn Toán làm thí-dụ. Hiện đã có nhiều sách toán Trung-học và Tiểu-học có giá trị. Sở Tu Thư sẽ lựa những cuốn có giá trị nhất — hai, ba thứ cho mỗi lớp, đừng nhiều quá để tránh sự in ít giá sẽ cao — mỗi tác giả cùng nhà xuất-bản lại, đề-nghị với họ nên cải thiện những điểm nào, sửa đổi chút ít ra sao, rồi định giá sách, nếu họ bằng lòng thì sách đó sẽ được coi là sách của sở.

Về giá sách giáo khoa ta nên theo chính sách của Anh (chính sách của Pháp tự do để giá, tự do bán với giá nào cũng được, vẫn còn gây sự cạnh tranh không chính đáng ; mà giá không nhất trí thì học sinh có thể mua hớ.) định một mức tác quyền cho soạn giả (chẳng hạn 5% giá bán — mức đó tuy hơi thấp, nhưng sách được sở Tu Thư nhận thì bán chạy và rút cục soạn giả vẫn có lợi ; và lại ta đừng nên quên rằng ta phải giúp học sinh), mức lời cho nhà xuất bản (chẳng hạn tối đa là 15%, vì vẫn còn sự cạnh tranh, có vài ba thứ sách cùng loại, chưa chắc gì họ đã bán được hết trong vài năm) ; mức huê hồng cho nhà sách (chẳng hạn 20%, cước phí về họ chịu — tại Anh là 16%, không hiểu cước phí họ có phải chịu không).

Như vậy giá sách sẽ rẻ, có phần bằng giá sách của sở in ra, các nhà xuất bản không bị thiệt thòi, các soạn giả sẽ ganh đua nhau soạn mỗi ngày mỗi kỹ hơn, mà chương trình thực hiện được mau hơn chứ cứ như hiện tại thì chúng tôi e rằng mười năm nữa, công việc soạn sách của sở cũng chưa hoàn thành. Vì khách quan mà xét thì hai năm nay, với một ngân sách tương đối dồi dào, sở đã làm được những gì ? Trong sở mười mấy tác phẩm Triết học ở ban Tú tài toàn phần, sở đã dịch được mấy tác phẩm ?

Giải quyết như vậy thì chúng tôi tin rằng sự bán sách sẽ không còn hỗn độn như ngày này. Sách giáo khoa đã phải bán đúng giá thì những

sách khác (tiểu thuyết, khảo cứu, phổ thông...) bán rất ít, không đáng cho các nhà sách tranh nhau trừ huê hồng, mà các nhà xuất bản cũng không tranh nhau chờ sách đi bán nữa.

Về phần tư nhân

Dù Chính phủ quyết định ra sao, Nghiệp đoàn các nhà xuất bản, phát hành và bán sách cũng nên theo gương Đức, Anh lập một cơ quan trung ương gom hết cả những công việc chứa sách, nhận com-măng, gói sách, gói sách, tính giá, thầu tiền... cho bớt phí tổn. Để phụng sự cho văn hóa và độc giả, cơ quan đó cũng nên định một quy chế bán sách. Không cần bắt buộc các người mở tiệm sách phải có một một khả năng kỹ thuật nào đó — điều ấy năm năm nữa sẽ bán cũng chưa muộn — Nhưng phải giúp các người làm ăn đứng đắn mở tại mỗi châu thành nhỏ, và tại mỗi khu ở các châu thành lớn

ít nhất là một tiệm sách chứa đủ những sách hiện còn bán mỗi thứ một hai cuồn, và có chỗ bày những sách mới ra trong tháng, để độc giả dễ thấy. Mỗi năm lại nên in một thư mục ghi đủ tên sách, Nếu lập được thêm một quỹ bù trừ như ở Anh, hoặc một quỹ tín dụng nữa để giúp đỡ những nhà xuất bản in những tác phẩm công phu thì càng quý.

Chương trình chúng tôi mới đề nghị đó không phải viển-vông, nếu có thiện chí, biết đoàn kết thì Nghiệp đoàn sẽ thực hiện được. Mà nếu Nghiệp đoàn không tính thực hiện ngay thì sớm muộn gì cũng có một nhà đứng ra lãnh cái nhiệm vụ của nhà Hachette ở Pháp, vì tình trạng nó sẽ đưa tới có, không có sức gì cản nó nổi.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Kỳ tới : *Trách nhiệm của chính quyền.*

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

ANATOLE FRANCE

1844 — 1924

★ Tôi thích sự chân thật. Tôi tưởng nhân-loại cũng cần sự chân thật ; nhưng nhân-loại còn cần sự dối trá hơn, sự dối trá làm vui lòng họ, an ủi họ, để cho họ được hoài vọng khôn cùng. Không có sự dối trá, nhân-loại sẽ mòn mỏi vì ngã lòng và vì chán nản.

(Anatole France, *La vie en fleur*)

BÁCH KHOA CIHI



CHỦ THUYẾT « CHÂN DUNG » CỦA GĂNG - Đİ

★ HOÀNG - MINH - TUYNH

Ai cũng biết Ma-hat-ma Găng-đi (Mahatma Gandhi) là người đã đề xướng một chủ thuyết, thường được mệnh danh là « bất bạo động », đề giải phóng Ấn-độ thoát khỏi ách đô hộ của người Anh-quốc. Thuyết ấy không những đã thực tế giải phóng Ấn-độ, mà hiện nay vẫn còn là nền tảng tinh thần cốt thiết của toàn thể dân Ấn, kể từ đương kim thủ tướng là ông Nê-ru, cho tới người thường dân ở cấp bậc thấp nhất trong giai tầng xã hội Ấn.

Có điều đáng lưu tâm hơn nữa là chủ thuyết ấy gần đây đã « xuất ngoại » và trở thành phương thế giải phóng của nhiều dân tộc, triển dương rất mạnh ra cả Châu-Phi, Châu-Âu và Châu-Mỹ.

Trước hết người da đen Châu-Phi dùng chủ thuyết ấy để phản kháng lại tà thuyết kỳ thị chủng tộc của người da trắng tại Nam-Phi.

Rồi đến Danilo Dolci đem nó ra áp dụng tại Sicile để đối phó với các nhà cầm quyền Ý tỏ ra tham tàn, bất lực trong việc chấn hưng kinh tế của xứ sở và thiết lập công bình xã hội trong quốc dân Ý. Gần đây hơn nữa, tại Pháp một phong trào chống chiến tranh An-giê-ri, gồm các nhà trí thức, tu sĩ, giáo sư, văn gia, cũng đưa chủ thuyết bất bạo động ra nghiên cứu, phân tích trên báo chương và đã đi tới những

CHỦ THUYẾT « CHÂN DŨNG » CỦA GĂNG-ĐI

hành động tích cực như tập hợp, biểu tình, tự động đòi « đồng cam, cộng khổ » với những phạm nhân chính trị bị câu lưu oan ức trong các ngục thất, trại giam.

Sau hết, ngay giữa những trung tâm, đô thị Hiệp-chúng-quốc, cả người da đen lẫn người da trắng cùng hòa hợp, tương trợ lẫn nhau, cổ vũ chủ thuyết bất bạo động đề tài trừ óc phân chia màu da của những phần tử phản động. Bao nhiêu bài báo, phim ảnh được đem ra sử dụng vào những công cuộc nhân đạo ấy, để đánh lui những thành kiến, cấm hờn đáng làm cho nhân loại phải tủi hổ.

Chúng ta có nhiều lý lẽ để tin và cũng thấy có nhiều triệu chứng tỏ ra rằng rồi đây, trong một tương lai rất gần, chủ thuyết bất bạo động của Găng-đi sẽ còn đi xa và đi rộng hơn nữa để tiếp tục công cuộc cao đẹp giải phóng nhân loại và trở thành một hình thức đấu tranh hoàn hảo mà kiến hiệu của con người văn minh.

Chủ thuyết của Găng-đi có cái đặc điểm này là ở mỗi nơi phát hiện, nó mang theo một sắc thái khác nhau, biểu hiện ở nơi này không giống hẳn với biểu hiện ở nơi kia, y như những biểu hiện của Phúc-Âm trong Ki-tô-giáo, song tựu trung vẫn mang nặng một bầu tru ái, ôn hòa, nhiệt thành, coi nhân đạo chính là nền tảng của « chân dũng » và chỉ nhân đạo mới có khả năng giải phóng được nhân loại.

Vậy chủ thuyết bất bạo động của Găng-đi là gì ? Găng-đi đã quan niệm nó trong hoàn cảnh nào ? Chủ thuyết ấy khi thâm nhập tâm não người Ấn đã diễn biến ra sao ? Mỗi chủ thuyết đưa ra áp dụng gồm có hai phần : lý tưởng và thực hành, lý tưởng của thuyết bất bạo động chủ trương những gì, và khi thực hành nó đã phải sử dụng kỹ thuật nào để đi tới thành công ?

Để đáp lại những câu hỏi nêu trên, khởi sự từ số này, chúng tôi xin lần lượt trình bày hiển độc giả một thiên biên khảo và thuyết « chân dũng » của Găng-đi, mong lời diễn đạt không quá tối tăm, để quý vị lãnh hội được phần nào chủ thuyết đã có khả năng giải phóng được bốn trăm triệu dân Ấn và đang ảnh hưởng sâu sắc tới những phần tử tinh anh, đạo đức nhất của nhân loại. (1)

(1) Tài liệu tham khảo chủ yếu chúng tôi dùng để viết loạt bài này là thiên « La non violence gandhienne » của Hervé Chaigne, tu sĩ Phan-xi-cô, đăng trong tạp chí Esprit, 7-8, 1960.

Lo Hơ-n-tơ (Lord Hunter) hỏi Găng-đi (Gandhi) :

— « Ông Găng - đi, có phải ông là người chủ xướng phong trào *Satyagraha* không ? »

Găng-đi đáp :

— « Thừa phải ».

Lo Hơ-n-tơ :

— « Xin ông giải thích vắn tắt phong trào đó có chủ trương, mục đích gì ? »

Găng-đi :

— « Đó là phong trào có chủ trương và mục đích thay thế các phương pháp bạo động và là phong trào hoàn toàn căn cứ trên sự chân thực. »

Khi đáp lại câu hỏi trên cho Lo Hơ-n-tơ, được cử làm chủ tịch Ủy ban chính thức điều tra về các biến cố đẫm máu xảy ra tại Amritsar (Ấn-độ) trong những ngày tháng Ba và tháng Tư năm 1919, Găng-đi như đã đem tất cả niềm tin về hiệu năng thuyết bất bạo động của ông ra mà đối lại. Để phản kháng những đạo luật Rowlatt ngày 18 tháng Ba 1919, duy trì tình-trạng hà-khắc của thời chiến-tranh tại Ấn-độ, trong khi Ấn-độ chờ đợi người Anh ban hành qui-chế tự-trị Dominion để thưởng công họ đã đứng về phe người Anh để kháng Đức, Găng-đi kêu gọi toàn dân thi hành một cuộc tổng bãi thị, *hartal* (1). Ngay từ cuộc tổng bãi thị này, Găng-đi đã thực ý muốn đặt nó vào trong phạm vi thuyết bất bạo động *Satyagraha*, nhưng dân chúng lúc đó chưa tập luyện quen với sự « cam khổ » (self-suffering) (năm 1938, Găng-đi có ghi lại nhận định sau này của

ông về dân chúng : dân chúng ít khi trở nên đạo đức vì yêu chuộng đạo đức mà phần nhiều vì cần thiết phải giữ đạo đức), nên họ không ngăn chặn được việc đem bạo lực ra để đối phó với bạo lực của một đạo luật bất công, họ nổi loạn, chém giết rất tàn nhẫn, khốc liệt. Cuộc đánh dẹp của người Anh khi ấy thật khủng khiếp, viên tướng Anh Dyer không những nổi tiếng là tay đao phủ khát máu như thú vật mà còn là kẻ có sáng-kiến phát-minh ra những cực hình táo tợn, như ra lệnh bắt bò xuống đất (mỗi người Ấn-độ đi qua nơi một nữ giáo viên Anh bị hạ sát phải bò bằng « bốn cẳng »). Kết cuộc, Găng-đi bị thất bại hoàn toàn : một chu kỳ bạo hành lại diễn ra lần nữa và Găng-đi tự coi như có trách nhiệm vì đã đánh giá không đúng mức tinh thần của dân chúng chưa trưởng thành ; ông đã tung họ quá sớm vào con đường quá chật hẹp là con đường chân như (*satuya*) và vô não (*ahimsa*). Khi nghĩ đến thất bại cay đắng này và nhiều thất bại tương tự, năm 1930, Găng-đi có viết trong một bức thư :

« Con đường chân-như thẳng mà hẹp. Con đường vô não cũng vậy. Người ta đi trên đó như đi thang bằng trên một lưỡi gươm. Tập trung quan năng lại, người leo dây có thể khiêu vũ trên một sợi giây căng. Nhưng còn phải tập trung nhiều hơn nữa, mới theo được con đường chân như và vô não. Chỉ sơ ý một chút là té lộn ngay. »

Vừa cố gắng vươn lên, mà vừa xấu hổ với dân tộc, với địch thủ, vừa nhận ra con người thực tế, điềm đạm, tinh thông pháp lý như Lo Hơ-n-tơ coi mình chỉ là một kẻ phiền loạn tầm thường, Găng-đi vẫn còn đủ sức để mình định một cách bình tĩnh và sáng suốt hai phương diện chủ yếu và bất

(1) Đóng cửa hàng và ngưng việc trong 24 giờ hoặc hơn nữa.

CHỦ THUYẾT « CHÂN DỪNG » CỦA GĂNG-ĐI

khả phân ly của phong trào *Satyagraha* : « một phong trào muốn thay thế phương pháp bạo động bằng phương pháp bất bạo động », đó là phương diện « kỹ thuật », là lực lượng thực tế của *Satyagraha* ; « một phong trào hoàn toàn căn cứ trên sự chân thật », đó là phương diện lý thuyết, là lực lượng tinh thần và cũng là tâm hồn tôn giáo của *Satyagraha*, như ta sẽ có dịp bàn tới gần đây :

Như vậy là nhân một nguy cơ xảy ra trên đoạn đường tranh đấu cho chủ nghĩa *Satyagraha*, Găng-đi đã nói lên và thu tóm lại được đại cương chủ nghĩa ấy một cách trọn vẹn. Đồng thời đó cũng là dịp để ông truyền dạy cho các môn đệ bài học sau này : người muốn trở nên một *satyagrahi* (người theo chủ nghĩa *satyagraha*) trước hết phải biết truy tầm trong một lý thuyết, trong những chân lý triết học và tôn giáo, một nền tảng đứng đắn cho tư tưởng và hành động của mình, nếu không tâm và trí của *satyagrahi* sẽ bị lung lạc và bị định luật của thú tính, của bạo lực lôi kéo đi mà không sao kìm lại được nữa. « Bạo động là định luật của tính thú, bất bạo động là định luật của tính người. »

Có điểm cần phải nhận định và phân biệt về quan hệ mật thiết giữa *Satyagraha* - lý thuyết và *Satyagraha* - kỹ thuật. Trong khi chúng ta hành động, chúng ta thường tìm đôi những phương tiện hành động nào xét ra có hiệu năng đưa tới kết quả mau lẹ và dễ dàng nhất. Chúng ta có thể dùng *Satyagraha* như là một phương tiện nhất thời có hiệu năng nhất thời để thực hiện đường lối của chúng ta, như bất cứ một phương tiện nào vậy. Đối với Găng-đi, không thể có sự kính qua trực tiếp từ lãnh vực bạo động qua tới lãnh vực bất bạo động, không thể chỉ theo

Satyagraha - lý - thuyết mà không theo *Satyagraha* - kỹ - thuật và ngược lại cũng không thể chỉ theo *Satyagraha* - kỹ - thuật mà không theo *Satyagraha* - lý - thuyết. Găng-đi cho rằng muốn theo chủ nghĩa *Satyagraha*, người ta cần phải trở lại suy ngẫm về những chân lý thâm viễn và cần phải đem toàn thân toàn lực mà qui phụ, ái mộ một quan niệm mới về vũ-trụ và nhân sinh.

Quan-niệm mới về vũ-trụ và nhân sinh của Găng-đi, nhiều người Tây-phương cho là nó thoát thai từ những tín ngưỡng huyền bí của Ấn-độ giáo, điểm thêm đó đây ít nhiều vết tích, ảnh-hưởng của một thứ chủ-nghĩa Ki-tô-giáo tự do Anglo-Saxon và triết thuyết Ki-tô không tưởng của một Tolstoi. Tuy nhiên bình tĩnh mà xét, nội-dung quan niệm ấy thấm nhuần một căn-bản duy linh và hữu thần rất mực sâu sắc, chủ trương một thái độ bao dung tôn giáo hết sức rộng rãi, song không vì vậy mà « không có sự phân biệt dứt khoát giữa thiện ác, giữa chân ngụy », như Găng-đi đã từng tuyên bố minh bạch rằng : « Sự kiện chấp nhận lý thuyết tôn giáo bình đẳng không có nghĩa là không có phân biệt giữa tôn giáo và vô tôn giáo », và ông « không có ý khuyến khích sự khoan dung đối với vô tôn giáo ». Lập trường trên đã đẩy Găng-đi tới chỗ tỏ ra thái độ nghi hoặc đối với những người không chấp nhận mức « sinh hoạt tư tưởng tối thiểu » ấy, và ngày 6 tháng 11 năm 1946, ông có viết trong báo Harijan một câu như sau : « Họ (người cộng sản) hình như không phân biệt giữa sạch và dơ, giữa chân và ngụy ».

HOÀNG-MINH-TUYNH

Ký tới : *Satyagraha*, nghệ thuật sống và chết.

Cuộc đấu sức

Như giữa hai lực-sĩ trên võ-dài, cuộc đấu-sức là một loạt tấn-công và phòng-thủ, xung-kích và kháng-cự diễn ra liên-tiếp.

Sức xung-kích thoạt tiên có vẻ mạnh hơn, nhưng mạnh mà không bền, nếu sức kháng cự không chịu nhường bước. Làn sóng hung-hăng lẫn xả vào con đê như muốn chọc thủng. Con đê kháng - cự như nhạo báng sự bạo-tàn chỉ làm tiêu hao sức phá hoại của đối-phương ; con đê bảo toàn được sức mạnh tịch nhiên, nhờ đấy mà nó chiến thắng được.

Như vậy, phải chăng sức phòng thủ cũng đáng kể như sức tấn-công, sức kháng - cự cũng đáng sợ như sức xung-kích ? Và phải chăng sức tĩnh - nọa có thể là sức mạnh hơn, vì có năng-lực đối phó với mọi sức tấn-công mà vẫn giữ được y nhiên, bách chiết bất hồi, dù gian khó thế nào cũng không thoái nhượng ?

Người ta trong vũ - trụ sở dĩ tồn-tại chẳng phải nguyên bởi đã biết kháng cự với mọi cuộc xung - kích, mà còn bởi đã biết tránh sự dùng sức, không liều - lĩnh để cho sức phải suy giảm một cách bất lợi.

PHẠM-HOÀNG

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



SOMERSET MAUGHAM

● *Phạm-Công-Thiện*

Đi vào tác-phẩm của Somerset Maugham là đi vào cuộc đời, là miên-mạn lạc vào thế-giới tạp sắc của tâm-hồn con người, là khơi dậy trong ta một niềm phẫn nộ, một nỗi buồn, một lòng trắc ẩn, một mối hoài-nghi xao-xuyến, một thoáng nhìn chan-chứa đối với thân-phận mong-manh của con người. Đi vào tác-phẩm của Somerset Maugham là soi kính để thấy hình bóng của mình, là tự vấn, là tra-gạn ý-nghĩa của vận mệnh mình. Chẳng những thế, đi vào tác-phẩm Somerset Maugham còn là thâm-thiết đi vào ngã tư của trần gian, là hít mạnh hương-vị nồng-đượm của mười phương trời thanh-sắc, của Thái-bình-dương « chóng thay đổi và bất thường như lòng người » (*The Trembling of a Leaf*), của đảo Tahiti « khả ái như một trinh nữ tuyệt-trần lãng-phí một cách duyên dáng sức mê-hoặc và vẻ kiêu diễm của mình » (*The Moon and Sixpence*), của những đêm Á-châu huyền-ảo, Vạn-lý trường thành sương-phủ thoang thoảng mùi vị nha-phấn và hương trà Khổng Trang (*On a Chinese Screen*), của miền thị-tứ Trung-Hoa ngọt-ngọt dưới sự tiêu-

diệt tàn-nhân của bệnh dịch « như người ta bị những bàn tay của một kẻ điên bóp cổ », đang lúc đó « màu xanh-lơ của bầu trời vẫn trong suốt như cội lòng của một đứa bé ngây-thơ » (*The Painted Veil*), của những dấu chân người trong nẻo rừng huyền-hoặc ở Mã-Lai (*Ah King*), của nội địa Ấn-Độ nhiệm-màu thoang-thoảng « mùi vị Đông-phương vừa chát vừa thơm » (*The Razor's Edge*) R. Campbell có ghi cảm tưởng của mình đối với S. Maugham :

« Trong tất cả các tác-giả Anh hiện-đại, Somerset Maugham là người khả-dĩ đáp lại đầy-đủ nhất tất cả yêu sách của những phê-bình-gia khó tính nhất và của quần chúng bậc thấp nhất. Trong nhiều năm qua, những nhà tri-thức đã từng khinh-miệt ông vì sự nổi-danh rộng lớn của ông trong quảng-đại quần-chúng, nhưng rồi những địch-thủ của ông phải chịu thua trước tiếng nói của thời gian... Trái hẳn với những nhà văn đồng thời của ông như Wells, Galsworthy và Shaw, Maugham không giảng đạo, dạy đời. Ông là một nhà văn thuần-túy, say yêu nghệ-thuật mình với tâm-linh nghệ-sĩ và với óc quan-sát vô-tư. Độc-giả đọc ông một cách hứng-thú, khoan-khoái. Đọc Somerset Maugham, đôi khi chúng ta nhớ đến Maupassant hay Chekov, song Maugham không bắt chước ai cả. Hiển nhiên, đọc Maugham cũng thấy hứng thú, nhiều màu sắc và thâm-trầm như Maupassant và Tchekov vậy » (1).

TUỔI THƠ SÀU HÈO...

I

Somerset Maugham sinh ngày 25 tháng giêng năm 1.874, cùng năm với Gertrude Stein, Hofmannsthal, Takahama Kyoshi, Baring...

Somerset Maugham, cũng như Julien Green, không chào đời tại quê cha đất tổ mà lại sinh ở Paris. Paris, chẳng những là « Kinh-thành của thanh-xuân bất diệt » như Stefan Zweig đã từng nói mà sau này còn là nơi hẹn-hò của những con người văn-nghệ tứ-chiếng, của Gertrude Stein, Joyce, Hemingway, Ford

Madox Ford, Henry Miller, Apollinaire, Pound, Matisse... của « thế-hệ mất gốc » (lost generation) giữa ngã ba cuộc đời. Theo số mệnh, căn cứ vào nơi sinh đẻ, những người ngoại-quốc chào đời tại Paris thường trở nên nghệ-sĩ hoặc sẽ là kẻ lang bạc kỳ-hồ lấy mây trắng làm quê-hương và người đời làm quyến-thuộc.

Từ thuở xưa, tổ-tiên của Maugham là người Ái-nhĩ-Lan sang lập nghiệp ở

(1) R. Campbell : *France-Aste* 15 Mars 1948, trang 435.

Westmoreland, sống đời bình-thản, thanh-bạch, vui thú điền-viên ở đồng quê tĩnh-mịch ; đến khi Napoléon gây hấn, cụ cố nội của Maugham bị phá sản, mới gửi con trai lên Luân-đôn học-luật. Và từ đó trở đi, dòng họ Maugham gồm có nhiều luật-gia xuất-sắc.

Lúc Maugham chào đời, cha ông đang làm cố-vấn pháp-luật của tòa đại xứ Anh-Quốc tại Bá-lê. Mẹ của Maugham xuất-thân trong một gia-đình danh-vọng ; bà lại rất trẻ đẹp và duyên dáng, nhỏ hơn chồng đến hai mươi tuổi. Maugham là con út (trong 6 đứa con trai của gia-đình). Maugham biết nói tiếng Pháp trước khi bập bẹ mẫu ngữ ; ông sống một quãng đời thơ ấu hồn nhiên hạnh-phúc nhất ở Ba - lê ; nhưng rồi đến năm ông được 8 tuổi, mẹ ông chết vì bệnh lao phổi và hai năm sau, năm 1884, cha ông chết vì bệnh ung-thư, bỏ lại một bầy con nheo-nhóc giữa đường đời. Thế là mới chớm 10 tuổi đầu, Maugham đã là một đứa bé mồ côi, thiếu mất những tình yêu cao đẹp nhất và vị tha nhất ở cõi đời này.

Suốt đời ông, lòng nuối tiếc mến thương cha mẹ không bao giờ nguôi được ; nhất là mẹ, hình ảnh người mẹ hiền tốt đẹp ấy luôn luôn hiện về trong tâm tưởng ông. Trong quyển tiểu-thuyết tự truyện *Of Human Bondage* (1) mặc dù qua màn sương mù của thời-gian, Maugham vẫn rung rung nhớ tiếc, tưởng tượng lại ngày mẹ chết với lòng buồn thương vô hạn. Đây là một trong những đoạn văn cảm động nhất của Somerset Maugham :

(1) Bản pháp-văn là *Servitude Humaine* (dịch giả Mme E. R. Blanchet)

« Ngày trở nên xám và buồn. Mây chiu nặng và có cái gì ẩm ướt, lạnh buốt trong không khí, cơ hồ tuyết sắp rơi. Chị ở đi vào phòng ngủ của đứa bé và kéo màn. Chị ngó lơ qua căn nhà bên cạnh, một căn nhà lớn làm bằng hồ giả cầm thạch, rồi chị đi đến giường đứa bé.

— Dậy coi nào, em ơi, thức dậy đi. Chị dỡ khăn trùm giường, bế đứa bé và đi xuống thang lầu. Đứa bé gật-gà, nửa thức nửa tỉnh.

— Má gọi kìa, thức dậy đi.

Đến tầng dưới, chị mở cửa phòng và đem đứa bé đến giường của một thiếu-phụ đau-ốm. Đó là mẹ của đứa bé. Nàng chìa tay và đứa bé nằm ấp-ủ, xoắn-xít bên cạnh mẹ. Đứa bé cũng không buồn hỏi mẹ tại sao lại gọi em thức dậy. Nàng hôn nhẹ lên mắt con ; bàn tay mảnh-dẻ của nàng sờ-soạng vào thân mình ấm-ấm của con qua lần áo ni trắng của nó. Nàng ôm siết con vào mình.

— Con buồn ngủ phải không con, hỡi con trai cưng của mẹ ?

Tiếng nói của nàng thực là yếu-ớt như đã đến từ một cõi xa - xôi. Đứa bé không trả lời, nhưng cười một cách hồn nhiên. Em rất sung sướng trong cái giường to lớn ấm-áp, lại được hai cánh tay dịu dàng này vây quanh. Em cố thu nhỏ người và co - quắp mình lại trong lòng mẹ, rồi hôn mẹ với dáng điệu thiu-thiu ngủ. Trong khoảnh-khoắc, mắt em đã nhắm híp lại và em ngủ say sưa. Bác-sĩ đi đến đứng bên cạnh giường.

— Không, không, đừng đem con tôi đi nữa !

Chẳng trả lời, bác-sĩ nhìn nàng một cách nghiêm-ngặt. Biết rằng không thể giữ đứa con bên mình lâu hơn nữa, nàng hôn con lần chót (...), rồi khóc sụt sùi.

— Sao thế, bà ? bà mệt rồi đấy. Bác-sĩ nói.

Nàng khẽ lắc đầu, ấp úng nói không ra lời. Hai dòng lệ tuôn dài trên má. Bác-sĩ khom xuống :

— Đề tôi bế cháu đi, bà nhỉ ?

Yêu-ớt quá đến nỗi đành phải chịu cưỡng lại lòng mình, nàng đề bác-sĩ bế con đi. Bác-sĩ giao trả đứa bé cho chị Vú.

— Chị nên đề cháu nằm lại giường của cháu.

— Dạ, xin vâng lời ông ạ.

Chị vú bế đứa bé đi đang lúc nó còn ngây ngủ. Mẹ em khóc nức-nở thảm-thiết.

— Con của mẹ ơi, rồi đây đời con sẽ ra sao ?

(...) Vài ba phút sau, chị vú trở lại. Chị đến gần giường của nàng.

— Em vẫn còn ngủ say, bà ạ.

Im lặng trong khoảnh-khắc — Bác-sĩ bắt mạch người mẹ đau ốm một lần nữa.

— Bây giờ thì không có gì, tôi sẽ trở lại sau buổi đêm tâm.

— Tôi xin đưa bác-sĩ ra ngoài. Chị vú nói tiếp.

Họ im lặng bước xuống lầu. Đến căn phòng trước, bác-sĩ dừng lại [...] Chị vú hỏi vồ-vập một cách bối rối :

— Dạ thưa bác-sĩ, bà tôi có thể qua khỏi ?

Bác-sĩ lắc đầu.

[...] Một tuần lễ sau, chị vú ngập ngừng hỏi đứa bé :

— Em ạ, sao em không hỏi thăm mẹ mạnh khỏe thế nào ?

— Úa, em quên, chị ạ. Ở mà mẹ làm sao vậy hở chị ?

— Mẹ mạnh khỏe và sung sướng lắm.

— Thế à ? Em vui quá.

— Mẹ đã đi rồi. Em chẳng bao giờ gặp mẹ nữa.

Đứa bé không hiểu.

— Tại sao em lại không gặp mẹ nữa vậy chị ?

— Mẹ của em hiện đang ở trên trời.

Chị vú khóc thút-thít, đứa bé chẳng hiểu gì, cũng ồ khóc theo (...). Nước mắt tuôn dài, chị cảm xúc thêm, ôm chặt đứa bé vào lòng. Tội nghiệp ! đứa trẻ đã thiếu mất tình yêu duy nhất không vụ lợi ở cõi đời này. Nghĩ đến cảnh đứa trẻ non dại bơ vơ trôi - trọi giữa người sơ kẻ lạ, chị cảm thấy xót xa tận lòng. (1)

*
* *

Mẹ của Maugham chết đi lúc ông còn quá nhỏ, trước khi ông « có đủ trí khôn để nhận thấy rằng không có bố mẹ là điều rất đau khổ ». Cha chết lúc Maugham được mười tuổi, nên đối với ông, hình ảnh cha rõ-ràng hơn, còn hình ảnh mẹ thì chỉ chập chờn thôi vì lúc đó ông chỉ có tám tuổi đầu. Tuy vậy, ông luôn nhớ mẹ hơn, và mãi đến sau này, khi đã luống tuổi, tóc đã bạc như sương, vết thương lòng thuở mẹ chết cũng không bao giờ vơi được. Mỗi khi tuyệt-vọng giữa đường đời, mỗi lúc cô đơn

(1) Somerset Maugham: *Of Human Bondage*, trang 1-4 (Cardinal Edition-1952)

hài hùng đau-khổ đến cùng cực, ông thường nghĩ đến mẹ. Thiếu mẹ là thiếu tất cả. Thiếu hết. Ông không còn nhớ rõ mặt mẹ, hình ảnh người chỉ thoang-thoáng chớp-chờn trong bóng mờ của dĩ-vãng xa-xôi. Bởi thế, đối với Maugham, mẹ là lý tưởng, cũng như nhà văn-hào Cao-ly kia : « mẹ tôi trở thành lý-tưởng của tôi. Tôi nghĩ đến mẹ khi tôi đói, tôi nhớ đến mẹ tôi lúc tôi lạnh. Tôi là đứa bé mồ côi. Tôi chưa hề thấy mẹ tôi song tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu thấu mẹ tôi, cũng như ta hiểu thấu tâm-tình của một người trong thoáng giây hội ngộ hơn là trọn suốt một đời gần gũi ». (1). Maugham không bao giờ nhớ rõ mặt mẹ, song ông hiểu mẹ ; tấm lòng mệnh-mông của người mẹ dịu hiền ấy, Maugham thấu hiểu và cảm thấy luôn luôn yêu mẹ vô-cùng thâm-thiết.

*
* *

Khi cả cha lẫn mẹ đều chết hết rồi, Maugham được gửi về Anh ở với một người chú ruột, Henry Mac Donald Maugham, mục sư trưởng ở Whitstable, thuộc Kent, miền Nam Anh-quốc. Trong nhiều quyển tiểu thuyết, Maugham thường nhắc đến tỉnh thành ấy, ông đổi tên lại là Blackstable :

« Tôi ở với một người chú và mợ tại khu ngoại-ô của một thành-phố nhỏ bé gần biển, thuộc vùng Kent. Thành-phố ấy tên là Blackstable và chú tôi làm mục-sư trưởng ở đấy. Thím tôi là người Đức[...].

Blackstable gồm có một con đường dài khúc-khuỷu chạy đến biển, với những căn nhà nhỏ hai tầng, thường là nhà ở, nhưng cũng có rất nhiều quán buôn. Từ con đường dài ấy có nhiều đường ngắn mới xây làm, bên đây đi ra đồng quê và bên kia thì ra đầm lầy. Chung quanh bến tàu ngoằn-ngòeo vô số đường nhỏ bé chật hẹp. Những tàu chở than về từ Newcastle đến Blackstable đậu đầy bến trông rất náo nhiệt, ồn ào » (2).

« Blackstable là một miền đánh cá, gồm có một con đường lớn với những quán buôn, ngân-hàng, nhà bác sĩ và những căn nhà của vài ba người chủ tàu chở than ; chung-quanh bến tàu bé nhỏ là những con đường tối-tàn, ở đấy là xóm phường-chài và dân nghèo khổ » (3)

Chú và thím không con, lòng dạ tốt, nhưng lại vụng-về trong việc nuôi trẻ. Tính của chú thích cầu-an, không quen sự ồn-ào của trẻ con trong nhà, nên thường khi ông hay gắt-gay khó chịu — Vả lại bầu không khí của một gia-đình thầy tu thì thường khi nặng-nặng ; ngày nào cũng như ngày nấy, cũng bấy nhiêu công việc đều đều, bấy nhiêu kinh bấy nhiêu kệ, tháng này qua tháng khác, xoay dần lẽ-thê tử lạnh trong bước thời-gian lững-lờ trôi. Chú và thím rất thủ-cự, nệ - cổ, mang nặng óc trưởng giả, ưa lẽ-lối ước-lệ, không chịu hòa-minh sống lẫn-lộn với người đời, thường hay vị kỷ hẹp lượng đối với kẻ ngoại đạo. Chú ghét phường chài vì họ

(1) Younghill Kang : *Au pays du matin calme*, trang 177 (Claudine Decourcelle dịch — Plon, 1949)

(2) Somerset Maugham : *Cakes and Ale*, trang 28-29 (Pocket Books, New-York).

(3) S. Maugham : *of Human Bondage*, trang 17 (W. Heinemann)

« lỗ măng, quê mùa và đi nhà thờ ngoại đạo » (1); chú cấm không cho Maugham chơi chung cùng với trẻ con của những gia đình khác; một lần nọ, có một gia đình đang hoàng mới ở Luân-Đôn dọn đến ở cận nhà, họ muốn cho hai đứa con trai của họ làm quen chơi chung với Maugham, nhưng thím từ khước một cách khéo-léo vì bà sợ cháu mình sẽ bị hư-hỏng đi khi chung-chạ với trẻ con ở Luân-đôn (2) — Sống trong nền-nếp khô cứng, nghiêm-nghiệt như thế, Maugham buồn tủi và cảm thấy « bất hạnh một cách không cùng tận » (3). Còn đâu chuỗi thời gian hồn nhiên đầm thấm bên cạnh cha, bên cạnh mẹ? Còn đâu?...

« Có một điều đã làm thím ngạc-nhiên là đứa cháu có vẻ như trơ-trơ vậy — Bà không bao giờ thấy nó khóc — Nhưng thôi, bây giờ bà đã hiểu rồi; sự bình lặng trơ-trơ kia, thật ra, chỉ là tính tự-nhiên của đứa bé, cái tính thẹn-thùng xấu-hổ không muốn bộc lộ tình cảm của mình: mỗi lần khóc, nó đều lánh mặt, giấu kín không cho ai thấy » (4)

Maugham khóc. Trong những canh-trường lặng-lẽ, Maugham thường thao-thức nhớ cha thương mẹ.

Thế-giới bùng-bít, cần-cỗi, héo-hắt ở nhà chú mợ tại Whitstable cách biệt hẳn thế-giới linh động bên ngoài kia, suốt ngày

cậu bé Maugham cứ lủi-thủi một bóng một thân, lăm-lì im-lặng không nói chuyện với ai cả. Maugham gầy nhỏ ốm yếu, không được khoẻ-mạnh như bao nhiêu đứa trẻ khác, lại thể còn mắc tật ăn nói cà lăm, lắp-bấp (sau này lớn lên, ông mới sửa khỏi); bởi thế, ông cảm thấy mình là một kẻ xa lạ với mọi người. Maugham đau-đớn tủi phận và ông già giận trước tuổi; ông chín mau chóng vì ông đã đau-khổ quá sớm. Cũng như Leopardi, Maugham không có tuổi thơ, Maugham chìm lặn vào đời sống âm-ỷ bên trong của mình và cũng như nhà thơ của đất Recanati ấy, Maugham đã vui đầu đọc sách suốt ngày tháng để quên thế-giới khô héo bên ngoài mà lăn trồn vào yữ-trụ chơi-vời của sách vở:

« Nó mãi miết đọc. Nó không thể nghĩ gì khác nữa. Nó đã quên đời sống bên nó. Mỗi lần ăn cơm phải để người ta gọi hai ba lần. Vô tình, nó đã tạo ra thói quen tuyệt vời nhất đời, cái thói quen đọc sách: nó không hiểu như vậy là nó đã tự xây ra một chỗ nương-náu lánh hẳn tất cả sầu não của cuộc đời; nó cũng chẳng hiểu rằng nó đã tạo ra cho nó một thế-giới không thực và chính cái thế-giới không thực này sẽ làm cái thế-giới thực hằng ngày thành ra suối nguồn của bao nhiêu thất vọng chua-chát » (5).

Cậu bé Maugham đọc sách say mê, quên ăn, quên uống. Tối ngày, Maugham không buồn nói chuyện với ai cả và trên đời, chỉ có sách, đối với Maugham, là có ý nghĩa. Maugham bây còn quá nhỏ; thế mà vẻ mặt cậu luôn

(1) S. Maugham : *of Human Bondage*, trang 25 (W. Heinemann)

(2) S. Maugham : *of Human Bondage*, trang 33

(3) *of Human Bondage*, trang 27.

(4) Maugham : *of Human Bondage*, trang 30.

(5) *Of Human Bondage*, trang 32.

luôn trầm tư xa-xôi như người có tuổi ; mùa xuân đến, cậu không cười ; đối với cậu, chung-quanh chỉ là bầu trời âm đạm lạnh-lẽo và trong lòng héo-hon của cậu, một ngọn lửa hồng bốc lên và rồi bị dập, chỉ còn le-lói yếu ớt và rung-rinh.

*
* *

Năm 13 tuổi, Maugham được chú gửi đến trường học ở Canterbury. Chú định cho Maugham học ở đó để sau này dọn đường đến trường đại-học Oxford, rồi tu ra làm mục-sư như chú.

Đến trường học, Maugham lại khổ sở tủi cực hơn nữa, vì chàng bị bạn bè bắt nạt, hiếp đáp trăm điều. Tuổi trẻ ngây thơ có biết gì đâu, chúng luôn luôn hiểu-động chọc nghịch cho hả dạ thôi, chứ nào có nghĩ đến nỗi buồn khổ tủi thẹn của bạn mình.

Maugham không được khoẻ mạnh sung sức như mấy bạn, lại mỗi khi mở miệng ra là lời lẽ bập bẹ, run run, lắp-bấp, giọng nói cà lăm cà-lấp. Bạn học nghe giọng nói chàng « lạ quá », liền lấy đó làm lớn chuyện lên để trêu ghẹo chàng. Ở nhà đã khổ chán ; đến trường học, Maugham lại cô đơn cay tủi gấp trăm nghìn lần. Chàng cảm thấy mình như kẻ bị đày đọa phải khổ-sở đời đời. Giữa chàng và chúng bạn, chàng thấy có một bức tường quá cao ngăn-cách, mỗi khi bạn-bè chơi đùa ồn-ào vui-vẻ, chàng chỉ đứng ngoài nhìn với lòng quặn đau tê-tái :

« Vì nó không thể dự vào trò chơi của mấy đứa trẻ khác, nên đời sống của mấy đứa trẻ ấy xa lạ hẳn với nó ; nó chỉ đứng

ngoài trông ngó mấy đứa trẻ kia nô đùa cười nghịch ; đối với nó dường như có một hàng rào phân chia giữa nó và mấy đứa trẻ kia [...] Nó phải chịu bơ-vơ trơ-trọi một mình. Nó vốn hay thích nói chuyện nhưng rồi lần lần nó ngậm miệng lại. Nó bắt đầu nghĩ đến sự khác biệt giữa nó và những kẻ khác. » (1)

« Nó chỉ sung sướng khi ngồi học, làm bài và lúc đi ngủ. Thường thường nó cảm thấy dâng lên trong người nó một cảm-giác kỳ quặc rằng cuộc đời của nó, với tất cả khốn-khổ ấy, chỉ là một giấc mộng thôi » (2)

« Nó cảm thấy bao nhiêu cay-cực tủi-khổ của đời — Đối với đầu óc non trī của nó, hình như nỗi đau khổ này cứ theo đuổi nó mãi mãi đời đời. Chẳng có lý do gì đặc biệt, bỗng nhiên nó nhớ đến một buổi sáng tinh - sương lạnh buốt nọ, chị vú ẵm nó để nằm bên cạnh mẹ. Trước kia nó chưa từng nghĩ đến một lần, nhưng bây giờ hình như nó cảm thấy sự ấm-cúng của thân-hình mẹ nó và bàn tay của mẹ ôm choàng nó. Bất-giác nó tưởng chừng như đời nó chỉ là một giấc chiêm-bao, mẹ chết, cuộc sống ở nhà chú mục-sư và những ngày khốn-khổ ở trường học. . và sáng, nó sẽ thức dậy và sẽ trở về nhà. Nước mắt nó khô đi khi nghĩ như vậy — Nó khổ sở quá rồi ; đó có lẽ chỉ là chiêm bao thôi, rồi đây mẹ nó sẽ sống lại và chị vú sẽ đến bế nó. Nghĩ như thế, rồi nó thiêm-thiếp ngủ say » (3)

(1) *Of Human Bondage*, trang 43

(2) *Of Human Bondage*, trang 45

(3) *Of Human Bondage*, trang 42

cf - S Maugham, *The Summing up*, trang 190.

Lần dở quyển tiểu - thuyết tự truyện *Of Human Bondage*, chúng ta đọc biết bao trang văn rung lệ như trên. Maugham đã sống những ngày xuân héo-hắt bên cổng nhà khắc nghiệt đạo-hạnh của chú rồi đến bốn vách tường nhà ngục của trường học ở Canterbury. Cô đơn. Hoàn-toàn cô - đơn. Vừa mới chớm lớn lên, Maugham đã hơi - hóp thở bầu không khí lạnh - lạnh của nổi đời. Và chính những ấn - tượng, thơ trẻ ấy không bao giờ nhạt nét suốt đời người,

nổi sầu của Maugham không bao giờ nguôi khuấy được ngay đến lúc ông đã già rồi, mắt mờ, tóc bạc, ông vẫn mang nặng những nét đau buồn của tuổi ấu thơ. Những năm đầu của tuổi xanh đã ảnh - hưởng đậm sâu đến con người của Maugham.

(Còn-tiếp)

PHẠM-CÔNG-THIỆN

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COFAT CHOLON

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

CHỨC-VỤ

TỔNG HỒNG HOA-KỲ

DEAN RUSK

TIỂU-DÂN (lược thuật)

Lời người dịch.— Ông Dean Rusk — ngoại-trưởng Hoa - kỳ hiện nay — đã đăng bài này ở báo *Foreign Affairs* tháng 4 năm 1960, trong nhiệm kỳ tổng-thống của đại-tướng Eisenhower.

Tác-giả hiến bạn đọc một cái nhìn khái quát về các quyền hành, trách nhiệm lớn lao, về vai trò đặc biệt trọng-đại, của vị tổng-thống Hoa-kỳ.

Ở phần cuối bài, xuyên qua các quan - niệm của mình về chức vụ tổng-thống, tác giả trình bày một số ý kiến chỉ trích sự thực hành chức vụ ấy của tổng thống Eisenhower, ở một vài lãnh-vực

Người dịch đã giảm lược nhiều đoạn, thay đổi ở một vài nơi cách trình bày câu văn, tuy nhiên luôn luôn cố gắng giữ đúng tinh thần, tư tưởng của tác-giả.

Vào hạ bán thế kỷ 20 này, Hoa - kỳ không còn là một con thuyền mỏng manh bị sóng gió của lịch-sử vùi dập...

Hành động của chúng ta ảnh hưởng khá nhiều đến vận mệnh con người thời đại.

Cố nhiên chúng ta không dám tự hào có uy quyền vạn năng nhưng chúng ta cũng cần ý thức vai trò lịch sử của ta để nhận định khả năng và trách nhiệm lịch sử của dân tộc.

BÀN VỀ CHỨC VỤ TỔNG-THÔNG HOA-KỲ

Từ Thế giới đại chiến lần thứ hai đến nay, chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ đã tỏ ra có tính chất xây dựng và phù hợp với trách nhiệm của chúng ta đối với thế giới.

Chúng ta có thể thừa nhận sự quan trọng của sự kiện này : mặc dù rất giàu mạnh, chúng ta đã biết vận dụng yếu tố ấy một cách kín đáo, khiêm tốn và luôn luôn nhắm phục vụ lý tưởng dân chủ của chúng ta.

Ở nước ngoài, đôi khi người ta hoài nghi, cho hành động của ta có những động cơ vụ lợi này, nọ. Điều này một phần do ở chỗ người ta khó lòng hiểu cho rõ và đầy đủ sự kiện quan trọng nói trên, vốn là một hiện tượng kỳ lạ. Mặt khác, sức mạnh nhu cầu, nguyện vọng của chúng ta, lòng tin thế giới đặt nơi chúng ta và vị trí lịch sử của dân tộc, bấy nhiêu điều qui định cho chúng ta một số nghĩa vụ quốc tế và một chính sách đối ngoại thích hợp với các nghĩa vụ ấy...

Chúng ta đã bước vào một giai đoạn lịch sử dân tộc có những đổi thay nhanh chóng và sâu xa chưa từng diễn ra bao giờ.

Chúng ta có cảm tưởng đang trải qua một cuộc khủng hoảng.. Trong lịch sử, hiện tượng này không hiếm hoi, lạ lùng gì.

Ở vào những hoàn cảnh tương tự, người ta thường có cảm tưởng ấy.

Nhưng ngày nay có hai điều làm cho chúng ta cảm thấy hơi mệt mỏi.

Điều thứ nhất là nhịp điệu tiến triển mau chóng của khoa học và kỹ thuật.

Điều thứ hai là sự tăng tiến không ngừng con số những quốc gia độc lập trẻ trung đang kiến tạo xứ sở...

Chúng ta lại đang nắm giữ một vai trò quan trọng hơn cả bao giờ trên trường quốc tế...

Tôi tin tưởng ở sự khôn ngoan và khả năng của nhân dân Hoa-kỳ trong việc lãnh-hội các vấn đề chính-trị.

Tuy nhiên tôi cho rằng không phải nhân dân có thể hoạch định và tiến-hành một đường-lối chính-trị. Họ không thể bàn cãi xác đáng một đường lối chính-trị, nếu các yếu-tố của vấn-đề không được sắp xếp có hệ thống và trình bày rõ-ràng, cụ - thể.

Trong một xã-hội như xã-hội chúng ta, nhân dân chỉ có thể theo dõi và ủng-hộ một đường lối chính trị khi nào nhà cầm quyền trình bày cho họ thông-cảm tư tưởng, ý định của mình.

Cơ thể và trái tim

Giáo-sư Gaudard d'Allaines bảo :

— Chăm chỉ làm việc mãi rồi cũng có thể biết rõ cơ thể người ta. Nhưng trái tim người ta, nếu chợt thấy mà không biết rõ ngay thì chẳng bao giờ biết rõ cả.

Tổng-thống điều khiển chính sách đối ngoại của quốc-gia với sự giúp đỡ của ngoại trưởng và sự ủng-hộ của quốc hội.

Dưới đây, tôi xin trình bày một vài ý nghĩ về vai trò của tổng thống, mong giúp ích được phần nào cho vị tổng-thống và chính phủ tương lai, dù tổng thống sẽ đặc-cử thuộc về đảng Cộng-hòa hay đảng Dân-chủ.

*
* *

Cựu tổng-tổng Tơ-ruy-mân đã nói : « Tổng-thống (Hoa-kỳ) quyết định về chính sách đối-ngoại ».

Nói như thế tuy không trình bày được được đầy đủ vấn-về nhưng vẫn có giá-trị tóm tắt vấn-đề.

Từ 1789 đến nay, quyền hạn và trách nhiệm của vị tổng-thống đã tăng gia.

Trong chúng ta, có nhiều người không rõ chức-vụ tổng-thống đã diễn biến như thế nào trong vòng ba mươi năm nay.

Hai sự-kiện lịch-sử đã ảnh hưởng nhiều đến sự diễn-biến ấy...

Sự-kiện thứ nhất là vai trò của chính-phủ liên bang trong đời sống kinh tế, xã hội của xứ sở, một vai trò do hai chính đảng Cộng-hòa và Dân-chủ chịu trách-nhiệm.

Sự-kiện thứ hai là những biến-cổ chính trị cách-mạng xảy ra ở nước ngoài, ảnh-hưởng tới vị-trí và chính sách của chúng ta trên thế-giới.

Trong thời-đại này, chức vụ tổng-thống trong các nhiệm kỳ của các ông Rô-dơ-vên, Tô - ruy - man, Ấy-dên-hao bao gồm những trách-nhiệm cực kỳ nặng-nề...

Tổng thống là vị nguyên-thủ quốc gia, tượng trưng cho quốc-gia, dân-tộc.

Đối với thế-giới, tổng-thống là hiện-thân của phẩm giá dân tộc và chủ quyền quốc gia ; có thể bảo rằng tổng thống thế nào thì ở nước ngoài người ta hình dung Hoa-kỳ thế ấy.

Tổng-thống ảnh-hưởng nhiều đến đời sống quốc gia với bản-sắc của mình. Tùy theo tinh-thần, tư tưởng của người mà nhân dân công-cử vào chức-vụ tối-cao ở Bạch Cung, chúng ta hằng hái hoạt động, tin tưởng ở tương-lai hoặc bi-quan, dao-động.

Chúng ta tôn trọng chức vụ tổng-thống và con người gách vác chức-vụ ấy ; đây là nguồn gốc phát sinh quyền hành và uy-thế của tổng-thống, là yếu tố giúp tổng thống có thêm nhiều phương tiện hành động, nhiều khả năng thuyết phục và điều-giải trong sinh hoạt quốc-gia.

Tổng-thống cầm đầu chính phủ, lãnh đạo mười bộ và nhiều cơ quan độc lập khác, sử dụng hai triệu hai trăm năm mươi nghìn công-chức.

Được hiến-phép ủy thác trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc sự thi hành đúng đắn các đạo luật, tổng-thống phải dùng những người có khả-năng trong bộ máy chính quyền vĩ-đại, phải làm cho nhân viên, công-chức trung thành, tận tụy phục-vụ chính quyền.

Để nắm tình hình trong nước thực sát và đầy đủ, ngoài bộ máy hành-chính ra, tổng - thống còn phải sử dụng những phương tiện khác, áp dụng những kế hoạch khác như hỏi han các cộng sự viên thân-tín, đọc báo chí, thư từ, nghiên cứu ý kiến của quốc hội và của đảng mình.

BÀN VỀ CHỨC VỤ TỔNG-THỐNG HOA-KỲ

Để đông-viên bộ máy chính quyền vĩ đại hoạt-động đồng-đều và hữu hiệu, tổng-thống phải có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, có nề-nếp liên lạc thường xuyên với các nhân-viên chính phủ hỏi han về công việc, phê bình, khuyến khích, nêu vấn đề hay cho ý kiến về vấn đề; những cuộc họp báo chí trong đó chính quyền phải giải-thích về các vấn-đề chính sách, chủ trương cũng là hình thức động viên bộ máy chính quyền hoạt động đắc lực ở tất cả phạm vi, địa hạt...

Mỗi bộ, mỗi sở hoạt động trong lãnh-vực của mình. Với sự giúp đỡ của các cộng sự viên tại Bạch Cung và của các cơ-quan hành pháp, tổng-thống thực hiện việc điều-hoà các hoạt động khác nhau để đi đến một hoạt động chung cụ thể của cả nước.

Tổng-thống Hoa-kỳ không có hi vọng làm việc điều hoà ấy một cách êm-ái, trọn vẹn nhưng ông phải cố gắng làm cho các nhân viên chính phủ, các bộ-phận, đơn vị, phải thực-hành một đường lối chính trị chung về những điểm chính yếu...

Theo Hiến pháp, tổng thống là tổng tư lệnh hải, lục, không quân.

Quốc gia, dân tộc giao cho tổng thống thẩm quyền và trách nhiệm quyết-định mọi vấn đề quốc phòng, quân sự.

Tổng thống phải cân nhắc, tính toán lợi, hại, làm cho người quân nhân có tinh thần chiến đấu cao, làm cho quốc dân biết ơn và ủng hộ quân đội. Mặt khác, tổng thống phải cho quân đội thông cảm và tôn trọng nguyên-tắc này: bốn phận đầu tiên của một quân nhân là phục tùng, dẫu quân trật của mình có cao đến đâu, và quân đội là công cụ của chính trị chứ không phải chủ nhân ông của chánh trị...

Với tư cách tổng tư lệnh, tổng thống ra lệnh cho quân đội hoạt động, chiến đấu.

Tổng thống là lãnh-tụ của đảng mình. Tuy nhiên, tổng thống phải tự kìm hãm cảm tình đảng phái, đứng trên bình diện toàn dân, toàn quốc mà hành-động.

Tổng thống còn là nhà làm luật ở hàng đầu các nhà chế pháp. Các đề-nghị, khuyến cáo của tổng thống được dùng làm căn bản cho chương-trình nghị-sự tại Quốc hội.

Quyền phủ-quyết, tư cách lãnh tụ chính-đảng và quyền động-viên dân-chúng ủng-hộ lập-trường, quan-điểm của tổng thống, bấy nhiêu yếu tố khiến tổng thống đóng vai trò quan yếu nhất trong quá trình làm luật.

Tổng thống lại có trách nhiệm nghiên cứu, đệ trình Quốc hội dự-án ngân-sách để Quốc hội bàn cãi và chuẩn y.

Ngân-sách liên-bang — bao quát một phần năm lợi tức quốc gia — và chính sách thuế khoa, tiền-tệ của chính phủ có một sự quan trọng sinh tử đối với đời sống kinh tế, xã hội của xứ sở.

Trước kia, những nhà soạn thảo Hiến-pháp đã nhận định rằng chế-độ chính-trị vững chắc và ổn định của chúng ta sẽ làm cho vị tổng thống trở thành người bảo-vệ Hiến pháp. Cho nên họ đã qui định rằng trong lời tuyên thệ đảm nhận chức vụ, tổng thống Hoa-kỳ phải cam kết tận tâm, tận lực bảo vệ Hiến Pháp.

Mặc dù tổng-thống có quyền phủ-quyết, Quốc hội vẫn có thể quyết nghị ban hành các đạo luật. Tuy nhiên, chính tổng thống có trách nhiệm làm cho các đạo luật được thi-hành một cách thận trọng, vô tư.

Tối cao Pháp viện chăm sóc cho Hiến pháp được tôn trọng đúng theo tinh-thần Hiến pháp nhưng chính tổng-thống phải làm thế nào để đường lối, chính sách, chủ trương của chính phủ phù hợp với tinh thần các đạo luật căn bản do Tối cao Pháp viện diễn-giải...

Tổng thống — hiểu đúng nghĩa của danh từ — là người bảo vệ quyền-lợi quốc gia, dân tộc. Ông trình bày cho Quốc hội và nhân dân hiểu các nhu-cầu tổng quát của xứ sở. Thế thường người ta quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề của địa phương, khu vực và bản thân. Cho nên mọi người đều cần sự giúp đỡ của tổng-thống, để ý thức bốn phận công dân và nhu cầu quốc gia.

Tuy nhiên vai trò của tổng thống Hoa-Kỳ ở thời-đại này không thể được giới hạn trong vòng bảo vệ quyền-lợi quốc gia.

Chúng ta đã ký kết những hiệp ước quốc tế, chúng ta đứng trong hàng ngũ những khối liên-minh quốc-tế.

Chúng ta đã lớn mạnh lên nhưng chính sự lớn mạnh này — trao cho Hoa Kỳ những trách-nhiệm quốc tế quan trọng — đã làm giảm thiểu chủ quyền quốc gia của chúng ta. Không phải chúng ta muốn làm gì thì làm mà quyết định một chính sách, chủ trương, chúng ta phải quan tâm đến quyền lợi của các quốc gia, dân tộc liên minh, thân hữu.

Nếu vị tổng-thống Hoa-Kỳ không thực hành thoả đáng nhiệm vụ nguyên thủ một quốc gia liên minh với các quốc gia khác, tất nhiên trong một thời gian ngắn, những khối liên-minh hiện thời sẽ cáo chung...

Bao nhiêu quyền hạn và trách-nhiệm nói trên thu hết tất cả thì giờ, tâm tư, nghị lực của tổng thống.

Đã đành tổng thống có thể san-sẻ bớt quyền hành cho các cộng sự viên nhưng cuối cùng chính tổng - thống phải chịu trách-nhiệm.

Cho nên mới có ý-kiến rằng chế độ chính quyền của chúng ta là Tổng-thống chế.

*
* *

Trong khuôn khổ trách-nhiệm quá ư nặng nề đã nói ở trên, Tổng-Thống Hoa-Kỳ có nên và có đủ điều-kiện đảm đương thêm trách-nhiệm chính mình tham-dự Hội-nghị Tối-cao ?

Tôi thấy rằng Tổng-Thống có thể và nên có những cuộc du-hành ngắn hạn, thăm viếng nước ngoài. Nhưng các cuộc viếng thăm thiện-chí, xã-giao này không cùng tính-chất, ý-nghĩa với những cuộc thương-thuyết giữa các vị nguyên - thủ quốc-gia tại một Hội-nghị Tối-cao.

Những cuộc thương-thuyết nói trên đây khó thích-ứng với chế-độ của chúng ta, được xây-dựng trên nền tảng một Hiến-pháp đặc-biệt.

Kinh-nghiệm của chúng ta về Hội-nghị Tối-cao khiến chúng ta nghĩ rằng chính sách đối - ngoại theo phương - thức ấy không đem lại lợi-ích cho xứ-sở.

Tôi cho rằng, đối với phương-thức trên của chính-sách đối ngoại, ta nên có sự khôn ngoan, thận-trọng của một ông thầy khi cho một thứ thuốc có thể làm cho con bệnh dễ quen.

Người ta chỉ nên trị-bệnh với phương thang ấy trong những trường hợp đặc-biệt

và trước đó cần phải trù liệu kỹ càng hầu bảo-đảm cho thuốc không làm hại con bệnh.

Người Mỹ không sốt-sắng hưởng-ứng đề-nghị Hội-nghị Tối-cao. Nhưng các lý-do chúng ta đã nêu ra không được rõ ràng khiến cho ngay đồng-bào chúng ta cũng không lãnh hội được đầy đủ, huống chi các bạn của chúng ta và đối phương của chúng ta ở nước ngoài.

Điều này không đáng ngạc - nhiên.

Có trường - hợp, ta không thể yêu-cầu Tổng - Thống cho biết nội - dung, kết quả thương-thuyết. Có trường-hợp khác, sự tiết lộ về cuộc thương - thuyết có thể làm cho các nước bạn không hài lòng. Cuối cùng, còn có trường-hợp, sự phổ biến nội dung, kết quả thương-thuyết sẽ làm lợi cho đối-phương của chúng ta.

Cũng vì thế mà từng thời-gian chúng ta cứ được mời thương-thuyết ở cấp bậc tối-cao và chúng ta vẫn chỉ có thể đưa ra một luận điệu quá ư đơn giản để khước từ.

— Chúng tôi cần có trước bằng-chứng rằng một cuộc gặp gỡ như thế có lợi.

Một luận-điệu khước từ kể ra có phần non yếu vậy. Vì đâu chúng ta không mấy sốt-sắng hưởng - ứng đề-nghị họp Hội-nghị Tối-cao ?

Một đảng, có một số yếu-tố chính trị và hiến pháp ngăn cản chúng ta ; đảng khác, quan - niệm về một chính sách đối-ngoại hữu-hiệu khiến chúng ta thận trọng.

Vai trò của nhân vật ở cấp tối-cao đi thương-thuyết nào phải chỉ là truyền-đạt lại bằng lời những bản văn, những tài-liệu mà các cộng-sự viên đã soạn-thảo

cho ông, dù rằng những cộng-sự viên này tài giỏi đến đâu đi nữa.

Những vấn-đề nêu ra tại Hội-nghị Tối-cao đương nhiên phải quan trọng. Người đi thương-thuyết phải am tường căn-kế trước khi cuộc nói chuyện bắt đầu. Ông ta phải ước lượng đúng đắn phạm - vi vấn-đề, hiểu biết vấn-đề trong từng chi-tiết nhỏ-nhất. Ông phải nghiên-cứu thấu-đáo lập-trường của mình, nhận định lợi-điểm và nhược-điểm. Ông phải thấu-triệt lập - trường của những kẻ đối-thoại. Về những vấn-đề đem ra bàn-cãi, ông phải nhận-thức tầm ảnh - hưởng đối với các nước không dự họp cũng như đối với quyền-lợi Mỹ ở khắp nơi trên thế-giới.

Đối với kẻ thù chính, ông cần cố-gắng, trong phạm-vi có thể dự-kiến thái-độ của họ, cũng như dự-kiến mọi tình-thế mà đối-phương có thể đặt mình vào. Ông còn phải chuẩn-bị kỹ-càng các việc ông sẽ làm ngoài các cuộc thương-thuyết chính - thức : dự lễ, tiếp tân, hội đàm riêng, họp báo v.v...

Ngoại-trưởng và mấy nhân vật phụ-tá có thể giúp Tổng-thống đặc lực để ông thực - hiện bấy nhiêu trách nhiệm. Nhưng phải nhận rằng vị nguyên - thủ quốc-gia đi thương-thuyết ở một vị trí có phần giống một tướng soái. Ông cần quán-triệt tình-hình, hiểu mình định làm gì, phải làm gì trong tình - hình ấy thì sự giúp đỡ của cộng-sự viên mới hiệu-quả...

Sự vắng mặt lâu của Tổng-thống Hoa-kỳ ở thủ-phủ Hoa - thịnh - đốn là một điều có ảnh-hưởng quan-trọng.

Người ta có thể chấp nhận ý kiến lý-thú rằng Tổng-thống Hoa-kỳ ở đâu thì

tòa Bạch Cung ở đó nhưng đồng thời cũng phải thấy rằng những thời kỳ Tổng-thống vắng mặt lâu dài ở Hoa-thịnh-đôn có phương - hại đến sự làm tròn chức-vụ của ông.

Khi Tổng-thống không có ở Bạch Cung, hơn viên thuộc quyền phải hoãn việc giải-quyết những vấn-đề quan-trọng ; thậm hoặc có giải quyết thì người ta cũng chỉ có thể giải-quyết trong phạm-vi thẩm quyền, trên cương vị trách-nhiệm, của cấp bộ, hoặc của liên-bộ mà thôi. Quyền hạn và trách-nhiệm quyết-định tối-hậu vẫn là ở tổng-thống.

Về phần mình, vị tổng-thống du-bành bị đứt liên-lạc phần nào với nội-các, với các cộng sự viên, với các nhân-vật lãnh-đạo quốc-hội, với đảng của mình. Hơn nữa, ông không thể nào làm tròn bao nhiêu trách nhiệm mà chức-vụ tổng thống qui định cho ông, như đã nói ở trên.

Hẳn rằng tổng-thống có thể rời Hoa-thịnh-đôn vì công vụ hay để đi nghỉ nhưng chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng sự vắng mặt lâu của tổng-thống có những hậu quả sâu xa cho chế-độ.

Mùa thu năm 1943, tổng thống Hoa-Kỳ Rô-dơ-vên, thủ tướng Anh Sút-sin và thống-chế Nga Xít-ta-lin bàn bạc với nhau

để chọn địa-điểm họp sắp tới của hội nghị Tam Cường.

Xít-ta-lin muốn họp ở Ia-rân, kế cận Nga-sô, viện cớ rằng ông ta cần lãnh-đạo chiến-tranh ở mặt trận phía Đông.

Rô-dơ-vên muốn họp ở Bắc Phi, nhấn mạnh rằng ông không thể ở một chỗ quá xa Hoa-thịnh-đôn vì ông có trách-nhiệm xem xét, phê chuẩn hay phủ quyết những đạo luật do quốc hội chuyển đệ, trong thời hạn mười ngày qui định trong Hiến pháp. Địa-điểm Tê-hê-rân (thủ-phủ của Ia-rân) không thuận-tiện cho ông vì xa và trong thời gian hội nghị dự-tính, thời - tiết lại xấu, trở ngại cho phi-cơ đi, lại.

Nhưng Xít-ta-Lin vẫn từ chối đề-nghị của tổng-thống Rô-dơ-Vên và cuối cùng cuộc hội họp diễn ra ở Tê-hê-rân. Trong khi nhượng bộ Xít-ta-lin, ông Rô-dơ-vên bảo ông này : « Ông sẽ hài lòng được biết rằng tôi đã ấn - định một kế - hoạch mà nhờ đó, nếu có trường-hợp một dự án luật do Quốc-Hội biểu-quyết phải đệ trình để tôi sử - dụng quyền phủ quyết tôi sẽ phải bay về Tuy-ni đã rồi mới tái dự hội-ng nghị được ».

Có lẽ giải pháp êm đẹp ấy đã làm cho Xít - ta - lin có cảm tưởng đậm đà rằng vấn-đề kia chẳng có gì quan trọng.

★ Hòa-bình thế-giới ngày kia sẽ xuất hiện, không phải vì loài người sẽ trở nên tốt lành hơn (không sao hy-vọng được như thế) ; mà vì một trật tự mới, một khoa-học mới, những nhu-cầu kinh-tế mới bắt buộc họ phải sinh-hoạt trong cảnh hòa-bình.

(Anatole France, Sur la pierre blanche)

BÀN VỀ CHÚC VỤ TỔNG-THÔNG HOA-KỲ

Trong cuộc can-thiệp võ-trang của Liên-Hiệp-Quốc tại Hàn-quốc, yếu-tố thời gian quan-hệ biết bao đối với chúng ta. Tổng-thống To-ruy-man đã có những quyết-định kịp thời đối phó với kẻ xâm-lược.

Nếu bao nhiêu quyết-định của tổng-thống Hoa-Kỳ bấy giờ chậm lại hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chắc rằng chúng ta đã chứng kiến tại Hàn-quốc một tình-hình nghiêm-trọng hơn nữa...

Chúng ta không khỏi lo ngại khi nghĩ rằng trong hiện tình thế-giới vị tổng-thống, vì vắng mặt, không thể làm tròn kịp thời trách-nhiệm quan yếu của mình...

Xin trở lại vấn-đề Hội-ngị Tối-cao...

Thường thường, mỗi vị đại-diện tối-cao của quốc-gia bắt đầu cuộc thương-thuyết với hy-vọng đạt được một sự thỏa-thuận trong những điều-kiện do mình đề-nghị. Nhưng vấn-đề chính là tìm xem những điều-kiện ấy có thích-hợp với những kẻ đối-thoại khác hay không, có thể được họ chấp-nhận hay không...

Nếu người ta biết trước rằng không thể được như thế thì tại sao phải tiến hành cuộc thương-thuyết?

Nhà ngoại-giao kinh-nghiệm thường hay tránh sự tiếp-xúc trực tiếp giữa các nhân-vật có trách-nhiệm hàng đầu.

Trước hết phải có một cuộc thương-thuyết sơ-bộ để tìm hiểu tình-hình, để nhận thức các quan-điểm chống nghịch để thử đề ra các giải-pháp, để nghiên-cứu, cân nhắc các đề-nghị. Công cuộc này đòi hỏi nhiều thì giờ nhiều sự kiên - nhẫn và nhiều sự sáng tỏ, rõ-ràng, ba yếu-tố không dễ tìm thấy được ở một Hội-ngị Tối-cao.

Sự gặp mặt, trực tiếp đối-thoại giữa các vị nguyên-thủ cường-quốc tạo nên một không khí căng-thẳng đặc biệt bởi vì như vậy là các vấn-đề được đưa tới cấp bậc tối-hậu quyết-định.

Nếu một sự sai lầm hay một sự hiểu lầm xảy ra thì hậu-quả sẽ tại hại bội phần vì vấn-đề bàn cãi nghiêm trọng, lại vì người thương-thuyết nắm trong tay những quyền hành lớn nhất.

Ta hãy tưởng tượng hai người đối diện với nhau bàn cãi về những vấn-đề liên-quan đến chính sự sống còn của những chế-độ mà họ đại-diện. Cả hai đều có thể phát động những lực lượng tàn phá ngoài sức tưởng tượng của con người...

Ta có nên để cho họ tranh cãi với nhau chăng?

Một trong những luận-điệu tán-thành Hội-ngị tối cao là các cuộc thương thuyết diễn ra ở cấp bậc này hiển cho các vị nguyên thủ cơ-hội trực-tiếp bàn-cãi với nhau; vì là các vị cầm quốc-gia, họ có thể kết-thúc nhanh chóng với nhau những hiệp-uớc trên tinh thần dứt khoát.

Nhưng tổng-thống Hoa - kỳ phải luôn luôn nhớ trong trí rằng một khi trở về xứ-sở, ông phải chứng minh những sự cam-kết của ông tại hội-ngị.

Nếu tổng-thống ở nhà, thường xuyên liên hệ với các bộ trưởng, với các vị lãnh đạo quốc-hội, và các lãnh-tụ thì chắc ông có thể phản ứng nhanh hơn và vững vàng hơn.

Một luận-điệu tán-thành Hội nghị tối cao cho rằng « Nếu muốn thương thuyết

với Nga-sô thì ông buộc lòng phải nói chuyện với ông Kút-sếp ».

Luận-điều này không thuyết-phục được ai dễ dàng. Tại sao ta lại để cho Nga-sô quyết-định về phương thức thương thuyết quốc-tế ?

Nếu ông Kút-sếp nhứt định muốn có một ngoại trưởng đồng thời cũng nhứt định tự mình đi thương thuyết ở Hội nghị Tối cao, ta có nên vì áp lực của ông ta, cũng gián-tiếp tỏ thái-độ không tín-nhiệm như thế đối với vị ngoại-trưởng của ta ?

Há chẳng nên quả quyết rằng mỗi quốc-gia có toàn quyền quyết-định về người sẽ được ủy thác trách-nhiệm đại diện thương thuyết ở cuộc họp theo cấp bậc cao nhứt ?

*
* *

Có thể rằng có những biến đổi quan trọng trong đường-lối, chính sách chủ trương của Nga-sô.

Có thể rằng hiện nay ở Nga, bắt đầu có sự lo ngại chiến tranh nguyên tử, rằng Nga-sô, một chế-độ độc tài thống-trị bằng sự khủng-bố của Công-an, mật-vụ, đang lâm vào một tình-thế không lối thoát, rằng dư luận dân chúng tác-động vào đường lối chính trị của chính-phủ và đảng theo chiều hướng hòa dịu hơn.

Có thể rằng cuộc cách-mạng Cộng-sản đã đi đến một giai-đoạn mà chủ nghĩa, lý-thuyết không còn là động lực thúc đẩy, một điều đã xảy ra cho các cuộc cách-mạng khác.

Cũng có thể rằng ông Kút-sếp cần có Hội-nghị Tối-cao để dựa vào đây thực-hiện vài sự cải-cách trong nội bộ nước Nga.

Nếu những giả-thuyết trên có được chút nào căn-cứ, thì chắc không ai phải tiếc sự cố gắng của tổng-thống khai thác những yếu tố tình hình ấy trên tinh thần phụng sự hoà-bình...

Nhưng nếu dựa vào tin tức chính thức, người ta sẽ nhận rằng không có gì cho phép chúng ta nghĩ Nga-sô đã thay đổi mục tiêu chính trị, trái lại nhiều điều cho thấy sức mạnh đang lên có thể cho phép họ đeo-đuổi các mục tiêu kia.

Tổng-thống sử dụng nhiều bộ-thống cung cấp tình hình, tin tức cho ông. Ông có thể hành-động theo một đường hướng mà ông xét có lợi cho xứ sở và thế-giới. Tuy nhiên chúng ta cũng mong ước ông quan-tâm đến những cái hại của ảo-tưởng.

Một dân-tộc dân chủ rất có thể ôm-ấp trong lòng những hi-vọng hào-huỳnh. Trách-nhiệm của vị nguyên-thủ là vạch chỉ cho chúng ta thấy đâu là bốn phận của chúng ta trong một thực-tại kém tươi đẹp.

Chúng ta hãy tóm tắt...

Nếu chúng ta muốn giữ một niềm tin nơi chúng ta, cần luôn luôn quan-tâm đến những vấn-đề sinh tử như : đoàn kết nhứt trí với các quốc gia đồng-minh, thắt chặt bang giao với các quốc-gia mới thu hồi độc-lập, tăng-cường giá trị, sức mạnh của quân-đội, phát triển đúng hướng nền kinh tế... vân... vân.

Chúng ta nghĩ rằng tổng-thống làm tròn chức vụ, thi hành đầy đủ quyền hành và trách-nhiệm của mình, lo lắng cho mỗi công-dân nhận thức bốn phận, đó là sự cống hiến thiết-yếu của tổng-thống cho chính sách, đường lối ngoại giao.

BÀN VỀ CHỨC VỤ TỔNG-THỐNG HOA-KỲ

Tổng-thống Hoa-kỳ có những quyền-hành và trách-nhiệm hết sức trọng-đại.

Với cả một nỗi niềm trắc-ấn, chúng ta xác nhận rằng trách-vụ ấy quá nặng đối với một con người, rằng những khó khăn mà tổng-thống phải đương đầu có thể vượt quá khả-năng giải-quyết của một bộ óc con người. Cho nên chúng ta phải tự thấy sung sướng được có những người cả gan nhận lãnh trách-vụ ấy.

Chính lòng tôn-kính chức vụ tổng-thống đã khiến chúng tôi có một số ý nghĩ về các cuộc du-hành của tổng-thống thăm viếng mấy chục nước trong thời hạn vài tháng...

Chế-độ tổng-thống đòi hỏi sự có mặt thường của tổng-thống ở vị-trí lãnh-đạo, chỉ huy, quyết định tối hậu...

Có những giờ phút mà toàn thế-giới nín thở, đợi chờ sự quyết định của tổng-thống, mà số phận của toàn thể chúng ta hoàn toàn nằm trong tay của người...

Chính vì nghĩ tới bao nhiêu điều ấy mà chúng ta phải quý trọng đặc biệt thời giờ và nghị-lực của tổng-thống, mà chúng ta phải chống lại những gì trở ngại tổng-thống làm tròn chức vụ nặng-nề của mình.

DEAN RUSK

TIỂU-DÂN lược thuật



CÀN TRUYỆN NGOẠI - QUỐC

Các bạn nào có những truyện ngoại-quốc sau đây xin vui lòng cho chúng tôi mượn để sao lại :

Le collier (Guy de Maupassant) Johnny người Gầu (1) của John Steinbeck, Mưa lúc rạng đông (1) của Constantin Paoustovski, Victoire (William Faulkner)

Chúng tôi xin cảm ơn trước

Xin các bạn gửi về :

NGUYỄN-HỮU-NGU

do Bách-Khoa

160, Phan-Đình-Phùng

(1) Chúng tôi không nhớ tên nguyên văn

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Scheler:

con người hờn dối

(*Vom Umsturz der Werte*)

★ NGUYỄN-ANH-LINH

NIETZSCHE thiết lập thuyết siêu nhân để thay thế luân lý công giáo, là một thứ « luân lý nô lệ » đã tạo nên những tâm hồn mệnh danh là đạo đức, nhưng kỳ thực toàn là những tâm hồn ngụy thiện, giả dối, đầy hờn dối ». (1)

Trong sách « *L'homme du Ressentiment* », con người hờn dối, nhà triết học cận đại, Max Scheler, thuộc phái hiện sinh Đức, mới là người đã tỷ-mỷ nghiên cứu tâm trạng kia và đã cố tìm con người đó trong luân lý công giáo: Ngoài một vài lần, Scheler đã có những nhận xét sâu

sắc về Thiên-Chúa Giáo, về kết quả thu lượm được thật là bất ngờ.

*
* *

Hờn dối là một mặc cảm.

Trung thành với những lập trường muốn coi « con người như một toàn bộ, bất khả phân ly, với những lực lượng tâm linh cao quý nhất », Scheler chủ trương hờn dối tương tự như mặc cảm theo định nghĩa của Freud. Nó không lệ thuộc vào sinh hoạt lý trí, hay sinh hoạt tình cảm, hay sinh hoạt ý chí; nó không bắt nguồn ở lý trí để gây nên những phản ứng tình cảm, cũng không phát xuất do tình cảm để rồi cậy nhờ lý trí minh chứng. Ngay khi phôi thai, nó vừa được lý trí lẫn tình cảm, mà ta khó biết được phần nào là yếu tố căn bản. Nó như

(1) Xin xem Bách-Khoa số 92: Nietzsche: con người siêu nhân.

Những đoạn trích dịch trong bài này lấy ở *Recherches de Science religieuse* — Avril et Juin 1937.

một khối mà các phần tử chặt chẽ liên kết với nhau. Không thể gọi là một « trạng thái của ý thức », vì nó là một động lực. Nó biến đổi, bành trướng mà không chỗi bỏ quá khứ của mình ; nó giống « đà sinh lực » của Berzson.

Cũng như mặc cảm của Freud, ta chỉ có thể hờn dỗi qua những hiện tượng của nó. Và những ai nông cạn khó bắt gặp được bộ mặt thật của nó. Cắt nghĩa hờn dỗi bằng cách tổng kết các thành phần lý trí, tình cảm của nó là thất bại. Cần phải theo sát để phân tách và diễn tả những biến thiên của nó, khi sơ sinh cho đến khi trưởng thành. Duy hiện tượng luận hy vọng nắm được phần nào chân dung của nó.

Lại lịch hờn dỗi.

Khởi điểm của hờn dỗi luôn luôn là một cảm giác ty tiện, bất lực, mà ta muốn che đậy, hay, nói theo kiểu Freud, mà ta muốn ản ức, chà đạp, đẩy lui vào tiềm thức. Scheler công nhận có những giá trị luân lý khách quan khách nhau, mà con người lành mạnh có thể biết được. Nhưng mỗi khi nhận ra một giá trị, ta vẫn có khuynh hướng chiếm giữ lấy giá trị đó, coi như là của riêng mình. Chính vì ta thất bại trong việc chiếm hữu, mà nảy ra trạng thái hờn dỗi. Nảy ra một cách không thể bảo được là tất định, vì ta vẫn có thể tránh được tâm trạng đó bằng cách lướt thắng và chế ngự nó. Chỉ những ai không thông trị nổi nó, mới đâm ra hờn dỗi và bây giờ mới lo đẩy lui cái cảm giác chiến bại của mình : tâm hồn trở nên xao xuyến mà

kết quả là chỗi bỏ cái giá trị mà ta không nắm được nữa, để rồi tâng bốc chính cái giá trị đối lập. Như thế là tâm hồn đã tự tác tạo một giá trị giả dối cho mình, còn giá trị chân chính hay điều thiện lại biến thành vô giá trị hay điều ác. Lương tâm như bị nhiễm độc ; lý trí và tình cảm như bị hư hỏng và hành vi tác tạo những giá trị giả dối trở nên vô ý thức : ta tự dối ta, mà ta không hay :

« Sự nói dối có hệ thống xuất hiện,
« mỗi khi ta nhìn nhận những gì lợi
« ích cho ta, hay những gì mà bản
« năng ta quan tâm đến, và đối vật
« biến đổi ngay trong cả ký ức của
« ta. Con người tự lừa mình như thế
« thì không cần nói dối nữa. Điều mà
« con người sáng suốt cho là kết quả
« một cuộc lưỡng gạc có ý thức, thì ở
« đây chỉ là kết quả hiển nhiên của
« hành động tâm hồn. Có lẽ bề ngoài,
« bản tâm còn cảm thấy những ý định
« hoàn toàn ngay thật và trung thành,
« nhưng cách nhận định các giá trị
« dần dần đổi hẳn. Và căn cứ vào dữ
« kiện bị xuyên tạc đó, phê bình của ta,
« mà ta cho là « thành thực, là chân
« thật », thì thực sự đã bị ảo ảnh
« chi phối. (L'homme du ressentiment,
trang 62.)

Hành-vi đó giải phóng con người khỏi mặc cảm bất lực, và vì thế nó rất dễ hướng về hờn dỗi :

« Sự đánh sứt giá trị các sự vật...
« biểu lộ một cố-gắng để giải quyết
« xung khắc giữa dục vọng và bất
« lực và do đó giải quyết được
« đau khổ mà chúng gây nên. Từ
« nay, lòng ham muốn của chúng

« ta, hay cường độ của lòng ham
 « muốn đó, chúng ta cho là phi lý,
 « khi điều ta mong mỏi không còn
 « giá trị, không bỏ công tìm kiếm;
 « như vậy, ham muốn của ta nguôi
 « dần, và đồng thời không còn hấp
 « dẫn, không còn làm cho chúng ta
 « bất lực nữa. Trái lại, ta tự cảm thấy
 « khoắn khoái, hẫnh diện; uy lực
 « của ta tăng cường dù lý do là một
 « ảo vọng » (L'homme du ressentiment, page 56.)

Tính cách tiêu cực của hờn dối.

Đặc tính của hờn dối, yếu điểm làm cho ta biết đâu có hờn dối là tính cách tiêu cực của nó: ta theo đuổi một giá trị không vì nó có giá trị, mà vì ta ghét cái giá trị đối lập nó:

« Hờn dối được biểu thị theo một
 « lược đồ nhất định: ta đề cao, ta
 « tôn kính, ta tán thưởng một giá trị,
 « không vì nội dung của nó, mà vì ta
 « nhằm một mục đích, mà luôn luôn
 « ta không thú ra, ta nhằm mục đích
 « phủ nhận, hạ giá một giá trị nào
 « khác. Ta đòi chọi giá trị này với giá
 « trị nọ. » Chẳng hạn, « Người phản
 « giáo không phải là người mà trong
 « cuộc biến chuyển tâm hồn, đã đòi
 « hẳn lý tưởng về tôn giáo, xã hội,
 « chính trị hay triết lý dù cuộc biến đổi
 « đó nhanh chóng và bất ngờ. Người
 « bội giáo chính là người sống trong
 « tình thần đức tin mới mẻ, không vì
 « nội dung tích cực của đức tin mới
 « này, hay vì để thực hiện những mục
 « tiêu riêng biệt của đức tin đó, mà vì
 « đức tin mới đòi lập với đức tin cũ,

« vì anh thích phủ nhận đức tin cũ,
 « Vậy, theo nghĩa đó, bội giáo ngược
 « hẳn với cuộc tái sinh (công giáo),
 « vì trong cuộc tái sinh, đức tin và
 « đời sống mới tự nó có một ý nghĩa
 « và một giá trị » (L'homme de ressen-
 « timent, page 45.)

Dù sao sự phủ nhận của ta về một giá trị không làm cho giá trị đó bị thủ tiêu:

« Đối với người hờn dối, những
 « giá trị vẫn tồn tại thực sự và khách
 « quan, nhưng bị những giá trị khác
 « làm lu mờ và chỉ xuất hiện qua
 « những giá trị giả dối đó. Yếu tố căn
 « bản và tối sơ của hờn dối trong
 « kinh nghiệm toàn diện và sống động
 « mà ta phân tích, chính là sự xuất
 « hiện của những giá trị chân thật và
 « khách quan qua những giá trị giả
 « dối đó, là cái cảm tưởng lu mờ ta
 « đang sống trong một thế giới giả
 « dối, hư ảo, mà ta không thể đánh
 « tan để nhận thấy chân lý. » (L'homme
 « du ressentiment, page 35).

Chính vì thế mà con người hờn dối không có ý thức rõ rệt và sống một đời sống mà người lành mạnh cho là « khẩu thị tâm phi »

Nhưng không thể kết luận rằng bắt thừa nhận một giá trị là hờn dối. Có những tâm hồn cường liệt nhưng đơn sơ quá hướng về những thực hiện nhất thời, không nhìn xem quanh mình, nên không thấy được các khía cạnh chi tiết tẻ nhạt và chỗi bỏ những giá trị chân chính. Chỉ là một ngộ nhận ngây ngô, hồn nhiên, không phương hại lắm, không làm cho « lương tâm nhiễm độc ». Muốn đâm chối này lộc, hờn dối đòi hỏi một sự triệt thấu

các giá trị, một lòng tham muốn do các giá trị gây nên, và một sự bất lực để đạt đến các giá trị đó. Đâu có tình trạng mất thế quân bình trên, thì đây là một cơ hội thuận tiện cho hờn dỗi xuất phát. Có thể bảo con người thần kinh suy nhược hướng chiều về hờn dỗi.

Hờn dỗi và xã hội :

Nguồn gốc gây nên bất lực để thực hiện những giá trị mà ta tán thưởng không chỉ là cá nhân, mà còn là xã hội nữa :

« Ở giai cấp xã hội do hệ thống
« chính trị hay truyền thống tạo ra
« mà điều kiện pháp lý, mà quyền hành
« càng không ăn khớp với sự thực hay
« thực lực của các giai cấp, thì hờn
« dỗi càng bùng nổ. Vì thế, hờn dỗi
« phải mạnh mẽ đến cực độ ở những
« xã hội theo kiểu chúng ta, mà quyền
« chính trị hầu như giống nhau, nghĩa
« là ở xã hội mà cạnh quyền bình đẳng
« trước pháp luật còn có những cách
« biệt lớn lao về của cải, năng lực,
« văn hóa. v.v... ở xã hội mà ai cũng
« có quyền xét đoán, nhưng kỳ thực ai
« cũng đều bất lực. » (L'homme du
Ressentiment page 22)

Vẫn hay, những cách biệt quá đáng trong xã hội có thể là mầm mống cho một cuộc cải tổ và đưa công dân nhận định phẩm giá của mình, nhưng chúng cũng có thể là dịp làm cho ta miệt thị các giá trị chính đáng, nếu ta

không lập nổi cái hồ chia rẽ giữa giai cấp, địa vị và khả năng, thực lực của ta.

Hờn dỗi và lãnh đạo.

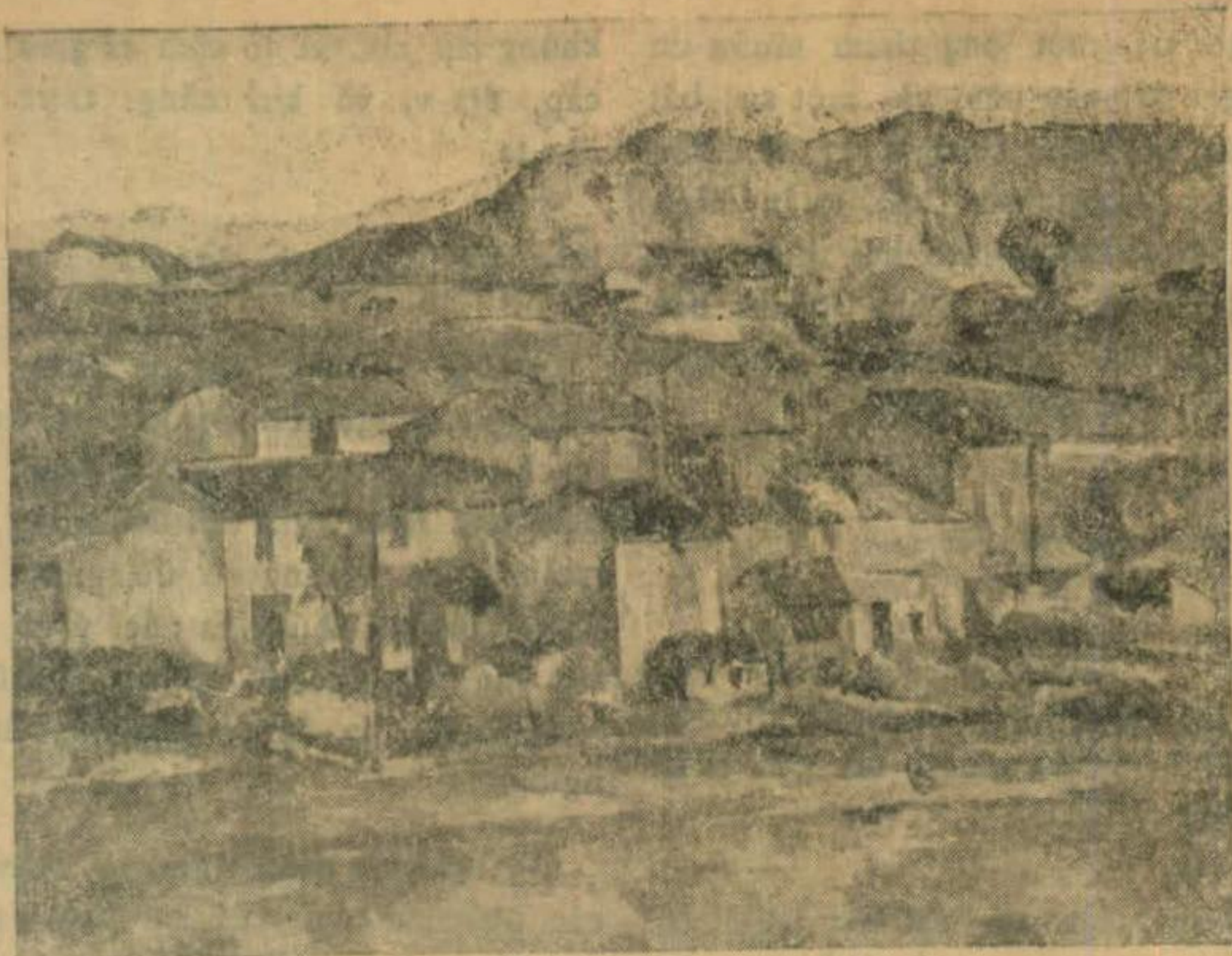
Những vị lãnh đạo có phạm sự hướng dẫn người dưới, hay có trọng trách nêu cao gương sáng, cần lưu tâm đến cảnh huồng giả dỗi để lường gạt phạm nhân. Chúng ta đừng vội tin vào cảm tình chúng ta : ác ý và lừa bịp vẫn khôn khéo ẩn núp dưới những hình thức đẹp để mê hoặc lòng người.

Một khuyết điểm thường thấy ở các nhà đã khám phá ra được một tia sáng, là phổ biến khám phá của mình, đặt thành hệ thống để áp dụng vào bất cứ vấn đề nào... Nhưng Scheler không tránh được lầm lỗi đó, khi chủ-trương hờn dỗi là nguồn gốc của triết học cận-đại, hờn dỗi cắt nghĩa những triết-lý nhị-nguyên, nhất là thuyết tân bá lập đổ và Descartes. Hờn dỗi là lý-thuyết của Pascal :

« Chính hờn dỗi đã làm cho Pascal
« thốt ra câu : cái tôi là đáng ghét.
« Pascal mà tâm hồn dày đặc hờn dỗi,
« Pascal mà thiên-tài đã được dùng
« để che dấu hờn dỗi và mặc cho
nó một nghĩa công-giáo. » (L'homme de ressentiment, page 54.)

NGUYỄN-ANH-LINH

Kỷ tới : Đạo công - giáo và hờn dỗi.



Núi Sainte-Victoire miền Gardannes 1885 của Cézanne.

THỬ TÌM HIỂU HỘI-HỌA

★ ĐOÀN-THÊM

III. — TRANH LẬP-THỂ

TRONG các lời vẽ biên đời nét hình người hay cảnh vật, thì Lập-Thể thường kêu gọi nhất tính hiệu-kỳ của khán-giả, nhưng tới nay còn khiến quần-chúng sửng sốt, chẳng những ở Việt-Nam. Ngay ở Pháp, mới đây tạp chí Réalités tổ chức cuộc thăm dò dư-luận về họa-phẩm Picasso, thấy rõ phần đông dân-chúng vẫn không hoan nghênh nhiều bức của ông, dù đã nổi tiếng trong làng vẽ méo mó

lùng củng (1). Tuy-nhiên, chúng ta cứ nên tìm hiểu trước hết.

Tôi thú thật đã gặp nhiều nỗi khó khăn hơn là đối với các họa-phẩm khác, vì mới đầu tôi ý vào các sách nghiên-cứu hội-họa : khôn thay, chẳng có tác-giả nào cho tôi hài lòng. Có vị giảng cũng khá tường, nhưng khi ngắm

(1) Les Français jugent Picasso : enquête de Marthe de la Rochefaucauld — Réalités — Février 1960, n° 169.

lại nhiều tranh, tôi thấy không vẽ đúng lẽ lời mà vị đó đã vạch rõ đặc điểm. Vị khác nói nhiều về thân thể họa-sỹ, hoàn-cảnh phát sinh và sự tiến-triển của Lập-Thể, nhưng không cân nhắc phần dõ phần hay. Rất nhiều tranh được in rõ lại với cả ánh sắc, nhất là của Picasso và Braque, hai cao-tổ Lập-Thể, song những lời dẫn-giải chú-thích dưới mỗi bức quá vắn tắt, hàm hồ, tán rộng, không mấy ai và chẳng mấy khi dám nói « chẻ hoe » rằng nét ra sao, màu thế nào, dàn xếp trình bày có hợp các qui-tắc lập-thể không... Đền nổi tôi có cảm-tưởng : một là các vị phê bình dè dặt vì quá nể các nhà danh-họa, hai là chính các vị cũng... chẳng nhẽ lại thế ? — cũng chưa thấu đáo ? ?

Song nói vậy không phải là tôi chưa nhờ các vị hướng dẫn bước nào : kẻ thì cũng có, nhưng lần này được hơi ít, nên tôi đành phải lần mò lấy theo lời khuyên của P. Abraham (1), cò lý hội những yếu-điểm trong lý-thuyết Lập-Thể, rồi nhìn dần, ngấm lại, suy luận về các thói quen của nhõn-quan, ít nhất để có ý-niệm rõ rệt về một họa-phái mà kẻ khen cũng lắm, người chê cũng nhiều.

*
* *

Trước hết, đây là đại-ý những điều giảng trong các sách mà tôi đã cò thấu thập, rồi phôi hợp để tự trả lời về những điểm thắc mắc :

a) — Vì sao gọi là Lập-Thể ? Lập-Thể, nếu dịch ở tiếng Pháp « création de formes », nghĩa là đặt ra các hình-thể mới, chớ không vẽ theo lối bắt

chước y như các cảnh vật có thực quanh mình. Đó là một mục-đích của họa-sỹ phái này, song cũng chung cho cả nhiều họa-phái khác cùng thời hoặc về sau. Thành ra danh-từ trên không đúng hẳn chữ Pháp, là *Cubisme*, phái vẽ theo những hình khối vuông (cubes). Đó chỉ là lời nói cợt của nhà phê bình Vauxcelles khi thấy bày những tranh lập-thể của họa-sỹ Braque, năm 1908 : nhưng thế rồi thành tên thật (2). Nếu dịch sát nghĩa thì « Cubisme » nên gọi là « Lập-Phương ».

b) — Vì sao vẽ theo các khối vuông ? Như đã trình qua ở bài trước, cuối thế-kỷ XIX, họa-sỹ Cézanne chủ trương vẽ mọi vật theo hình khối, vì vật nào cũng có thể biến ra trụ, chóp nón, hay cầu tròn, để giản-dị-hóa nét vẽ và dễ thể hiện các bề không-gian trên bình-diện bức tranh. Thoạt trông những tranh dưới đây, ta thấy giống của Cézanne, và có lẽ đúng như lời các nhà phê-bình, nhóm Lập-Thể đã chịu ảnh hưởng của ông này. (tranh 1, 2 và 3)

Nhưng ngấm kỹ, thì nhóm Lập-Thể đã đi xa hơn Cézanne. Khi ông này vẽ cảnh, thường chia ra nhiều khoảng (plans) chạy ngang, rồi từ các khoảng đó, có những hướng tở hay mờ thoai thoai (lignes de fuite) về phía chân trời, để cho thấy phương xa, bề sâu. Trái lại, nhóm Lập-Thể, ở những bức trên, cho những đường chạy từ phía mỗi vật về phía người xem tranh. Vì thật ra,

(1) Đã có chú giải ở trang 37, B K. số 101.

(2) Nhà phê-bình này có đầu lưỡi rất thiêng, hễ gọi đùa thì thành tên thật. Năm 1905, khi Matisse bày những tranh màu sắc sỡ, ông bảo trông như lông dã-thú (sauves). Thế là từ đó, nhóm Matisse phải mang danh-hiệu Fauvisme, nhóm Dã-thú.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

một hộp vuông chẳng hạn, có thể nhìn theo nhiều phương-diện : (1)



1. — hình mặt và đường chạy về phía xa.



2. — hình mặt và đường chạy về phía người ngắm.

Dù sao, có thực nhóm Lập-Thể chỉ vẽ mọi vật theo những khối vuông không, mà gọi là « Cubisme » ? Rất nhiều khi họ vẽ hình dẹt, phẳng, chẳng cho tưởng tượng bề sâu : như ở tranh «Vi-cảm, Le Violon 1913» của Picasso có những bình-diện mọi hình, cả cong tròn nữa. (tranh 4)

c) — Vì sao vẽ sai thực-tế ? Thi-sĩ Apollinaire, người hết sức bệnh vực Lập-Thể, đã trả lời : Không bắt buộc tạo-vật, không cần gì có vẻ thực, nghệ-thuật này có tham-vọng sáng tạo (il n'est pas un art d'imitation, mais un art qui tend à s'élever jusqu'à la création... La vraisemblance n'a plus aucune importance).

Theo họa-sỹ Braque, thì không thể đạt hiệu-quả gì nếu không bề quẩn sự thực (Il n'y a pas d'effet sans entorse à la vérité).

(1) Xin coi J. Guichard - Metli — Regarder la peinture. Introduction à l'art contemporain.

Lời của họa-sỹ đã cắt nghĩa phần nào câu của thi-nhân. Nhóm Lập-Thể, nhất là Picasso, đã chú ý nhiều đến sự bóp méo các hình thể, ở nghệ-thuật điêu-khắc của người Phi-Châu, và thấy như vậy, nghệ-sĩ da đen với tâm-hồn chất-phác đã từ lâu đời khám phá phương-pháp biến đổi thực-tế, cho bộ mặt tâm thần những hình-thù thô-sơ, nhưng đầy ý-nghĩa tượng-trưng, cổ-quái và chứng tỏ một quan-niệm huyền-bí về nhân-sinh vũ-trụ. Ngắm một tượng nhỏ của Phi-Châu do họa-sỹ Matisse chuyển cho, Picasso đã nghĩ ra những nét mặt đẽo gọt, lần đầu tiên xuất hiện trên tranh Âu-Châu : « Cô khóa-thân với khăn lau, Nu à la serviette, 1907 », « các cô gái điếm ở Avignon, Les Demoiselles d'Avignon 1907 » hoặc « gia-đình Arlequin, Famille d'Arlequin 1908. » (tranh 5, 6, 7)

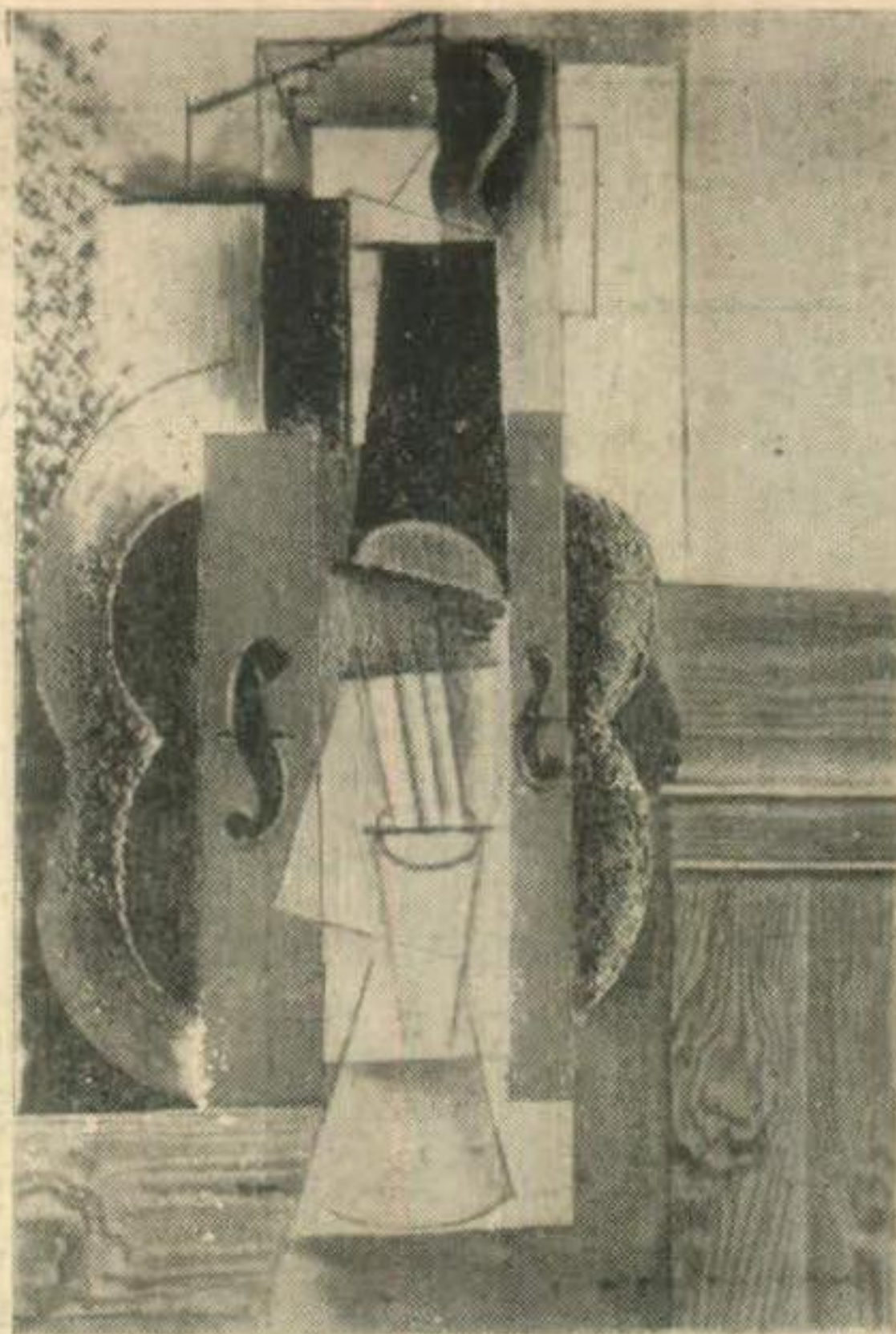
Rồi theo đà ấy, các họa-sỹ khác cũng biến thể với dụng-ý riêng : người như pho tượng (các nàng tắm, Baigneuses của A. Lhote, các phi-công trong Conquête de l'Air của R. de la Fresnaye) hoặc như đồ chơi bằng thiếc của con nít hay người máy « robot » hiện nay của Fernand Léger để tả thời-đại cơ-khí Les Visiteurs, (Femmes tenant des fleurs), v. v...). (tranh 8, 9, 10) Dù sao, mọi mặt mọi thân đều cứng rắn, trơ trơ, thảm lạng, nên không khỏi vẽ bí mật của tượng thần Phi-Châu, Úc-Châu (Totems) nhưng lại đúng với nhận-xét của Apollinaire : bức họa



2.— *Cảnh vùng Estaque,*
1908 của Georges Braque.



3.— *Cảnh hồ chứa nước*
(*Réservoir de Horta de Ebro*)
1907 của Picasso.



4. — « *Vĩ-cầm, Violon* » 1913 của Picasso.



5. — *Mặt phụ-nữ ở tượng Phi-Châu xứ Gabon.*



6. — *Khỏa-thân với khăn lau, Nu à la serviette* 1907 của Picasso.



7.— Chú Arlequin chống tay (*L'Arlequin accoudé*) của Picasso.



8.— «*Người đi tắm, Baigneuses*» của André Lhote.



9.— « *Chinh-phục không-gian* » *Conquête de l'Air* của Roger de la Fresnaye.



10.— « *Phụ-nữ cầm hoa*, *Deux femmes tenant des fleurs* » 1922 của Fernand Léger.

là phương-tiện biểu lộ thể hiện một cách trầm tĩnh bất-động « un tableau est une manifestation silencieuse et immobile ».

Các nhà Lập-Thể còn quả-quyết rằng : Không vẽ sai thực-tế, nhưng trái lại vẽ thực-tế đúng hơn các họa-sỹ nhóm khác. Thực-tế của khán-giả phàm-nhân được tiếp nhận bằng nhỡn-quan, mà con mắt lại chỉ nhìn theo một phương-diện mà thôi. Thực-tế của Lập-Thể còn được nhận theo lý-trí nữa, hoặc nhận bằng mắt nhưng lần lượt đủ mọi mặt mọi bề. Người thường nom chiếc ly, thấy miệng ly hình trái soan : đó chỉ là ảo-ảnh hiện ra tùy chỗ đứng của mình ; nhưng sự thực thì miệng ly tròn, họa-sỹ cứ vẽ tròn vì lý-trí biết như vậy, hoặc vì trông cả từ trên xuống dưới. Mặt người đứng nghiêng, chỉ thấy một mắt, con ngựa nhìn nghiêng, chỉ rõ hai chân : họa-sỹ cũng như con nít hồn-nhiên hay nghệ-sĩ chắt-phác thời cổ, cứ vẽ cả hai mắt và bốn chân.

Picasso bảo có thể vẽ theo chỗ mình biết, hơn là theo chỗ nhìn thấy « je me demande s'il ne faut peindre les choses telles qu'on les connaît plutôt que telles qu'on les voit » (1).

Mà quả-nhiên vẽ thế thì nhiều vẽ ngộ nghĩnh, có khi linh động lạ lùng.

Nhưng một hậu-quả của lối vẽ theo trí, là đòi hỏi áp dụng những phương-pháp tương-tự như của các nghệ-sĩ khác cũng dùng trí, nhà văn nhà thơ. Thi-nhân có cần chỉ nói từng

câu từng chữ tí ml, nhiều khi cho hiểu ngấm mới gọn, mới thú. Viết « trăm cánh bướm, cent voiles » nghĩa là muốn nói 100 chiếc thuyền ; theo lối *méronymie* đó, dùng một thành phần để gọi toàn-thể. Vậy thì chỉ một nửa khoanh tròn giống miệng ly, đủ gọi cả chiếc ly. Roger de la Fresnaye vẽ người ngồi, không ghế, vẽ lá cờ bay, không cán : nhưng ta cũng cảm thấy vẽ ghế vẽ cán cũng thừa (tranh *Conquête de l'Air*). Vài đường dây với một lỗ hồng : đó là đàn ở nhiều bức tĩnh-vật của Picasso và Braque. Chính Braque đã bảo : thi-sĩ có thể nói rằng con chim yền đằm bầu trời, và như thế khác nào biến chim thành dao, vậy sao họa-sỹ không có quyền đó ? (le poète peut dire : une hirondelle poignarde le ciel et fait d'une hirondelle un poignard, pourquoi pas le peintre ?)

Nhưng nói bóng gió cũng nhiều khi khó hiểu, vẽ lối bóng gió, thì khán-giả tránh sao bỡ ngỡ lạc lăm ? nhưng đó lại là vấn-đề khác. Theo nhà phê-bình Maurice Raynal, đây là lối vẽ « kín mít, Cubisme hermétique » (2).

d) — Tại sao có những cảnh vật không dùng đề-lai ?

Thầy đề « Người thổi kèn, *Joueur de clarinette* », mà tìm mãi chẳng thấy người đầu kèn đầu, chỉ ngón ngang chống chắt những mảnh vuông mảnh méo tam-giác tứ-giác .. Thử dò mãi,

(1) Luce Hoclin : La peinture moderne 1905-1940. Jardin des Arts N° 66.

(2) Maurice Raynal : Picasso — Skira.

mới nhận ra vài miếng tròn nom như mầu ông vớ : có lẽ kèn chằng ? Trên cùng, ở giữa, có nét vạch chéo : hình như mặt nhạc-sỹ ? Cứ phải đoán mò như ở tranh đồ của vài báo cho trẻ nhỏ tìm ra con ngựa con mèo tròn trong các nét dọc ngang, thì còn thường thức gì ? Làm chi có khối vuông ? Các nhà nghiên - cứu bảo sao đây ? (tranh 11)

Sách dạy rằng :

— Chủ-ý của nhóm Lập - Thê, không phải là chỉ muốn thể hiện một bề như các họa-sỹ khác, nhưng vẽ tất cả bề trong bề ngoài, mọi khía cạnh của mỗi đồ vật ; họ muốn bao quát toàn-diện toàn-thể chứ không nhìn riêng một mặt nào theo mắt phàm-nhân. Nhưng nếu vẽ cả khối của đồ vật như thường, thì vẫn chỉ thấy một mặt. Xét ra, khối do nhiều mặt hợp thành, vậy muốn vẽ cả khối mà không theo cổ-diễn, thì cần phân khối ra các mặt, rồi phối bày các mặt đó ra.

Song nếu chỉ kẻ một số ô vuông như nhà hình-học, chẳng cũng vô-vị lắm sao ? Còn đâu là sáng tạo ? Cho nên, họa-sỹ liệu cách xấp đặt lại theo lối riêng, mặt nọ đường kia chập chùng, phía trong của ông kèn lẫn với nét ngoài của tay áo... người xem không nhận ra chủ-ý nên mới hoa mắt.

Đó chỉ là kết-quả sự phân-tích đồ vật của Lập-Thê ở thời-kỳ phôi thai (1907-1912) nên các nhà phê-bình gọi là « Lập-Thê Phân - Tích *Cubisme analytique* ». Tôi thiết nghĩ nên gọi là « Phá-thê » thì đúng hơn.

e) — Nhưng phá đi để lập lại cho đẹp mắt hơn có được không ? có gì phá để sáo trộn lung tung, đến nỗi chẳng ai nhận ra gì nữa ? chớ đừng nói là nhận ra mọi mặt mọi bề mọi khía cạnh, nghĩa là « toàn-vật thể hiện, la totalité figurable de l'objet » theo các nhà nghiên-cứu. Đường nét đã hỗn độn, mầu lại rất buồn : nâu xám lẫn vàng nhạt hay mờ xanh-lá-cây ; ít ra cũng cho khán-giả thường thức những mầu tươi sáng hòa hợp có hơn không, nếu chẳng muốn cho những nét hình óng chuốt dịu dàng vui mắt theo cổ-diễn ?

Về điểm này, thầy giảng như sau : vạch những nét thật rõ, và bỏ các mầu tươi sáng, là để đi ngược lại các họa-phái khác đã xuất hiện từ trước.

Như nhóm « Ấn-tượng Impressionnisme » dùng mầu tươi làm bật ánh sáng, nhưng chú trọng vào ánh sáng tương bưng nhiều quá, đến nỗi để nhạt-quang tràn ngập không-khí, chìm cả khía cạnh mọi vật, và mất cả không-gian mà sự thể-hiện là một mục đích cốt yếu của hội-họa (représentation de l'espace). Nhưng tránh sao được ánh sáng ? Xét kỹ, thì mỗi khi ánh chiều vào khía cạnh một khối, khía cạnh này nổi bật ; vậy có thể thay mỗi ánh bằng một mặt phẳng rất nhỏ (facettes) như mặt đá kim-cương long lanh : bởi vậy, đầu người mà có khi biến ra một khối gọt thành nhiều mặt nhỏ, như ở tranh « Người đàn bà xanh-lá-cây, *Femme en vert*, 1909). (tranh 12)

Còn nhóm « Dã-Thú Fauvisme » vẽ với nhiều nguyên-sắc rực rỡ, tức là

hướng về cảm-giác tâm-tinh, muốn xúc động người xem tranh, vì màu dễ gọi buồn vui. Song Lập-Thể thiên về trí-não như các nhà hình - học (des oeuvres plus cérébrales que sensuelles : Apollinaire) và quan niệm bức họa là sản-phẩm của lý-trí thuần-túy, bình-tĩnh sáng suốt mà cấu tạo ra thể riêng, với những đường những nét là phần đơn-thuần tinh-tề nhất của mỗi thể ở mỗi vật : hà-tất xanh đỏ tím vàng ? chỉ dùng màu gì đủ gọi ra ánh sáng cần cho bức họa, và màu đó khô-khan nghiêm-khắc như lý-trí : « *lumière idéologique* » strictement nécessaire au « fait pictural » (1).

Tóm lại, và cho tới đây, chúng ta tạm nhận thấy Lập-Thể có những đặc-tính sau :

— Chịu phần nào ảnh-hưởng những nghệ-thuật cổ-sơ như của Phi-Châu (Art nègre), và của họa-sỹ Cézanne (1839-1906) mà đơn-giản-hoá nét vẽ theo hình-học.

— Phân tích mỗi khối của đồ vật ra nhiều bình-diện, có thể phơi mọi khía cạnh trên dưới trong ngoài, với dụng-ý trình bày được không-gian trên bức họa hai chiều.

— Thiên về hình, coi thường màu, không muốn rung cảm, không cần cho vui thích, chủ trương dụng trí.

Nhưng sự dụng trí này đưa tới sự phá-thể và bí-hiêm, tranh mỗi ngày một xa thực-tế, nghệ-thuật mất khả-năng giao-cảm. Cho nên, chính những họa-sỹ nhóm này, cả Picasso nữa,

đã phải kiểm thảo lại đường lối, và họ đã sửa đổi dần theo nhiều hướng.

Phân tích mỗi vật ra nhiều mảnh rồi mới vẽ ra, thì hình-thể quen thuộc của vật khó lòng nhận thấy nữa ; nên cần có gì để hướng dẫn nhơn-quan, nhắc nhở đôi chút thực-tế. Picasso và Braque bèn vẽ những mẫu hình đồ thật ; như tầm danh-thiệp, chữ in lớn, lá bài, bao thuốc lá v.v... hoặc cắt ra và dán vào tranh (*Papiers collés*) có khi dán cả miếng kính, miếng vải... Như thế, tranh không phải là « bức vẽ » nữa, mà biến thành một đồ vật khác ? Thì đã sao ? Tại sao chỉ coi bức tranh như một khí-cụ tầm thường, một mảnh vải có khung để họa-sỹ mượn diện-tích mà bôi màu vẽ cảnh ? Người nặn bình bông, sáng tạo tất cả chiếc bình, người khắc tượng tạc tất cả pho tượng. Vậy thì toàn-thể tranh, kích thước khung vải, nét, màu, hay chất gì chẳng nữa ở bức đó, đều có thể do họa-sỹ tùy ý tạo ra, thành một vật riêng cũng như pho tượng chiếc bình với hình dáng và đặc-tính của nó (un objet autonome, un objet en-soi) (2)

Nghĩa là nhóm Lập-Thể còn lý luận khoẻ hơn trước, nhưng chưa hết « tam khoanh tứ đốm ». Lý-trí đã phân tích, thì lý-trí có quyền tổng hợp. Một vật được ngắm kỹ, coi là một khối hình-học, rồi chẻ ra từng bình-diện, từng đường nét. Nay thử ngược lại, thoát tiên nghĩ ra những đường nét, những

(1) Maurice Gieure — La Peinture Moderne.

(2) « du tableau en tant qu'objet » Alain Jouffroy. Jardin des Arts, avril 1960.

bình-diện ký-hà, rồi từ đó, liên tưởng đến những đồ vật có thực mà vẽ. Cézanne nhìn cảnh, nghĩ tới các hình trụ, hình nón, hình cầu, nhìn một cái chai nghĩ đến hình ống và vẽ như ống. Tôi có thể trông một hình ống rồi nghĩ đến cái chai mà vẽ chai, tôi đi từ quan-niệm trừu-tượng tới hình-sắc cụ-thể « Cézanne d'une bouteille fait un « cylindre, moi d'un cylindre je fais « une bouteille, une certaine bouteille...

« Je pars d'une construction pour « arriver au fait réel » : *Juan Gris* (1)

Juan Gris nghĩ ra một hình bát-giác, rồi cần tìm những hình khác để xếp đặt cho thích hợp, bèn thể hiện ra mấy chiếc bình với góc cạnh, nhưng về phía dưới, cần có vật gì nữa để đủ tám góc : thôi thì bịa ra quyển sách (tranh *Le Livre* số 13) Picasso nghĩ đến hình lục - lăng : chóc lát biến thành mây mảnh, nhắc lại các bộ-phận chiếc lục-huyền-cầm : thì vẽ *Guitare !* (tranh 14) Đi từ hình-học, họ thu nhặt các nét các mặt để góp thành các vật cụ - thể và trở lại thực - tế : đó là giai - đoạn Lập - Thể Tổng-Hợp, *Cubisme synthétique*.

Đã chịu trở lại thực-tế, thì hà - tất từ chối mọi cảnh-vật, hoạt - động, và ánh-sắc ?

Trước kia, nhóm Lập - Thể chỉ vẽ những đồ tầm-thường : chiếc ly, cái đĩa, bình nước, lọ mứt, vì phân tích những đồ vật có hình thể xù xì như núi, cong queo rườm rà như cây, tha thướt như tơ lụa, kẻ cũng khó. Nay Picasso vẽ những

đàn vĩ - cầm (*Le Violon*, 1913) các nhạc - sỹ hòa tấu (*Les trois Musiciens*, 1921) Fernand Léger vẽ các máy móc (*La Cité*, 1919) hoặc phong cảnh có nhà có người với súc vật (*L'homme au chien*, 1921). Ít ra phàm-nhân cũng đỡ hoang-mang.

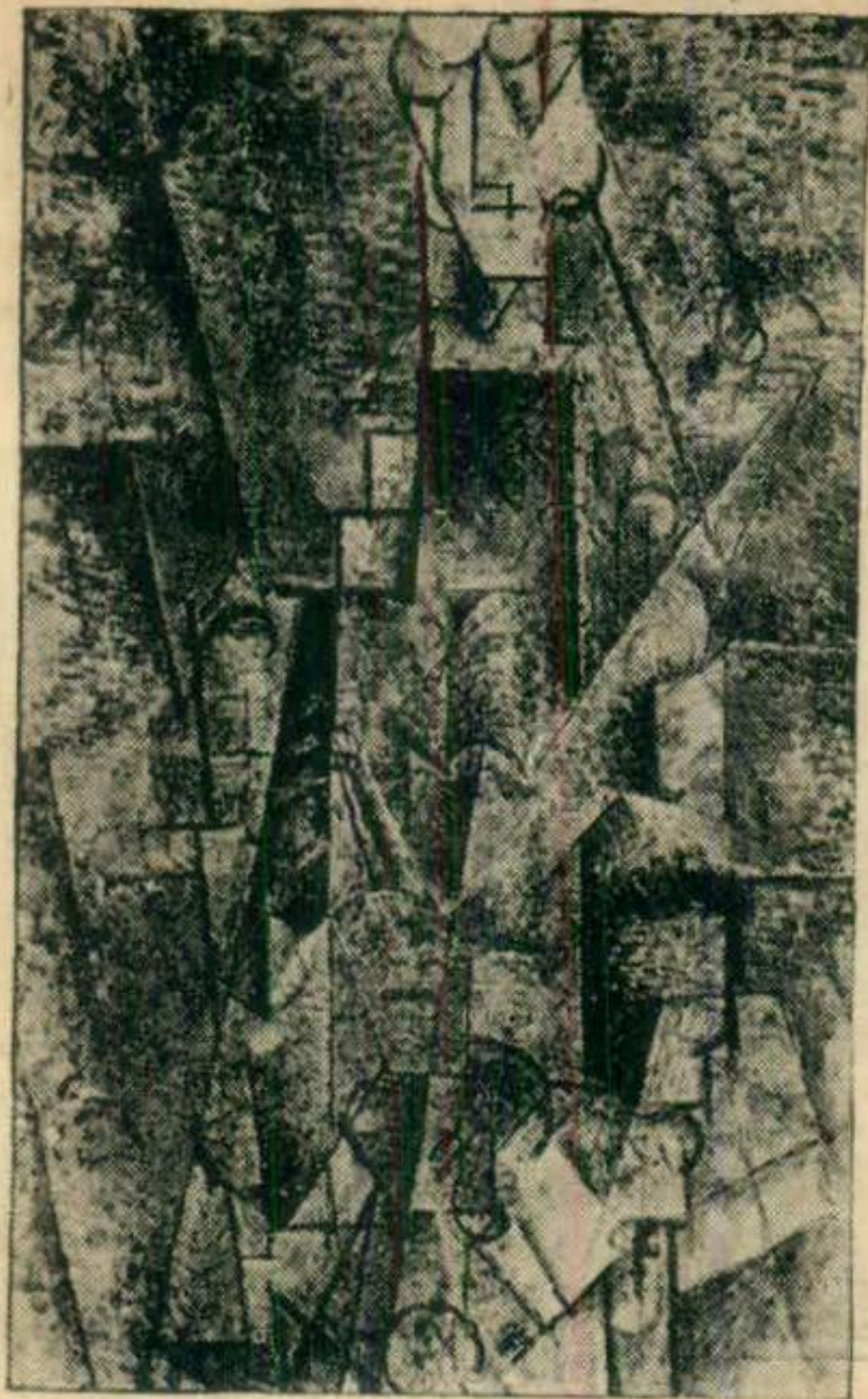
Braque, Picasso, và Léger v.v... đã từng muốn nhận định ở mỗi vật, không phải ánh sáng vi vút và bóng ráng tỏ mờ, song những tính-cách trường-tại của thực-thể (le stable et l'éternel); vì thế hay vẽ tĩnh-vật hoặc biến người ra tượng. Nay Marcel Duchamp cồ tả những bước đi của người chạy xuống thang gác (*Nu descendant l'escalier*, 1912) Delaunay cho múa lộn các hình tròn, hoặc chạy thoăn thoắt các nhà cao, tháp sắt, (*Hommage à Bleriot, Tour Eiffel...*) (tranh 15, 16).

Tranh lập-thể cũng lại sáng tươi hay rực rỡ. Lhote, Villon, De la Fresnaye, vẽ nhiều phong-cảnh nhà cửa, thành-phố, cây cỏ, xanh, đỏ, vàng, tím, v.v... Villon rất ưa ánh sáng và đã tuyên bố rằng mình là họa-sỹ Lập-Thể kiêm Ấn-Tượng « Je fus le Cubiste impressionniste et je crois que je le suis resté » (2).

Tuy-nhiên, đối với nhiều tranh thuộc giai-đoạn mới, khán-giả vẫn thắc-mắc : đã trở về thực-tế, sao còn lập-dị, vẽ người hai ba mặt, hoặc nửa thẳng nửa nghiêng, nhiều khi mắt đặt

(1) Jean Cassou — *Panorama des Arts Plastiques contemporains*.

(2) Bernard Dortval : *Les Peintres du XX^e siècle*. Tisné. Paris.



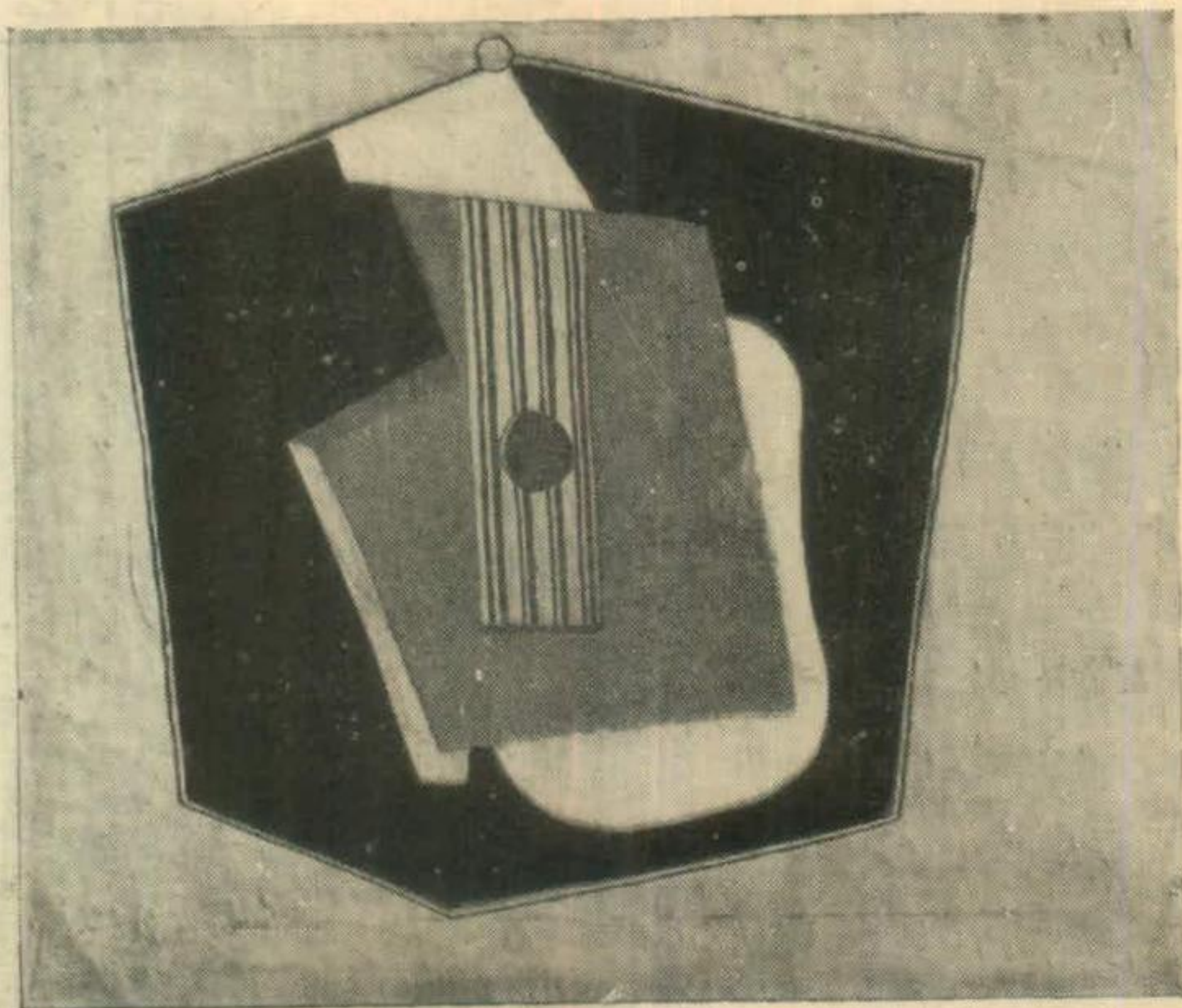
11. — *Người thổi kèn, Joueur de clarinette* 1911 của Picasso.



12. — *Phụ-nữ xanh, Femme en vert* 1909 của Picasso.



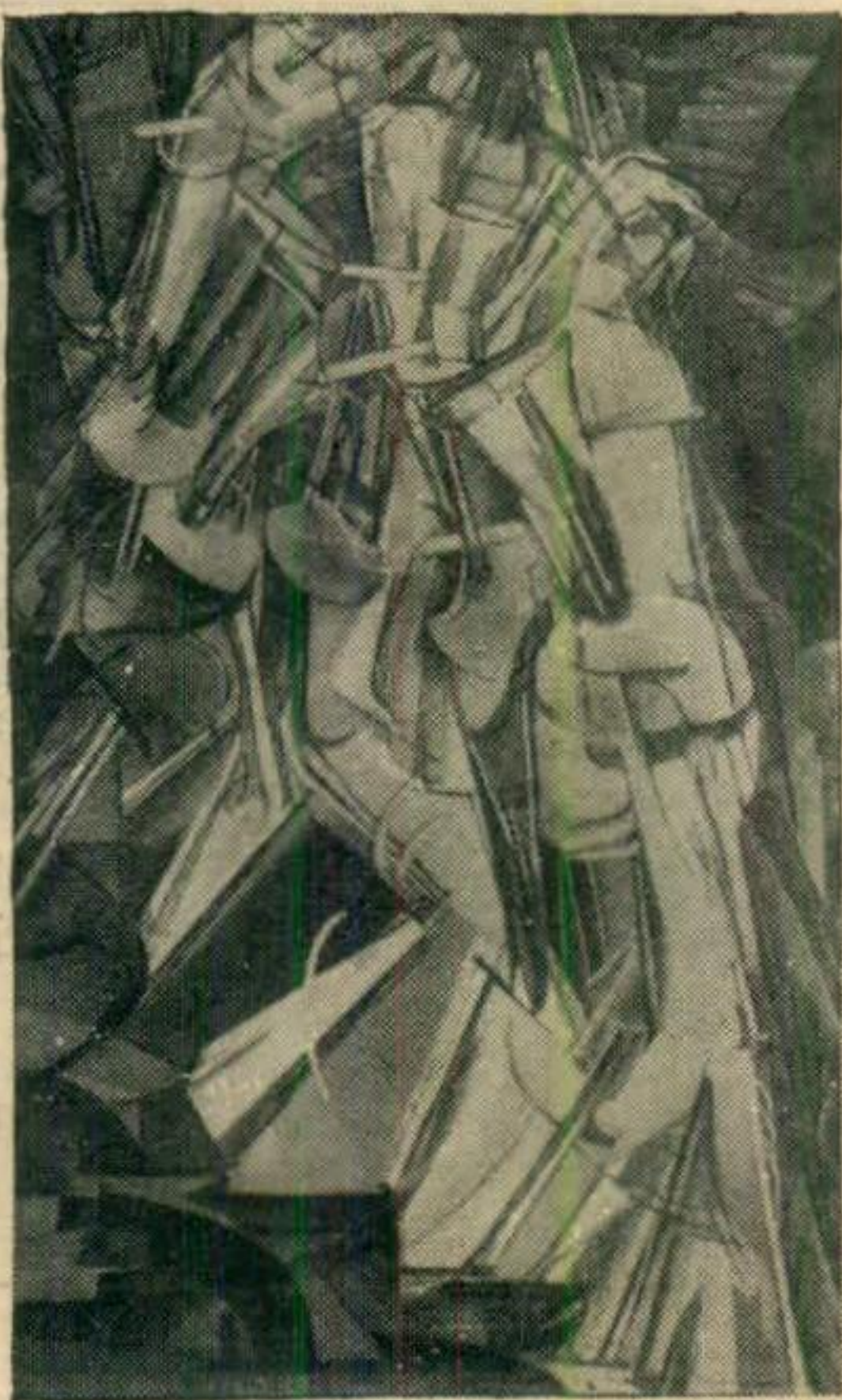
13. — « *Cuốn sách, Le livre* »
1912 của Juan Gris.



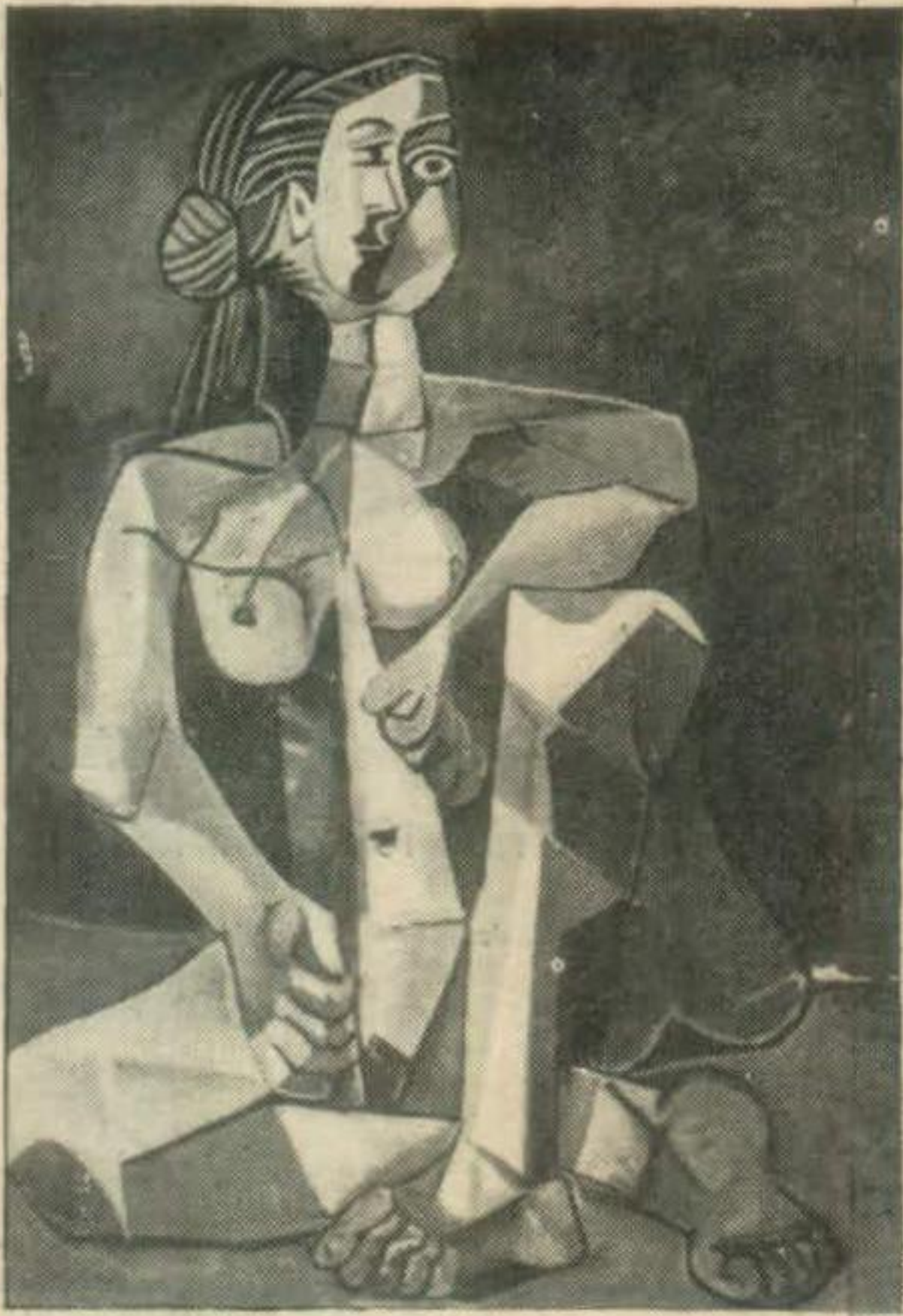
14. — « *Lục-huyền-cầm, Guitare* » 1916 của Picasso.



15.— « *Tháp sắt Eiffel, Tour Eiffel* 1910 của Robert Delaunay.



16.— *Khỏa thân xuống thang lầu, Nu descendant l'escalier* 1912 của M. Duchamp.



17.— « *Phụ nữ ngồi,*
Femme assise » 1953 của
Picasso.



18.— *Hợp ca - Duo* 1937 của Georges Braque



19.— *Tiệm cà-phê, Café Bar* 1919 của Braque



20.— *Mẹ con và trái cam*
Maternité à l'orange 1925
của Picasso.



21.— *Chân dung Marcel Duchamp*
Ảnh của Victor Ohsatz. Một người
mấy mặt ?

không đúng chỗ ? Ở nhiều trường-hợp chưa tránh khỏi những sự chồng chát vật nọ vật kia (Tranh phụ-nữ của Picasso, như *Femme devant un Miroir* 1932, *Femme au Bonnet Rouge* 1934, *Femme assise* 1953 v.v... Braque cũng cứ xáo trộn đồ đạc (tranh *Café-Bar* 1919) hoặc kéo dài ngoẵng các thân-thể có khi như xé rách làm hai, ba mảnh (tranh *Duo*, 1937). (tranh 17, 18, 19)

Theo họa-sỹ Lhote, một người trong nhóm Lập-Thể, thì không những cần vẽ hết mọi khía cạnh, không những vẽ theo chỗ biết xưa nay, mà còn nên ghi cả mọi hình dáng tùy theo mỗi giai-đoạn của thời-gian ngấm nghĩa, tùy con mắt ta đưa từ điểm nọ đến điểm kia trên đồ vật « moments différents de la vision, déplacement de notre regard ». Ngấm ra cũng đúng : tôi có thể chợt nhìn thoáng thấy mặt bạn, rồi tôi nhìn kỹ lại, từ tai nọ qua má, mũi, má, đến tai kia ; hoặc tôi để yên mắt nhưng bạn quay đi quay về, tóm lại ở cả hai trường-hợp cùng có động đây, và nếu có máy quay phim điện-ảnh rất chậm, tất sẽ chụp lại được mỗi hình khác nhau ở mỗi giây phút nhưng chụp chung nhau : vẽ ra, thì bạn thấy không thực. Nhưng tôi thiết nghĩ Picasso vẽ mấy mặt con nít thấp thoáng lồng lên nhau, là rất đúng, vì con nít lúc nào cũng ngo

ngoay, vừa thấy tai bên này đã thấy má bên kia, vừa cau mặt khóc đã nở miệng cười trong một vài giây. (Picasso : *Maternité à l'Orange*, 1925 *Première pas*, 1943. (tranh 20)

Ngoài lý lẽ của họa-sỹ Lhote, tôi còn có nhận xét bổ-túc khá phức-tạp, song đã ngẫm kỹ và hy vọng rằng không sai. Vẽ sáng sủa, dĩ-nhiên dễ hiểu dễ coi, nhưng chưa chắc đúng thực-tế. Vì thực-tế do nhỡn-quan cho ta rõ, không phân - minh giản-dị, nhưng trong giấy khắc, dồn vào mắt ta không biết bao nhiêu hình-ảnh. Ba trường-hợp thường xảy ra :

1/ Nếu ta không chú ý, chỉ trông thoáng, như lúc qua đường : bốn xe hơi đi vụt, một thiếu nữ ngồi xe máy, bốn năm cây xoà bóng, trạm bán sáng với người cười, người tài-xe xe tôi hút thuốc... Sự thực chẳng rõ ràng như tôi vừa kể, vì nói ra thì mới lần lượt và gọi tên từng người, từng vật...

Muốn đúng hơn, không thể có thứ-tự trước sau như thế : nhìn một cái, thấy loáng-xanh-loáng-đỏ-loáng-đen, loáng-vàng (4 xe hơi) mảnh-lụa-tím-phật (áo thiếu-nữ) mồm-meo-xù-xì-xám-lung-lay (bóng cây) cột-đỏ-trắng-chiếc-răng-vàng-miệng-há (trạm sáng với người cười) một-vết-xanh-nhật-tỏa-một-vòng-cong (khói thuốc qua gọng kính của tôi).

Vẫn chưa đủ tả sự hỗn-độn qua mắt : nhưng nếu tôi có tài Picasso, có lẽ đã « bắt-từ-hóa » cảnh đó bằng mấy vệt sơn, mấy nét tròn nét vuông miếng xanh miếng đỏ chồng chát lên nhau, để khi thành bức tranh và để là :

(1) Trước hết, xin nhớ rằng Picasso, ngoài lối Lập-Thể, còn vẽ theo nhiều lối khác và cứ tiến không ngừng. Như vào khoảng 1925-30, có vẽ một số tranh kiểu « Siêu-Thực, Surréalistes » với những hình dáng kỳ-quái. Ở bài này chỉ xin xét riêng về những tranh Lập-Thể của họa-sỹ.

THƯ TÌM HIỂU HỘI HỌA

« Dọc đường » chắc ít khán-giả nhận ra cảnh vật gì, và có lẽ còn... nguyên rủa là quái-dị.

2/ Hoặc tôi ngồi yên tiếp chuyện bạn ở bàn giấy. Tôi nhìn và nghe bạn nói. Nhưng có phải là tôi chú ý đến tất cả mặt và người bạn đâu? tôi quen biết bạn lâu rồi, ngắm làm chi? Nên thực ra, ở trước bạn nửa giờ, mà nếu tôi in lại được những hình-ảnh về bạn mà bộ máy nhỡn-quan của tôi đã thu được, bạn sẽ thấy gì? ba mẫu tai, một đầu mũi lệch, hai khuy áo, hai ngón tay cặp mẫu thuốc. Không phải là bạn nữa, nhưng là một « quái-vật » kiểu Picasso. Song nếu chỉ có thế, còn giản-dị quá: chụp chùng lên những mẫu những mảnh kẻ trên vẽ thân-thể bạn, còn bóng-lá-cây-lung-lay-trên-mặt-bàn-sáng-bóng-của-tôi-và-góc-bàn-thăm-với-chống-giấy-xanh-nhật-trắng-cong-dài-nửa-bút-chì-trên-địa-đổ dưới mặt-kính-bàn v. v... Đó là thực-tế do con mắt tôi đã ghi nhận. Thật là lộn xộn hơn cửa tiệm cà-fê « Café-Bar » do họa-sỹ Braque vẽ.

3/ Tôi ngắm kỹ cây thông ở góc vườn, vì thấy nó xanh tốt, chẳng để ý gì đến mọi cây chung quanh; tôi nhìn từ gốc lên ngọn, cảnh này cảnh kia. Mắt chăm chú nhưng tâm-trí không thụ-động: màu xanh kia gọi cho tôi màu cây bách bên mộ ông tôi, ở phương trời xa lắc, với tấm bia đá, dòng nước trong veo, cùng bao nhiêu hình-ảnh quê-hương khuấy nẻo... bao nhiêu hình ảnh từ dĩ vãng hiện ra trùm lên cả ảnh-hình gốc thông trước mắt.

Giá thử tôi vẽ một khóm xanh xanh với dòng bạc cắt ngang, mảnh bia đề lên ngọn giữa những màu âm u gọi tình thương nhớ, tất bức tranh của tôi chẳng được mấy người nhận là đúng với đề-tài, đúng với sự thực của nhỡn-quan.

*
* *

Như vậy sự thực của nhỡn-quan (la réalité de la vue) có chắc là đáng chú trọng hơn sự thực khác, mà chỉ có lý-trí bình-tĩnh phân tích ra như trên, mới nhận thấy? (la réalité de la vue de l'esprit (1)).

Cho nên, tranh Lập-thể chưa chắc được mấy người ưa chuộng, song ta không thể phủ nhận rằng căn-bản nghệ-thuật của nhóm này rất vững chắc và công của họ, là khám phá ra những thực-trạng mới của sự-vật, với một đường lối táo-bạo vượt qua những thói quen nhìn nhận máy móc, để đi sâu vào một nhỡn-giới phức-tạp đến nỗi không thiếu về bí-huyền.

Và xét một cách khách-quan, có chắc là tất cả các tranh Lập-thể đều khó coi đối với phàm-nhân? Có lẽ nhiều người cự tuyệt Lập-thể, vì chỉ được xem qua một số tranh ở thời-kỳ Phân-Tích, hoặc riêng của Picasso là người nổi danh hơn cả. Song nếu thấy tranh De la Fresnaye, tranh Delaunay với những sự biến đổi đề-bớt rắc rối khô khan, hoặc với những sự chiêm chước các qui-tắc buổi đầu

(1) Francis Henry Taylor: Climat dans lequel est placé l'artiste d'aujourd'hui (Jardin des Arts, N° 68 — Juin 1960).

cho mềm dẻo hơn để dung nạp cảnh vật ánh sắc, thì sẽ thấy nhiều họa-phẩm vui mắt. (tranh 9, 15, 22, 23)

Sự vui mắt đó, quả như Apollinaire đã nhận, là một thú-vị riêng, khác sự ưa thích vì « ngoạn-mục ». Nghĩa là cần thưởng-thức theo một vài định-lệ, hay đúng hơn, một vài nhu - cầu kỹ-thuật chung cho các họa - phái từ trước, mà Lập - thể cũng không bác bỏ : đó là sự tương-giao tương-ứng của các nét các màu, cũng như sự phân-phối cảnh vật điều-hòa cần cho bố-cục của bức tranh. (1). Dẫu thoát tiên nhìn thấy lộn xộn lung tung, ngấm kỹ cũng sẽ tìm dần ra sự giao-ứng của các màu các nét, được coi như yếu-tố căn-bản của sự cầu-tạo thể-sắc (éléments plastiques du tableau). Khi những yếu-tố đó đủ rồi, thì họa - sỹ ngày nay không kể tới đề - tài ngoạn-mục nữa : và thức-giả khoái trá vì nhận thấy như vậy, chớ không phải

như khi đứng trước cảnh thiên-nhiên, (2) nếu không thì nhìn ngay tạo-vật chứ ngắm tranh làm gì?

Sau hết, nếu Lập-Thể còn dài sở-đoàn, thì ít nhất cũng có công mở rộng đường mới cho tự-do hội họa.

Những qui-tắc của Lập - Thể, nếu áp-dụng một cách máy móc chỉ đưa tới những bức tranh khô khan khó hiểu, song nếu chăm chú đi, thì quả đã phát sinh ra nhiều họa-phái khác. Các nhóm này vừa theo những phương-pháp kỹ-hà-hóa của Lập-thể, để lột nguyên-hình bản-thể mọi vật, lại vừa bỏ tước Lập-thể về nhiều phương-diện khác, như đã trình ở đoạn trên (3).

(Xin coi Phần Phụ Lục và các tranh số 22, 23, 24, 25 ở trang sau)

(1) Tỉ-dụ :

Ngay ở bức *Nu à la serviette* (tranh số 7) của Picasso, mới nom thấy nghịch ngoặc, ngấm kỹ thì như sau: những đường cong ở mặt như được nhắc lại ở những đường cong hai vai; những đường cong hai vai, đối chiếu lại những đường cong bộ ngực; vạch cong ở sống mũi chế hòa bớt góc nhọn ở trán và tóc v.v... Đó là nhịp điệu ở các đường (droites, angles, courbes, contre-courbes).

Lại như ở « *Nu au miroir* » của Lhote : thân người chia đôi mảng vàng mảng xanh đối chiếu đều nhau màu xanh lá cây phía sát bờ tay trái, làm nổi bật màu đỏ phía dựa khnu tay mặt. Đỏ tuy chói quá và chẳng hợp với xanh, nhưng chế ngự bớt vàng-xanh để tránh sự quá cân-đối, cũng như các vạch cong ở đùi và bắp tay, làm đỡ vẻ cứng rắn của những đường thẳng tập, dọc hay chéo. (tranh 22)

Bởi vấn-đề có tính-cách kỹ-thuật chuyên môn, sẽ xin liệu cách trình bày riêng về sự sinh, khắc, chế, hóa của các nét các màu.

(2) « Si le but de la peinture est, comme il le fut jadis, le plaisir des yeux, on demande à l'amateur d'y trouver un autre plaisir que celui que peut lui procurer aussi bien le spectacle des choses naturelles : » Apollinaire : Les Peintres Cubistes.

— nhóm *Tỷ lệ Vàng* (Section d'Or) trong đó có Villon, rất quan-tâm đến bố-cục, kích thước, cân đối, nhưng dung nạp cả màu tươi sáng, vẽ cả cảnh thiên-nhiên hoặc cảnh sinh-hoạt chớ không thiên về đồ đạc và tính-vật nữa.

— nhóm *Động Sắc* (Orphisme) do Delaunay lãnh đạo, rất say màu, thích động, ưa vẽ các hình quay tròn và các đường chạy, để tả cảnh thời-dại ở-ạt, lợi dụng sự tương khắc của nhiều màu, bề sát nhau thì cùng làm nổi bật nhau lên (contrastes simultanés) ánh sắc càng rực rỡ càng linh-dộng.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

PHỤ LỤC

Để có ý-niệm rõ rệt về sự lập-thể, xin ngắm kỹ hai bức tranh của Van Der Meer và của André Lhote, để so sánh hai đường lối nhìn và vẽ, theo Cổ-diễn và theo Lập-thể. (tranh 24, 25)

Họa-sỹ Lhote đã lý hội phần chủ-yếu trong tranh Van Der Meer, rồi diễn tả cùng một cảnh theo phương-pháp của mình, gần như cụ Đồ nọ họa thơ cụ Đồ kia với một đề-tài.

Theo con mắt phàm-nhân của tôi. Lhote đã lột được tinh-thần tranh cổ, và thay đổi các đường cong ra gãy, thẳng ra chéo, tỉ-mỉ rườm-rà thành giản-dị phân-minh, để phù hợp với nhu-cầu kỳ-hà-hóa sự vật theo Lập-thể, với nhu-cầu hòa hợp lại các ánh sắc, sau khi đổi các nét các đường.

Tuy-nhiên, Lập-thể của Lhote sáng-sủa êm đềm quá, không phức-tạp như Lập-thể Phân - tích, không nghiên-khắc như Lập-thể Tổng-Hợp, nhưng có đặc-tính riêng : ở đây, nghệ-thuật Cổ-Điển cân đối trang-trọng, được dung-hòa với sự canh-tân bằng kỳ-hà hóa. Cũng như ở mọi bức Lập-thể khác của Lhote, họa-sỹ chỉ muốn tìm « những mối quan-hệ nhịp-nhàng của các hình khối xấp đặt với nhau, les rapports rythmiques de volumes agencés » (1).

Kỷ tôi ;

Thử Tìm Hiểu Hội-Họa IV :
Phân tích bức tranh

B. T.

(1) Lời tuyên - bố trong báo *Arts* số 813 ngày 15/21-3-61 Phòng-văn của Pierre Cabanne.



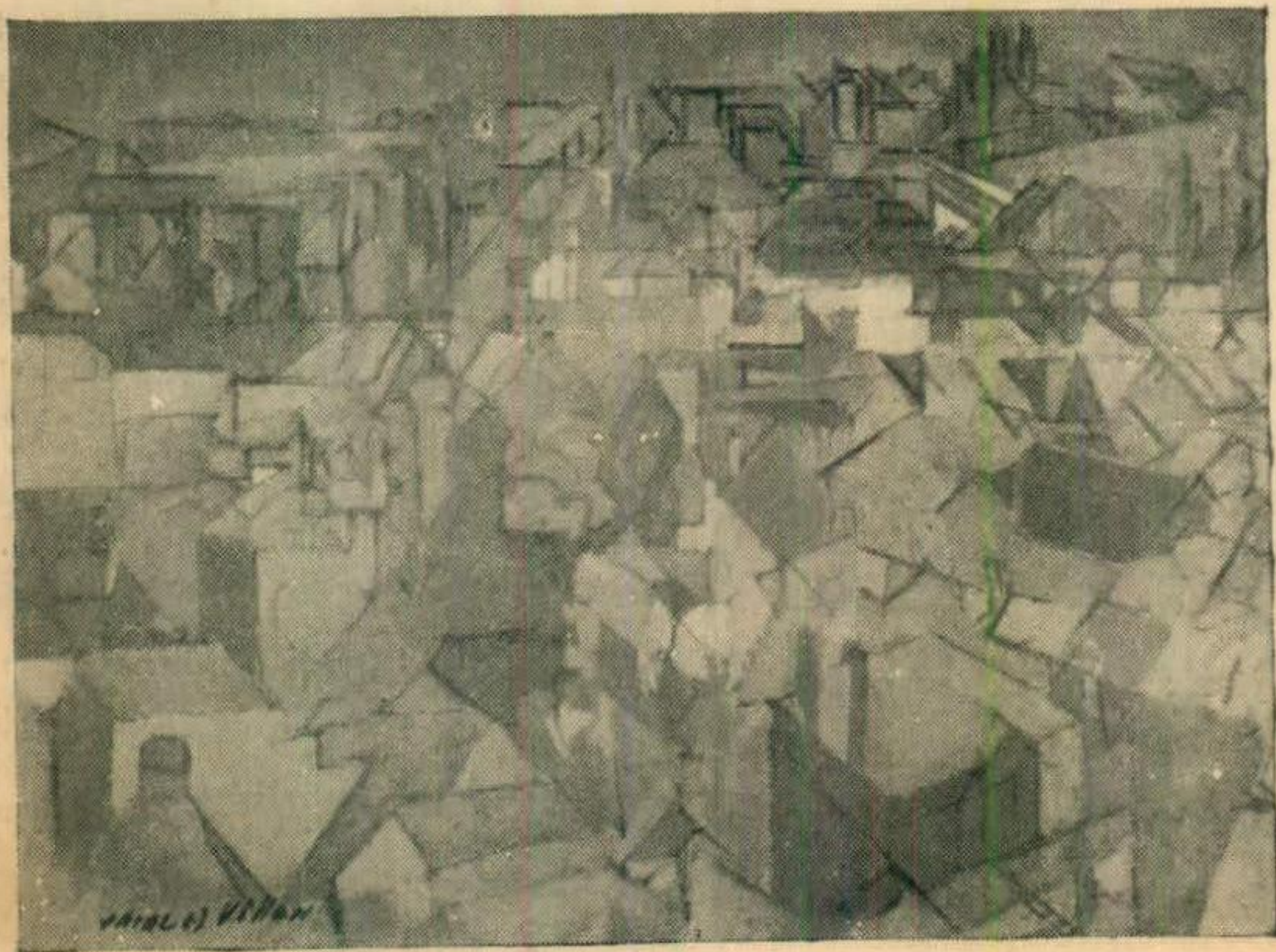
ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « **Tìm hiểu hội họa** » B. K. 102, có những chữ in lầm như sau :

Trang 54, của Matisse 1960,	xin đọc là :	của <i>Matisse</i> 1910
Trang 55, của M.Denis 1861	— — —	của <i>M.Denis</i> 1891
Trang 56, Tromphe - l'oeil	— — —	<i>trompe</i> - l'oeil
Trang 59, hàng đường Bông	— — —	<i>đường hàng</i> Bông
Trang 60, la cône	— — —	<i>le cône</i>



22.— « *Khỏa - thân soi gương, Nu nữ miroir* » của André Lhote.



23.— *Thị trấn nhỏ, La petite ville* 1944 của Jacques Villon



24.— Nữ nhạc sĩ, La
Musicienne của Van Der Merr

25.— « Tán-dương nghệ-
thuật của người xứ Flandre.
Hommage à l'Art Flamand »
của André Lhote.



đèn nhà ai

✧ TƯ ỜNG - LINH ✧

Hoàng-hôn buông, chờ đợi
Đèn nhà ai sáng lên
Yêu ánh đèn kia với
Một người, không biết tên

Đêm lụi ngập cuộc đời
Sao xa lừa ánh mắt
Đi về đâu, Tình ơi
Xin đèn ai chớ tắt

Lùi xa rồi chiều xanh
Chân ngại dò ngõ tối
E con đường lầy-lội,
E lối mòn quần-quanh

Đêm nao đèn chợt tắt
Mất cả người chưa quen
Từng đêm cay khóe mắt,
Nghìn đêm thương ánh đèn !

T. L.

VỪA TIỂU-THUYẾT, VỪA KHẢO-CỨU, VỪA KÝ-SỰ :

VĂN-HÓA LỊCH-SỬ MIỀN NAM

Phong-tục, hội-hè, văn-chương, lịch-sử miền Nam
được phô-diễn, chứng-minh phong-phú trong sách

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Của **MỘNG-TUYẾT** Thất Tiểu-Muội



Dân-tộc Việt từ Bắc xuống Nam, rồi từ Đông
tràn sang Tây, hòa đồng với dân-tộc nào
để hoàn thành cuộc Nam-tiền tràng kỳ ?
Văn-chương Hán và văn-chương Việt gặp-gỡ
nhau, xung-đột nhau và phối hợp nhau ở điểm
nào để gầy dựng một nền văn-chương Miền Nam.
Các câu hỏi trên đó đã được « **NÀNG ÁI CƠ
TRONG CHẬU ÚP** » trả lời cho các bạn.



Sách dày 208 trang khổ rộng. Tài-liệu đầy đủ chắc
chắn. Thủy-mặc, phụ-bản, ấn-tín tranh bìa do
Thi-sĩ Đông-Hồ trình-bày theo một sắc-thái cổ nhã.

Bìa lá sen non, giấy ngọc trắng : 55 đồng

Bìa lá sen già, giấy ngà thơm : 95 đồng

YIÊM-YIÊM thư-trang, 113-115 Nguyễn-Thái-Học, phát-hành

LUẬT LÀM CHỦ

(Rút ngắn truyện La Loi của Roger Vaillant, giải thưởng Goncourt Pháp 1957)

CÔ-LIỆU



(tiếp theo B. K. số 102)

A Lịch-San là người học-thức, nhưng không biết chinh-phục tình yêu của Liên Hoa. Nàng không thiếu gì có để vin vào mà chán ghét một người chồng chưa bao giờ nàng yêu say-sưa cả. Sự thích-thú trong câu chuyện với một người trí-thức không phải là ái-tình. Từ ngày A-Lịch-San mắc bệnh sốt rét nàng bắt chồng phải nằm riêng trong phòng đọc sách, chồng nói đến quyền làm chồng, hết van-nài lại dọa dẫm, nàng đành nhượng bộ đôi chút, thỉnh-thoảng cho chồng vào buồng.

Xe hơi đến nơi, để nàng xuống trước

cửa trại nghỉ hè. A-Lịch-San loay-hoay quay xe mãi không được. Nàng ngao-ngán vì ông chồng lái xe vụng.

Liên - Hoa đến thẳng phòng giấy viên Giám-đốc :

— Nhân tiện qua đây tôi vào chào ông, tôi kiểm bác-sĩ.

Đến phòng bác-sĩ chỉ có người y-tá :

— Cô nói giùm với bác-sĩ tôi có tới thăm, và khi đến bà trưởng-đoàn :

— Tôi không dám làm phiền bà lâu, ông Giám-đốc đang đợi tôi.

Liên-Hoa rời trại nghỉ hè ra bãi cát, đi vào một con đường mòn có bụi cây che lấp, đưa đến mũi đất. Lần đầu tiên nàng đến một nơi hò-hẹn.

*
* *

Phan-Khoa đã đọc mấy cuốn tiểu-thuyết Pháp, trong số đó có cuốn La Chartreuse de Parme. Chàng yêu Liên-Hoa như các nhân vật tiểu-thuyết thế-kỷ trước.

Trước mặt Liên-Hoa chàng vẫn làm-lỳ ít nói, nhưng một lần chàng bối-rối. Liên-Hoa đã hiểu cái bối-rối ấy, khi Phan-Khoa cầm tay nàng một lúc lâu sự bối-rối truyền sang người nàng. Trong người nàng có sự thay đổi, từ người đàn bà bình-thản lạnh-lùng, nàng bỗng có tâm-hồn dễ-cảm và yêu-đương, Nàng không hò hẹn với Phan-Khoa ở đây để làm nơi vụng trộm ngoại tình. Không. Nàng sẽ sống với Phan-Khoa. Nàng sẽ cùng chàng bỏ nơi này, về bắc ở, nghèo thì làm việc để sống.

Liên-Hoa đem hết nhiệt-tâm phụng-sự ái tình. Những sách A-Lịch-San khuyên nàng đọc đã giúp nàng hiểu các ngõ-ngách của tình yêu. Sự cô-đơn và bình-thản trong cuộc sống đã hun đúc cho nàng có can-đảm để liều-linh. A-Lịch-San đã luyện cho nàng biết yêu đương để nàng đem yêu-đương ấy trao-tặng người khác.

Hai người dự-định trốn lên phía bắc. Phan-Khoa đã có 2 chứng chỉ luật học, có thể tìm nghề kiếm tiền đủ sống. A-Lịch-San có người bạn làm đại - lý cho một hãng buôn lớn ở Tuy-Ranh. Nàng gửi Phan-Khoa cho người ấy kiếm giùm việc làm, nói là bà con nhà nghèo, mẹ già, đông anh em v.v..

Phan-Khoa theo lời nàng thực-hiện kế-hoạch, công việc vẫn được trôi chảy theo ý muốn. Nhưng chàng lo-ngại có người ngăn cản. Người ấy chàng cảm thấy lò-mờ là cha mình.

Ở tỉnh Mãn-Cổ tại vách mạch rừng, Liên-Hoa muốn liên-lạc với Phan - Khoa thật là khó. Dùng thư lưu - trí cũng không được, cả tỉnh sẽ biết ngay bà quan tòa nhận thư bí mật.

Liên-Hoa quyết định bỏ chồng. Nàng bất-bình vì luật pháp nước Ý cấm ly-dị. Nàng lo ngại A-Lịch-San sẽ dùng Pháp-luật để giữ nàng lại hay làm hại Phan Khoa. Phan Khoa sẽ bị quan tòa, cảnh-sát trưởng và Mã Thiên dăng lưới bủa vây và triệt-hạ bằng đủ mọi phương-tiện hợp-pháp hay bất hợp - pháp. Chỉ còn cách kiếm một người liên-lạc để thông-tin với Phan Khoa. Nàng nghĩ đến tên Điệp, con gái chủ-tiệm đồ sắt. Liên Hoa đã có cách mua chuộc Điệp.

Năm nay Điệp 25 tuổi rồi, không hy vọng lấy chồng khá-giả vì không có hồi môn. Nàng chỉ còn hy-vọng làm nhân tình của một người góa vợ hay một người có vợ nhưng có đủ uy-tín để bịt miệng vợ. Nếu vợ Hà Thủ-Lô chịu trở về quê mẹ ở, thì Điệp chịu cặp với Hà và cũng sẽ hết đường lui tới các nhà thân-hào. Hiện nay Điệp chưa có chuyện gì nên không ai cấm cửa nhưng coi Điệp vào hàng người dưới, vì người ta đã dự đoán tương-lai tối mờ của Điệp. Người ta nhờ Điệp những việc vặt như coi trẻ, mua bán giùm, hay ngồi nói chuyện cho đỡ buồn. Không ai nghi-ngờ Điệp có thể đại-dật, người ta tin rằng cô gái khôn-ngoan nhất đời này chỉ mắt trịnh có bảo-đảm và được giá hời.

Điệp không được ăn mặc sang như con các thân-hào nhưng cũng biết xoay xỏa cho bộ cánh khả-quan.

Liên-Hoa kiểm một cớ để xuống chơi nhà Ái-Lan vợ Hà-Thủ-Lô ở tầng dưới. Bấy giờ là buổi quá trưa, Diệp cũng ở đấy như thường lệ. Liên-Hoa nói với Diệp :

— Diệp đến tiệm Phi-Nga với tôi không ?

Phi-Nga là tiệm bán tạp-hóa lớn nhất tỉnh. Cho đến đây không có gì khác thường. Diệp vẫn thắp-tùng các bà đi mua bán. Liên-Hoa đã nghe ngóng biết được Diệp đang thèm cái áo tắm bằng nhựa thun. Diệp có hai vú nhỏ quá. Ở thời - đại Lolo và Sophia Loren nàng lấy làm xấu-hổ. Diệp phải dọn. Không gì che kín-đáo miếng đòn bằng nhựa thun, nhưng một cái áo tắm nhựa thun giá từ 6 đến 12 ngàn đồng, một tháng công thợ canh-nông.

Vào đến tiệm Phi-Nga, Liên-Hoa cầm một cái áo tắm hỏi :

— Diệp thích cái áo này không ?

— Có lẽ bà mặc hơi nhỏ.

— Tôi chọn vừa người cô đó.

Điệp mở hai mắt to đen nhìn Liên-Hoa, kinh-ngạc. Liên-Hoa phải nói cho nàng yên-trí là định tặng nàng. Diệp bàn định với Liên-Hoa về màu da và sắc áo để có thì giờ xét-đoán Liên-Hoa. Sau cùng nàng mới nhận áo, Liên-Hoa trả tiền.

Ra khỏi tiệm, Liên-Hoa hỏi :

— Em biết Phan-Khoa chứ ?

— Vâng, em quen lắm.

— Em có thể gặp cậu ta lúc vắng người không ?

— Em sẽ lựa lúc.

— Em đưa giùm cho cậu ấy bức thư này và đợi lấy thư trả lời.

Khi về gần đến nhà. Diệp nói :

— Em sẽ nói là ba em mua cho áo tắm.

Chiều hôm ấy tình cờ Liên-Hoa gặp Phan-Khoa, khi nói chuyện cái áo tắm Phan-Khoa lắm bầm :

— Nhiều quá, cho nó cái gì đáng 3000 đồng cũng đủ để nó trung-thành với mình suốt đời làm thế nó tưởng nó có quyền đòi nhiều nữa,

Liên-Hoa nghĩ thầm : « Phải làm sao cho chàng bỏ lỗi tính-toán của người miền Nam ».

Gia - đình Liên-Hoa ăn tiêu ít, tháng tháng có dư đôi chút, nàng vẫn để dành. Khi định bỏ đi, nàng kiểm-điểm lại thấy có được số tiền 192 ngàn đồng, đủ tiền mua 2 tá áo tắm nhựa thun. Nàng lấy làm mãn-nguyện.

*
* *

Liên-Hoa hẹn gặp Phan-Khoa ở một cái hang kín-đáo gần những tảng đá lớn, gần nơi dân chài căng cái lưới đánh cá khổng-lồ 12 người điều - khiển. Lối đi vào rất khó-khăn, nhưng được cái có rặng thông che lấp nên Liên - Hoa chọn nơi này. Từ bãi-biển, Phan - Khoa nhìn thấu cả phía trong cửa hang, nhưng khi vào mới biết còn đi sâu nữa vào trong tối. Phải quen mắt mới nhìn rõ lối đi.

Trong hang lạnh-lẽo, ẩm - thấp. Phan-Khoa leo lên một mô đá phẳng-phiu, mắt

chàng ngó qua một lỗ hổng thấy cảnh dân chài đánh cá. Khi ngoảnh lại đã thấy Liên-Hoa đi từ bãi-biển vào, thân cao, áo kín cổ, kín tay, người chói lòa trong ánh nắng gay-gắt.

Hai người đứng trước mặt nhau, say sưa, yên-lặng. Phan-Khoa mặc quần xanh nước biển kiểu cao bồi, áo tay dài vén lên tới khuỷu cho có giáng trể-nải. Chàng bắt đầu bối-rối, không biết phải làm thế nào bây giờ. Sau cùng chàng nói vơ-vẩn :

— Tôi đang xem họ đánh cá.

Liên-Hoa rất bằng lòng chàng không như những người miền nam khác, thấy đàn bà là hai mắt nẩy lửa. Chàng rụt-rè, có vẻ lạnh-lùng như người Anh. Sự yên-lặng lâu quá, chàng khó chịu, chàng nghĩ sẽ không đủ bốn-phận với Liên-Hoa nếu không có cử chỉ âu - yếm, nhưng chàng vẫn không dám đụng đến người Liên-Hoa.

Phan-Khoa tìm lối thoát bằng cách nói chuyện đánh cá, nói từng câu ngắn xen vào những phút yên-lặng.

Chàng ngồi xuống gờ đá, nàng đứng cạnh. Chàng nghĩ « lúc này ta phải chiếm lấy nàng ». Trí nhớ mang lại những mẫu chuyện đời học sinh chúng bạn nói đến cách làm thế nào để gọi tình. Chàng run sợ không làm tròn những trách-vụ ấy.

Nàng áp đầu chàng vào mình Liên-Hoa chàng đưa tay đặt lên gối Liên-Hoa. Nàng gỡ tay chàng ra, chàng đâm lúng-túng đành ngồi yên. Sau cùng chàng nhắm mắt lại. Nàng vuốt-ve nhẹ nhàng mi mắt chàng. Chàng ngây-ngất, thừa dịp

ôm lấy người yêu. Chuyển này thanh-thoát, chàng nghĩ ngay phải « thừa - lợi thế để lấn đất » như các bạn sinh-viên thường nói.

Hai người yên-lặng như thế một lúc lâu. Chàng cảm thấy bao nỗi ưu-tư đều tiêu-tan hết.

— Liên-Hoa, tôi yêu mình !

Ngoài kia dân chài đã cất xong một mớ lưới và bắt đầu mớ khác. Phan-Khoa đưa bức thư trả lời xin việc cho nàng xem — bức thư đã gây ra bao nhiêu khó-khăn với Mã Thiên. Chàng không có tiền, trước không dám nói, nhưng bây giờ đã tin nhau chàng thấy nên nói thẳng. Nàng trả lời.

— Liên có tiền.

Nàng hẹn sẽ nhờ Diệp mang lại tối nay.

*
* *

Buổi trưa hôm ấy Mã Thiên và Bầy Xô cùng ngồi ngoài bãi-biển, trên những bục gỗ đặt lên bãi cát. Mùa đông họ chỉ ngồi ở quán Thể - Thao là kiểm - soát được cả tỉnh vì cuộc sống tập - trung ở quanh công trường. Nhưng bây giờ mới tháng 8, họ phải kiểm-soát bãi-biển. Ngồi đấy, cái nhìn bao-quát cả bãi cát dài hơn một cây số, rộng độ 350 thước. Trông ra xa, về phía đông thấy cả cái lưới khổng lồ. Nhưng người tắm biển không để ý đến cái lưới.

Từ chỗ các ca-bin đến bến tàu độ 50 thước là chỗ tắm của bình-dân.

Trước hồi chiến tranh, con gái tập đi xe đạp, trẻ con ném đá, bà già chửi bới. Tuy nhiên các cô vẫn chinh phục được xe đạp, thừa thế cá: cô lại tràn ra bờ biển mặc áo

tắm. Buổi đầu anh em trai phải lượn trên bãi, thủ sẵn con dao trong túi để coi chừng cho các cô phơi nắng và say sưa với việc làm táo bạo của mình.

Bây giờ các bà mẹ theo con ra biển, mặc cả áo dài, rụt-rè lần xuống nước, cười răng rắc với nhau, đập tay vào lưng nhau cho thêm mạnh dạn, tay kia kéo áo xuống cho khốt sát vào người làm nổi hẳn phía sau.

Chỗ có ca-bin là khu của gia-đình thân hào. Hai giai cấp mặc nhiên công nhận để một khoảng trống ngăn cách hai khu. Tại đây các bà nằm dài trên ghế vải kê dưới tán, mẹ và vợ mặc áo phủ người, con gái mặc áo tắm. Đàn ông uống rượu trên bục gỗ. Cũng có vài bà còn trẻ mặc áo như con gái để bà khác nhìn với con mắt khinh-bĩ hay thêm-thuồng tùy quan-niệm riêng.

Khu vực thứ ba chỉ có những người quanh vùng đến nghỉ mát. Một đoàn người hỗn độn không phân tôn-ty trật tự, một cuộc tụ-hội bất thường về mùa nực,

Con các thân-hào lượn vét-pa tìm tình.

Trẻ con nghèo chạy lộn-xộn khắp nơi tìm cái gì để ăn cấp.

Mười hai giờ rưỡi trưa, Hà Thủ-Lô dừng xe trước bãi biển. Ái-Lan ngồi cạnh, Điệp và lũ trẻ đằng sau.

Mã Thiên nghiên-cứu bản phúc-trình của Bầy Xô: Bê mới gặp Mùi trong vườn cam để làm gì? Y không bận-tâm về bọn Bê Ba, nhưng vì chúng ăn cấp

con dao của y nên y phải cho một bài học, thế thôi. Y không cho là Mùi mất trí đến nỗi phải lòng Bê, y vẫn cho Mùi là con bé khôn-ngoan, Mùi vẫn nhìn y với cặp mắt khinh-khỉnh làm y phải khen ngợi. Nếu y có con gái y muốn con gái thông-minh lanh-lợi và kín-đáo như thế. Y muốn cân-nhắc đủ mọi cạnh khía để tìm cách giải-thích sự liên-lạc giữa Bê và Mùi.

Điệp mặc áo tắm bằng nhựa thun, Không ai biết chiếc áo ở đâu ra, nhưng Mã-Thiên đã dò hỏi tiệm Phi Nga biết rồi. Y ghi vào trí nhớ để có khi cần đến.

Tin mới lạ trong ngày là Ái Lan, vợ Hà Thủ-Lô, mặc áo tắm lần đầu tiên kể từ khi bà ở Mãn-Cổ đã 10 năm. Chồng bà vẫn không cho bà mặc áo tắm. Thực ra Hà mới bằng lòng từ tối hôm trước theo lời yêu cầu của Điệp vì Điệp đã để cho Hà đụng đến người nàng. Ái-Lan biết đối với Điệp, chồng bà có những khoé nhìn, những giọng nói, những điệu bộ của người chinh-phục phụ-nữ. Nhưng bà cho rằng Điệp ít nguy-hiểm hơn những đứa khác. Bà không ngờ đứa con gái điên khùng ấy đã nắm đầu được chồng bà rồi,

Ái Lan cảm thấy mắt mọi người dán vào mình. Điệp đi hộ vệ sát bên khuyên nhủ:

— Bà đừng ngượng, bà có khổ người đẹp, nên tỏ ra không sợ gì ai.

Ái Lan mặt và trắng, Điệp mảnh-mai, da dẻ đã phơi nắng dăm nâu.

Hà thủ-Lô ở trong Ca-bin ra. Một người vạm-vỡ đẹp trai, da đã nâu sẫm không cần phơi nắng. Hà vòng hai tay lên vai hai người đàn bà đẩy xuống nước.

Diệp đi lên trước, thân-hình đẹp-đẽ in lên nền trời. Ở đây đàn bà gầy như que củi hay mập thù-lù như một đồng thịt. Diệp người thon, mỏng tròn-trĩnh, ngực nở nhờ cái độn kín-đáo dưới áo tắm bằng nhựa thun.

Diệp lội xuống nước đến ngang đùi mới kiễng chân dợ tay lên đầu, nhào xuống nước. Trong một loáng người ta thấy cái thân cong vòng cung, rồi chỉ còn hai cẳng duỗi thẳng, sau cùng biến hết. Diệp chỉ nhô lên khi đã ra khá xa, đến chỗ cát trời lên, chân nàng dưng dặt. Diệp đứng chỗ nước đến lưng ống chân, tắm-thân dong dong cao, bóng-loáng dưới ánh nắng.

Hà Thủ-Lô đẩy vợ xuống nước, ngón tay ông bấm vào cánh tay vợ làm nổi hằn đỏ lên y hết chỗ giải áo tắm lẫn xuống thịt vai. Thiên-hạ bấm nhau mím cười được xem một trò thích-thú.

Bà vợ lầu bầu :

— Thì để người ta tắm nắng dưới cái tán một chút đã nào !

— Người ta không tắm nắng dưới bóng tán. Thôi đi xuống.

— Trời ơi ! Lạnh thấu xương, tôi chịu thôi.

Diệp trở lại. Ái-Lan nhìn Diệp rồi lại nhìn chồng. Cùng quá bà để rơi cây thịt, ngồi xếp xuống, nước ngập lên tới cổ.

Diệp reo lên :

— Hay quá, bà thể-thao quá !

Hà-Thủ-Lô xải tay bơi xa bờ. Diệp bơi theo. Nàng biết rằng mình bơi nhanh hơn ông Cò nên tính trước lúc trở về sẽ bắt kịp rồi bơi lên trước để làm như ông Cò đuổi theo mình.

Mã-Thiên nói với Bảy-Xô :

— Tao sẽ tặng con Diệp một cái áo vàng như người chiếm giải đua xe đạp.

— Sao lại áo vàng.

— Nó đáng là quán quân.

— Phải đó, nó bơi giỏi quá.

— Đồ ngu !

..

Hà Thủ-Lô cùng với Mã-Thiên tiếp đón nhân-tình trong một phòng bát giác của cái lâu-đài cổ cạnh chỗ ở Mã-Thiên cho thành phố thuê làm nơi chứa hồ sơ. Họ đến bằng cửa ngách, đàn-bà thì đi qua cửa thông sang nhà nguyện. Nhờ vậy Mã-Thiên kiểm-soát được hành-vi của ông Cò. Ở Mãn-Cổ cần có đồng đảng mới đi ngang về tắt được. Những người giàu có thì khác. Họ chỉ việc thuê đàn bà con gái làm con đòi. Nếu là hạng thân-hào họ mời cả hai vợ chồng đến chơi biệt thự của họ rồi để cho chồng làm một việc có lợi khá.

Từ đại địa-chủ như Đồng Thái-Gia đến các thân-hào cách nhau một trời một vực, cũng như từ thân-hào đến người lê-thứ bần-bách. Tuy nhiên tiền của chưa đủ để giải-thích sự cách-biệt giữa các giai cấp. Mã-Thiên giàu hơn Hà-Thủ-Lô gấp bội, y không mua xe hơi chỉ vì không muốn mất số lời về khoản tiền mua xe, nhưng cũng vì y thấy đi xe «chạc» của những người bị y kiểm-soát thú hơn nhiều. Nhưng Mã-Thiên giàu có đến đâu cũng vẫn phải nói

« thưa ông cảnh-sát trưởng » còn Hà-Thủ-Lô gọi y là « anh ». Chỉ có cách bỏ tỉnh này đi chỗ khác, vung-vãi tiền ra, giả làm ngời quyền-quý như khách nghỉ mát ở đây. Mã-Thiên vẫn để ý quan-sát cử-chỉ ngôn-ngữ họ, Kém phong-độ hay nhiều phong-độ quá cũng tố-cáo sự phong-lưu giả hiệu. Biết đâu chỗ khác lại không có một Mã-Thiên thứ hai để lột mặt nạ Mã-Thiên thật. Trời sinh ra kẻ đánh thuế người vi-phạm trật-tự xã-hội là có ý giúp cho giữ được trật-tự phần nào. Y nghĩ thế trong khi kiểm-soát Hà-Thủ-Lô và Điệp ngoài bãi biển. Cô này thực hiện đúng cách xếp đặt trước rồi ngoảnh lại cười, cái cười của cô gái lẳng-lơ được người theo đuổi mình mà làm cao đem ra giễu-cợt chơi.

Thân-hào ở trên bãi không lằm. Điệp cũng hiểu thế nhưng nàng đánh nước bài hỏ với công-chúng. Hà mất thể diện với phụ-nữ, mất phong-độ của người được gái thích, vì bị đứa con gái gian-ngoan nhất Mãn-Cổ đem ra làm trò cười. Thiên-hạ dự-kiến một trò thích-thú hơn xem đấu bò. Họ xem đứa con gái tiệm bán đồ sắt hành-quyết ông cò Hà Thủ-Lô.

Khi nói chuyện tình Hà và Mã tương-đắc nhau lắm, họ đồng-ý về nguyên-tắc giá-trị của ái-tình chỉ có ở chỗ nắm đầu được người đàn bà, chứ còn hưởng khoái-lạc thì không gì bằng gái điếm Phố-Gia. Nhưng mỗi người thực-hiện, một cách khác. Hà Thủ-Lô dùng đến tài quyến-rũ đàn bà còn Mã-Thiên chỉ việc vồ lấy gái trinh như con thú vồ mồi.

Khoảng 2 giờ quá trưa người ta ra về. Phan-Khoa cũng trở ra tìm chỗ giấu xe. Liên-Hoa trở về trại nghỉ hè.

Mã-Thiên về nhà ngủ một giấc đến 5 giờ mới giậy sửa-soạn ra đi. Y mặc áo màu xanh biếc, sơ-mi xanh Thổ Nhĩ-Kỳ, nơ bướm xanh nước biển.

Mã-Thiên đi một lối quanh-co đến một vườn cam ở cạnh vườn cam của Đồng Thái-Gia. Vài người làm vườn còn đang làm việc. Y ngồi xuống gốc cây và đợi họ về.

Cha đẻ ra Mã Thiên là thợ canh nông làm cho một chủ-trại. Khi chủ-trại đi tỉnh chơi, cha y phải xách đèn đi theo, đợi lúc chủ về để đưa đường. Chủ ham chơi quyền phép, có khi kéo đến sáng, cha y ngồi ở vệ đường đợi suốt đêm.

Chủ trại cũng phải đợi địa-chủ. Địa-Chủ ở Rô-Ma gửi thư về, hẹn thứ hai đợi ở nhà ga. Thủ trại đánh xe đi gần 20 cây số đến ga đón. Thường thường địa chủ không đến ngày thứ hai; thứ ba, thứ tư cũng không. Có khi chủ trại đợi cả tuần lễ đêm ngủ trong đồng rơm lót thùng xe. Bây giờ địa-chủ đến bằng xe hơi, nhưng địa chủ vẫn có cơ làm cho chủ-trại phải đợi.

Địa - chủ bắt chủ - trại đợi mình, chủ trại lại bắt thợ canh-nông đợi. Chắc vua cũng bắt địa-chủ đợi, Trời lại bắt vua đợi. Chỉ có Trời không phải đợi ai và người thợ canh nông không có ai đợi mình. Mã Thiên quan-niệm trật-tự xã-hội như thế. Vậy thì kết-luận, đừng làm thợ canh-nông nữa, vượt lên trên là tốt hơn hết.

Người khác muốn phá đổ thứ trật-tự ấy để tìm những tiêu-chuẩn khác lập lại trật-tự. Muốn thế phải nghe người ta đọc nhật-trình hay đọc sách mới biết. Mã-Thiên đã có định-kiến từ năm 10 tuổi: chịu để cho người khác sai-khiến nhưng cũng sai khiến người khác, cốt nhất phải vượt khỏi cảnh đời thợ canh-nông khốn cùng tuyệt-đối.

Năm 16 tuổi, y cầm dao chém một đứa đã phá trinh em gái y mà không chịu lấy làm vợ. Y bị tù đến năm 18 tuổi thì được tha và được đăng vào thủy-quân Hoàng-gia. Y trở nên cứng rắn, tàn-nhân.

Bây giờ Mã Thiên ngồi dưới gốc cây vả, tâm-hồn thư-thái, y đợi thợ làm vườn về hết là nhảy qua tường sang túp lều của Mùi.

* *

Bê sai một đứa trẻ mang đến cho Mùi một miếng bánh mì, dầu ô-liu và cà tô-mát. Mùi ăn rồi ngủ đến 5 giờ chiều. Khi tỉnh dậy, Mùi ngồi suy-nghĩ, bẻ que rơm bầy lên đầu gối như một thế cờ để tính - toán.

Tia nắng xiên - khoai lọt qua cửa sổ chiếu ánh hồng vào người Mùi. Mã Thiên nhảy qua tường lệ làng, gọn - ghẽ, đến ngó qua cửa sổ. Mùi không biết. Y chùng-chình ít lâu không phải để tính mưu kế — những trường hợp này y chỉ dùng một cách quen thuộc, cũng không phải để thưởng thức trước thì vị miếng mồi. Y chợt nghĩ đến Hà Thủ - Lô. Y khen-ngợi kỹ-thuật quyến - rũ của Hà nhưng cho rằng thực - hành kém (Hà để cho Điệp sai khiến). Còn y cứ việc nhảy xổ đến miếng mồi. Như vậy y có nam tính trội hơn Hà-Thủ-Lô. Y cũng tự phụ thể chất y dũng mãnh hơn. Hà-Thủ-Lô thân hình vạm vỡ, cao, bắp thịt tròn. Y thấp, lùn, vai rộng, háng hẹp, một cái hình tam-giác, một con dao làm vườn.

Mã-Thiên bước vào lều đóng xập cửa lại, không nói-năng gì cả. Mùi đứng phắt dậy lùi vào tường trong, hai tay thủ túi, hai mắt cũng rần-rời như mắt Mã-Thiên. Mã Thiên khoái cái nhìn ấy.

Y thông - thả cởi áo ngoài khoác vào lưng ghế rồi tiến đến phía Mùi :

— Nằm xuống !

Mùi không nhúc-nhích.

Y tiến đến sát cho Mùi hai cái. Đối với đứa gan-góc thì phải hạ nó trước đã,

— Nằm xuống.

Mùi tiến lên một bước, vung tay giơ con dao ra làm y kinh-ngạc.

— Con dao của mày đây !

Mã-Thiên chưa kịp hiểu Mùi làm gì thì cự nhọn ở con dao đã cạy hai đường chéo nhau trên má y. Y soa tay lên má, máu nhuộm đỏ bàn tay. Lúc ấy Mùi mở lưỡi dao ra cắm lăm lăm trong tay. Trông thấy lưỡi dao sáng loáng và cái cự trên sống dao còn dính máu đỏ, y lui mau ra cửa.

Mùi tiến lên nhưng để thì giờ cho y mở cửa. Mã-Thiên ra rồi Mùi khóa cửa lại. Mã-Thiên ra suối rửa vết thương. Nước phản chiếu mặt y nom rõ hai vạch chéo nhau khá sâu để y mang vết suốt đời.

Mùi thấy chiếc áo xanh biếc còn khoác trên lưng ghế, nó bới đồng bao bố lấy ra một cái bóp da màu hung hung khắc chữ vàng, đem bỏ vào túi áo Mã-Thiên tráo lấy cái bóp đen của Mã-Thiên. Mùi giấu cái bóp đen đi.

Mã-Thiên trở lại chỗ cửa sổ. Hai người yên lặng nhìn nhau một lúc.

— Mày vạch mặt tao ! được rồi, sẽ có lúc lại gặp nhau.

— Bằng con dao của mày đấy.

— Để tao vào lấy áo, tao tay chân không, mày có dao.

Họ lại yên-lặng nhìn nhau.

— Mày đã vạch tao, mày phải trả nợ. Chỉ có một cách tha-thứ được cho mày, mở cửa ra, nằm xuống.

Mùi cười không ra tiếng. Nó cầm áo đưa ra cửa sổ :

— Đây tao trả, nhưng nếu thò tay vào là tao chặt tay.

Mã-Thiên ngoan-ngoãn cầm lấy áo rồi bồng dịu giọng lại :

— Này em, qua chưa gặp đứa nào như em.

Thôi xí-xoa. Chúng ta cùng đi về Bắc ở, em tính sao ? Qua giàu. Sống với một người như em chúng ta sẽ chinh-phục hoàn-cầu.

Mùi nhếch mép cười chế-nhạo rồi lặng lẽ đóng cửa sổ. Mã-Thiên còn lải-nhải ở ngoài :

— Qua giàu lắm em có biết không... Không có tiếng trả lời. Bấy giờ y mới chịu đi.

Vào lúc Phan Khoa và Liên Hoa mùi-mẫn ở bờ-biển thì Đồng Thái-gia đi săn về. Lần này bắn đến con chim thứ tư ông thấy tay, vai và háng mỗi lạ. Cũng như lần trước, mục Lý làm phép rồi lấy vải băng-bó cho ông. Ông mặc áo chùm ra ngoài băng-bó ngồi trên ghế bành, xung quang ông, mấy người đàn bà trong nhà chạy lăng-xăng. Viên trưởng-ty nông-súc gõ tay vào cửa mở báo-hiệu rồi vào :

— Tôi đến hỏi tin về việc cô Mùi.

Mai vội trả lời :

— Chúng tôi vẫn bằng lòng.

Mục Lý vội đến gần :

— Ông hỏi con Mùi ?

— Phải.

— Chúng tôi bằng lòng.

— Vậy chiều mai tôi đem xe lại đón.

— Có lẽ nên đợi tuần sau, nó còn đi thăm dì nó đau.

Đồng Thái-Gia xen vào, giọng ông át cả tiếng mấy người đàn bà :

— Ra đây tôi bảo.

Viên trưởng - ty nông - súc nhìn Mai để hỏi ý. Mai vội nói :

— Cụ tôi muốn nói chuyện với ông đấy.

— Tôi bảo anh lại đây ngồi.

Viên trưởng-ty nông-súc ra vẻ phản-đối mấy ông lớn quen thói nói sách mé với công chức trẻ tuổi như nói với người nhà. Đồng chỉ một cái ghế dài trước mặt cho ông ta ngồi rồi đuổi đàn bà vào nhà trong.

— Anh bao nhiêu tuổi ?

— Hai mươi tám.

— Anh có biết họ mưu-mô để cợt anh phải lấy con Mùi không ?

— Người ta đã nói với tôi.

— Anh không biết con gái miền Nam, anh không thoát được đâu.

— Đến lúc ấy sẽ hay.

— Anh có thể lấy con một địa-chủ.

— Tôi không nghĩ đến.

— Nếu anh muốn, tôi sẽ đi nói giùm anh con gái Đồng-Hà-Mô.

— Tôi không chạy theo của hồi môn.

Đồng-Thái-Gia mở mắt nhìn người đối-thoại : trán dô, hai má hồng-hào của

người phương Bắc. Giảng bướng-bỉnh và trẻ con của cậu học-trò đã có đại-học.

— Ở xứ này đã có chuyên-gia nông-súc từ thế-kỷ thứ 5 trước kỷ-nguyên...

— Tôi không thấy có gì liên-lạc với tôi.

— Đồng nghị : « Nhà quê ! Anh tưởng Khoa-học nhà quê của anh cho anh được lên hàng quý-tộc chác ! » Nhưng Đồng cũng nghị : « Thói phép xưa đã bị chôn xuống bãi rồi. » Đồng không muốn làm nhục người công-chức.

— Phải, anh nói phải.

— Ông không muốn cho nó đến làm với tôi ?

— Nó muốn làm gì nó cứ làm.

— Nếu có người phản-đối thì người ấy là mẹ nó chứ không phải ông.

— Anh muốn lấy nó ?

— Cái đó quyền ở tôi và chỉ liên-hệ đến tôi.

— Ta thấy rồi, anh muốn nó mà không muốn cưới xin. Nhưng nếu người ta đưa anh ra tòa anh sẽ chịu làm phép cưới.

— Đó là việc của tôi.

Đồng Thái-Gia lại nghị : « Nếu ông muốn hưởng trình-tiết của Mùi thì đó là việc của ông »... Tồi tở trong nhà vẫn theo cổ lệ đưa con em lên hầu lão-gia trước đã. Người công chức dân-chủ công-giáo này có công-phần về thói-tục phong-kiến vẫn mặc-nhiên tồn-tại ngoài pháp-luật, ông cũng quyết-định sử-dụng ưu-quyền đó.

Đồng mới có ý ấy sáng hôm nay. Ông nhớ lại tối hôm Mùi đến ngồi dưới chân

ông nhờ ông che-chở, đêm lại nghe tiếng hát của Mùi, lòng ông xúc-động.

Người công-chức đứng dậy cáo từ, trong lòng đầy bức-tức vì phải sống với những nông dân miền Nam lạc-hậu, với những địa-chủ còn lạc-hậu hơn.

— Mụ Lý đâu ? Thay bằng đây.

Mụ lý ra lò sưởi đun lại nước hấp băng, Mai và Én đứng cạnh ghế bành. Tô-Du về trông nom cho ba người đàn bà làm việc tươm-tất.

— Én, từ tối hôm nay mày sang ngủ trong buồng mụ Lý !

Xưa nay trong nhà này ông phán truyền lệnh đuổi một người đàn bà vẫn như thế. Én tái mặt đi. Én vẫn biết sẽ có ngày bị thất-xủng lui xuống hàng nữ-tỳ như mẹ.

Đồng chống tay vào ghế định nhóm dậy bấp thịch đùi tê-liệt không sai khiến nổi.

*
* *

Mã Thiên trở về Mãn-Cổ. Y nghĩ đến sự thất-bại không ngờ nên không tính trước cách đối-phó. Chắc ít người dám hỏi chuyện y, nhưng có thể rằng những người chơi quyền phép với y hôm trước sẽ hỏi, và con bé đã vạch mặt y sẽ đi khoe khắp tỉnh. Cả tỉnh sẽ bàn-tán chuyện ấy. Muốn cứu-vãn danh-giá y sẽ giết ai bây giờ ? Giết Mùi hay một đứa trẻ con ? Nhỏ nhoi quá không xứng với danh-giá một Mã Thiên.

Y vừa đi vừa suy đi nghĩ lại. Khi trước y còn làm lính thủy, bị một viên đội làm nhục, y cắn răng chịu, tạm gác danh-dự ra một bên, đợi lúc được lên đội y kiếm một cơ nhỏ - nhặt để hành

hung rách nát mặt viên đội trả thù. Y không bị mất lon vì hành-động của y hợp với danh-dự nhà binh, cấp trên khoan-hồng.

Nhưng, y chợt nghĩ ra, chỉ bằng cứ nói vung ra, đã có cách nói đỡ đi để xoay cho chuyện không đến nỗi nhục-nhã cho y.

Phải nói ngay mới được. Y đến quán Thề - Thao, đứng giữa nhà lấy khăn ra chùi máu và đưa mắt nhìn khách ăn. Họ đều quay mặt đi. Y đến quầy gọi một ly cô-nhắc Pháp, tay sờ lên má.

Duy - Tô, người phổ-ky, người mắt nhìn có ý hỏi, Mã-Thiên vợ lấy cơ-hội :

— Tôi đang hiếp nó thì nó rách mặt tôi.

Y nói lớn để mọi người nghe tiếng,

Duy-Tô kêu lên :

— Máu trả bằng máu, có gì là nhục.

Máu trả bằng máu, đó là quan-điểm của tôi.

— Con nào thế? Có cho biết được không?

— Không. Tôi là người danh-dự.

Y cười và nói thêm :

— Chắc rồi nó cũng đi khoe.

Y móc túi lấy bóp ra trả tiền. Không phải chiếc bóp đen mà Duy-Tô cũng như mọi người đều biết. Đây là cái bóp hung hung có khắc chữ vàng.

Tuy quen tự kiểm-soát, y cũng phải ngạc-nhiên lật đi lật lại coi. Mở ra, một ngăn rỗng không, ngăn kia đựng ít giấy má y không biết. Y để ý thấy Duy-Tô quay đi nhưng chăm-chú nhìn y trong gương.

— Thôi biên vào sổ cho tôi.

*
* *

★ Người ta gọi trạng-thái phong-tục hiện đại là văn-minh và gọi trạng-thái phong-tục thuở trước là man dã. Phong-tục bây giờ, người ta sẽ gọi là man dã, khi mai ngày nó trở thành phong-tục đã qua.

(Anatole France, Sur la pierre blanche)

Định nghĩa

Marina de Berg định nghĩa kẻ trọn đời chỉ có ý chí nhất thời, *Velléitaire*, như sau :

— Họ là người để lại ngày mai những việc ngày nay để lại từ ngày qua.

Mặt trời gần lặn. Bê và Mùi lại gặp nhau trong túp lều. Mùi khoe :

— Tao đã vạch mặt Mã-Thiên.

Mùi kể chuyện lại nhưng không nói đến cái bóp. Bê ngồi nghe, hai mắt nẩy lửa dưới lọn tóc xòa xuống trán.

— Hay lắm !

Nhiều câu hỏi đặt ra cho hai đứa.

Tại sao Mã-Thiên lại biết được chỗ ẩn của Mùi ? Không lẽ tụi trẻ con lâu la của nó lại phản nó. Hay anh hàng sữa buổi sáng đã tố cáo ? Cũng không được, vì anh này không biết ý-nghĩa cái vòng có 2 vạch chéo. Chỉ riêng hai đứa biết ý-nghĩa dấu-hiệu này mà thôi.

— Mày không nên ở đây nữa, nó sẽ trở lại.

— Tao có dao sợ gì ?

— Biết đâu đấy, Mã-Thiên mảnh-lời lắm.

Bê ở đây với Mùi.

— Ừ.

Bê chưa kịp nghĩ đến điều ấy. Mùi cũng bất-thần nghĩ ra chứ không phải kiểm có giữ Bê lại.

Hai đứa yên lặng ngồi cạnh nhau, tay cầm tay như hôm qua. Lần thứ nhất chúng tránh mắt nhau. Trước kia chúng đã nhiều lần sát bên nhau trong chỗ vắng-vẻ để đi ăn trộm vật hay bắt cá trộm.

Hai đứa đã nói là yêu nhau, không bao giờ bỏ nhau. Chúng sẽ cưới nhau. Mới đây chúng đã bàn định bỏ Mãn-Cổ đi nơi khác với tài tháo-vát và láu-lỉnh ấy chúng sẽ có đủ phương-tiện sống. Nhưng chúng

chưa bao-giờ vượt-ve, chưa bao giờ hôn nhau vì chưa nghĩ tới.

Bê hiểu ái-tình lắm, nó đã có dịp gần gái điếm, nhưng chưa bao giờ nó nghĩ đến khoái-lạc mà lại nghĩ đến Mùi. Nó yên chí mai sau Mùi sẽ là vợ nó, thế thôi, nó không muốn nghĩ nhiều. Nó để ý xem xét thấy ở Mãn-Cổ, người giàu có đi tìm thú vui với điếm hay gái ăn chơi, người nghèo không có tiền chỉ biết có vợ mà thôi. Vậy nó không nghĩ đến khoái-lạc với Mùi cũng là một cách biết đến sự xa-xỉ.

Đối với Mùi đã từ 4 năm nay nàng phải chống cự lại đàn ông chọc ghẹo. Đồng Thái-Gia cũng có lúc nhìn nó bằng khoe mắt không đến nỗi sôi sùng-sục nhưng cũng nặng-nề. Mùi đã biết rằng trước sau cũng phải qua tay lão. Mùi cho là một việc tự-nhiên vì thói-tục như thế.

Chiều hôm nay, trong một góc vườn cam kín đáo, chúng sẽ qua một đêm bên cạnh nhau trong lúc lòng hân-hoan vì mới thắng được Mã-Thiên. Chúng bắt đầu hôn nhau. Chúng quên hết đời. Chúng ôm-ấp nhau, say sưa ân-ái một cách tự-nhiên từ chập tối đến lúc bình-minh. Hai đứa lăn ra ngủ.

*
* *

Liên-Hoa và Phan - Khoa ra cửa hang. Chàng qua dạng thông đến chỗ để Vét-Pa. Nàng theo con đường từ mũi đất cao đi xuống, bước đi vững chắc, người thoải-mái. Nghĩ đến A-Lịch-San nàng thấy là người xa lạ rồi.

Liên-Hoa tới trại nghỉ hè kiểm viên giám-đốc. Ông này tưởng nàng tha-thẩn

trong các trại trẻ em. Ông xin lấy xe đưa nàng về, nàng nhận lời.

Đến chiều nàng viết thư cho Phan-Khoa dặn đến Phố-Gia tìm một người thân-thuộc với gia-đình nàng và tìm sẵn căn phòng. Cuối-cùng nàng cảm ơn Phan-Khoa đã đối xử rất cao-thượng với nàng. Nàng nghĩ rằng Phan-Khoa có ép liễu nại hoa thì nàng cũng không thể từ chối được.

Nàng bỏ vào phong bì 30.000 đồng làm lộ phí rồi đi kiếm Điệp để nhờ trao cho Phan-Khoa.

*
* *

Mã-Thiên đến một tiệm thuốc bằng bó vết thương. Người ta mách y :

— Khoa giải-phẫu ngày nay thần tình lắm, họ thắp da mặt, cho chạy điện, sẽ sạch trơn không còn sẹo, chỉ tốn tiền thôi.

Mã-Thiên tự trách mình sao không sớm nghĩ ra. Y đã mất trí dễ-dàng quá, đã tính đến lấy van Mùi giữ kín cho.

Như cắt được gánh nặng, y chỉ còn nghĩ đến việc giải-quyết chuyện cái bóp thôi.

Chỉ có Mùi đánh tráo cái bóp của y, vậy hẳn Mùi có dính líu đến tội trẻ con, hay chính Mùi đã ăn cắp. Mùi đã giấu tiền đi không xài đồng nào, vậy là Mùi đã suy-nghĩ già-giận. Y khâm-phục Mùi điểm ấy.

Mùi tráo bóp của y là có ý gì? Đổ tội cho y ? y sẽ có đủ khôn - ngoan để thủ-tiêu cái bóp trước khi Mùi tố-cáo. Vậy thì để làm cho y phục Mùi mà tìm đến Mùi ? Chủ-quan quá. Tốt hơn hết là đừng nghĩ đến tội. Chỉ nên biết Mùi có số tiền 500 ngàn, phải tìm cách đánh thuế nó.

Y không sợ mình cầm cái bóp, y cho rằng Mùi không tố-cáo y. Nhưng Duy-Tô ở quán Thử-Thao có thể báo tin này cho cảnh-sát. Y sẽ nói với ông cò là y đã tìm ra manh-mối, nhưng chưa thấy tiền, còn phải giấu kín.

Mã-Thiên cẩn-thận đem cái bóp giấu vào căn-phòng bát giác, chỗ y vẫn đón bạn gái với Hà Thủ-Lô. Y lấy băng keo dán bóp vào mặt dưới cái bàn xoay. Làm xong y cười nheo mắt, khoan-khoái vì đã tìm ra chỗ giấu thần-tình.

Lúc trở ra, thấy hút Điệp đang leo thang lên nhà y, tay cầm gói đĩa hát.

Vợ Mã-Thiên vừa đi khỏi, vẫn để cửa không khóa. Điệp mở cửa vào, gọi nhiều lần :

— Phan-Khoa, Phan-Khoa !

Không thấy ai trả lời, nàng ngồi xuống ghế đợi. Mã Thiên đón đến về nhà mở cửa vào :

— Điệp làm gì đấy ?

Điệp giật nảy người, kéo gói đĩa hát vào lòng :

— Tôi đợi anh Phan-Khoa.

Mã Thiên chú ý nhìn Điệp. Y hiểu cả rồi. Chồng đĩa hát có cái khấp-khểnh không khít với nhau. Phải có đồ vật gì nhét vào giữa.

Điệp hiểu ý, đứng giậy muốn đi ra. Mã Thiên đặt tay lên gói đĩa hát. Điệp vội kêu :

— Thưa ông !...

Mã Thiên cười nheo mắt không hé môi. Y kéo cái đĩa tình-ngibi là có vật gì ở trong làm cộm lên.

LUẬT LÀM CHỦ

— Thưa gửi gì, đưa đây !

Trong bao giấy lòi ra một cái phong bì trắng dày cộm.

— Của tôi đây, tôi cầm ông...

— Đưa con gái cầm được Mã Thiên chưa ra đời.

Mã Thiên xem-xét cẩn-thận rồi khẽ mở phong bì lòi ra một bức thư dài với 3 tờ giấy 10.000 đồng.

Diệp lại muốn chạy ra cửa. Mã Thiên lấy người đè lên cánh cửa.

— Ngồi xuống đó.

Vợ Mã Thiên đi chợ về, tay cầm đồ thức ăn. Diệp cắt miệng :

— Thưa bà....

— Cầm mồm. (và với vợ) Minh vào bếp đóng cửa lại, tôi có việc với con Diệp.

Vợ Mã Thiên vào buồng ăn đóng cửa. Sau đấy còn nghe thấy tiếng đóng những cửa khác.

Mã Thiên đọc cẩn-thận bức thư của Liên Hoa, suy-nghĩ rồi đọc lại. Sau cùng y đứng dậy lấy một cái phong bì khác cho thư và tiền vào rồi lại trả vào bao đĩa hát như trước :

— Thấy không, Diệp ! Tao không có xem thư của mày nghe không.

Diệp há hốc miệng, dương hai mắt lơ đãng nhìn Mã-Thiên.

— Tao không biết có thư, tao không biết gì cả nghe chưa ?

— Vâng.

— Thôi cầm về, chiều nó về mày mang lại lúc không có mặt tao.

— Vâng.

Diệp vẫn ngồi. Mã-Thiên lấy 2 ngón tay kéo đầu vú Diệp lòi nằng đứng dậy. Dưới tay y chỉ thấy có cái độn.

— Thế ra là của giả !

Y lấy tay nắn người Diệp như viên thú y nắn con bê con. Diệp run như cây xấy. Mắt Mã-Thiên cứng cỏi, lại thêm miếng băng má, trông y dữ tợn. Y lại nheo mắt cười :

— Mã-Thiên không ưa gái già đâu con ơi ! Thôi cho con về, mà liệu hồn, không kín miệng thì biết tay tao. Thôi đi về ! Diệp muốn đứng giậy nhưng đầu gối bủn rủn lại ngã khụy xuống ghế.

Mã-Thiên vào phòng ăn mang lại một chai rượu mạnh rót cho Diệp :

— Uống đi !

Diệp uống rồi đứng giậy cầm chông đĩa hát len lét ra về.

Tối hôm ấy, đến bữa ăn, Mã-Thiên hỏi con :

— Mai con đi Bình-Mông ?

— Vâng.

— Mấy giờ đi ?

— Con định đi xe 9 giờ.

— Mai tao đi với mày đến Phố-Gia có tí việc. Tao muốn đưa con vào khách sạn. Nhớ rồi cũng nên biết đây biết đó.

— Vâng.

— Đến trưa con kiểm xe đi Bình-Mông.

(Còn tiếp)

LỐI RẼ

* TRÚC - LIÊN *

Có sắc trời nào đẹp
Bằng sắc nắng trong lòng ?
Và ánh trời nào đẹp
Bằng ánh mắt xanh trong
Biệt ly rồi
Còn lưu luyến gì không ?

Đường xuyên đại lộ,
Sầu mênh mông.
Rợn rùng,
Tiếng bước nghe cô quạnh.
Không nhớ nhung
Sao vẫn thấy buồn.

Hôm nao đầu lối rẽ
Giăng mắc chiều mây tuôn
Lá rơi,
Bùng gió loạn.
Nắng đỏ rưng chân tường
Nhìn nhau
Hồn rưng rưng
Sắt se buồn không nói
Mà chỉ mong rằng :
« Lối rẽ của đời
Sẽ không là lối rẽ của tâm tư. »

Nhưng
Vô tình
Lá vẫn rơi
Vô tình
Đường vẫn tẻ
Chuyện đời vẫn bẽ bàng
Hôm nao ánh mắt tràn thương nhớ
Biết có phai dần chuyện nhớ thương.

Vô tình
Thời gian trôi
Vô tình
Ai xa rồi
Ngậm ngùi trở bước sầu cô quạnh
Lối cũ sao giờ lăm nằng nôi.

Chiều nay
Về ngang lối rẽ
Đường xa chân không chùn
Nặng đời không mấy ngại
Mà chỉ ngại rằng :
« Lối rẽ của đời
Sẽ mãi mãi là lối rẽ của tâm tư. »

TRÚC-LIÊN

PHẦN ĐẦU



(tiếp theo B.K. số 102)

PHẦN THỨ HAI

— « Bệnh lao là gì ? » Tôi luôn tự hỏi thầm. Và tôi lại tự cắt nghĩa :

— « Là phổi bị một thứ vi trùng, gọi là vi trùng Koch, đến trú ngụ, và dùng nơi trú ngụ của chúng làm lương thực ».

Lối cắt nghĩa theo khoa học đó thật là giản dị. Nhưng sao tôi vẫn chưa thấy thỏa trí tò mò.

Tôi muốn biết tại sao lại có những con vi trùng ấy. Nếu hỏi, người ta sẽ nói

với tôi rằng trong không khí lúc nào cũng có đủ các thứ vi trùng. Trong mỗi người cũng có đủ loại vi trùng của hết các bệnh mà loài người có. Những sinh vật nhỏ li ti mắt không thể nhìn thấy ấy ẩn nấp tại các xó xỉnh kín đáo trong cơ thể. Chờ dịp một hệ thống nào suy yếu, sự phòng thủ an ninh kém phần chặt chẽ, chúng sẽ ủa vào xâm lăng. Lẽ dĩ nhiên chúng sẽ áp dụng chính sách của kẻ chiến thắng, tha sức ăn và phá.

PHẦN ĐẦU

Không. Ở thời buổi khoa học, nhưng tôi không muốn hiểu theo khoa học. Tôi chỉ muốn biết tại sao lại có những con vi trùng. Không có chúng, người ta vẫn sống và vẫn chết được mà.

Nếu cho rằng có Tạo hóa, và chính Tạo hóa đã sinh ra muôn vật, tôi muốn biết tại sao Tạo hóa lại phát minh ra cái sáng kiến tạo nên những sinh vật nhỏ quá sức tưởng tượng ấy ?

Phải chăng vì muốn khoe sự khéo léo tinh vi tuyệt vời của mình ? Có thể tạo nên những thứ vĩ đại như núi biển, và cũng tạo được những cái nhỏ đến nỗi mắt không trông thấy, nhỏ đến nỗi loài người không cảm thấy nó đang chung sống với mình.

Hồi còn nhỏ tôi đã đặt ra nhiều câu hỏi. Hể cái gì làm tôi sợ, tôi lại hỏi tại sao trời sinh ra nó ?

Tôi là đàn bà theo đúng nghĩa « đàn bà », nên tôi sợ hết những thứ ai thật là đàn bà đều sợ : chuột, đĩa, sâu róm, thạch sùng...

Một lần đang bơi, cảm thấy một con đĩa bám vào người, tôi cứng cả người, không thể cử động được nữa, cứ thế là chìm luôn. Lẽ dĩ nhiên rồi tôi được cứu sống nên bây giờ mới có thể kể lại.

Đúng là sợ thứ gì thì hay đề ý đến thứ ấy.

Tôi đã mất nhiều thì giờ nghiên cứu về giống chuột. Từ con chuột cống đen thui, chậm chạp, to bằng con mèo, con chuột trù mồm dài và nhọn, cái đuôi mập ù, vừa đi vừa kêu « khụt khịt », xa tới mười thước đã ngửi thấy mùi hôi, đến

con chuột nhắt bé nhỏ ranh quái. Gần một chục giống chuột mà chả giống nào có thể thương được. Tôi còn biết chuột có tính tình nghịch quái ác, thích trêu người nhút nhát. Vì vậy tôi cố làm ra vẻ không sợ chuột, trong khi ngâm sửa soạn sẵn đề kêu cứu hay chạy trốn. Cuống lên thì làm liền vậy. Tôi vẫn biết chuột chạy nhanh hơn người. Nhưng dù sao cũng nên công nhận giống chuột có đôi mắt rất đẹp và tinh khôn. Nhất là chuột nhắt. Chúng có những dáng điệu rất đáng yêu, cái nhìn cực kỳ dễ mến. Nhưng than ôi, cái sợ không đi đôi với con mắt thâm mỹ !

Ngày ấy tôi nghĩ nếu không có chuột, một năm trên thế giới đỡ được bao nhiêu bát đĩa khỏi bị vỡ oan uổng. Đời sống của tôi sẽ bình yên. Tôi hỏi cha tôi :

— Tại sao trời lại sinh ra chuột ?

Cha tôi cười mà rằng :

— Không có chuột thì mèo đề làm gì ?

Một lỗi cắt nghĩa rõ ràng minh bạch không cần phải cắt nghĩa.

Muốn cho tôi vui lòng đề giống thạch sùng sống trên trái đất cùng với loài người, mẹ tôi kể lại lai lịch của anh chàng nhà giàu tên là Thạch Sùng, hóa kiếp đề đời đời bò trên trần nhà mà tắc lưỡi tiếc của. Biết chuyện tôi đã thương hại giống thạch sùng. Bỏ ý định bắt tất cả, đóng hộp gửi về trả lại trời.

Chỉ những con bướm màu sắc sỡ, mềm như những cánh hoa, lượn trong vườn, chuyền trên các nhánh cây, anh tôi bảo :

— « Kiếp trước của những con bướm xinh đẹp kia là những con sâu róm. Sâu róm càng xấu xa gớm ghiếc bao nhiêu,

bướm bướm càng đẹp bấy nhiêu. Em có thích có bướm bướm lượn trong vườn, trên bãi cỏ không ? »

Thế là tôi phải bằng lòng cho sâu róm ở nhờ trên trái đất, vui lòng cho chúng dọa nạt để có bướm bướm vậy.

Đó, ngày ấy tôi được giải thích đến nơi đến chốn về mọi vấn đề làm tôi băn khoăn, thắc mắc. Tại sao bây giờ không ai nói cho tôi biết lý do sự có mặt của vi trùng trên trái địa cầu ?

Hay tại có thầy thuốc nên có vi trùng ? Phải rồi. Không có vi trùng thầy thuốc để làm gì ?

Về thượng cổ thời đại, loài người đâu có biết bệnh tật là gì. Sinh ra đời, rồi già thì chết. Đôi khi có những trường hợp bất thường khiến người ta chết sớm hơn định luật của tự nhiên. Đó là khi xảy ra một tai nạn. Như tai nạn lao động chẳng hạn. Bấy giờ mới có người phát minh ra sáng kiến tìm cách cứu sống những người bị tai nạn, dần dần đến các chứng bệnh do thời tiết, làm lụng ăn uống không điều độ. Người ấy là cụ Lãn-ông ở nước mình, Hoa-Đà Biền Thuốc ở nước Trung-Hoa, Hyppocrate của người Âu-châu. Khoa-học chẳng vẫn công nhận bây giờ có nhiều thứ bệnh mà ngày xưa không có đấy ư ?

Như vậy chính thầy thuốc đã có trước vi trùng. Vì trọng luật sinh sống của tự nhiên, Tào-Hóa không muốn thầy thuốc bị thất nghiệp, nên sinh ra vi trùng, nguyên nhân của các thứ bệnh. Ngày nay càng nhiều thứ vi trùng lạ, càng lắm thứ bệnh hiểm nghèo, đó chẳng qua vì nghề thầy thuốc đến lúc cực kỳ bành trướng.

Cả hai bên cùng ra sức tăng cường lực lượng. Sản xuất nhanh, vi trùng ra sức phá hoại. Nhờ trí thông minh, của bấu riềng của loài người, thầy thuốc phát minh cũng rất nhanh các thứ thuốc. Khí giới để tiêu diệt vi trùng.

Đang giữa cuộc chiến, chưa biết thắng bại thế nào. Song dù sao, con người ta vẫn là bãi chiến trường để đôi bên phô diễn tài sức.

Chiến trường ! Hai tiếng ấy đủ gợi nên một cảnh tượng tiêu điều thảm thiết, siết bao chua xót. Xúc động tới cả những tâm hồn sắt đá nhất.

Ai ngờ chính tôi đang là một bãi chiến trường !

*
* *

Tôi muốn đêm sáng, có mặt trời, có ánh nắng. Và ngày thì tối như những đêm đen tối nhất.

Cứ khi đèn trong nhà tắt, mọi người yên nghỉ là tôi tỉnh táo khỏe mạnh. Đôi mắt mở to, tôi cố nhìn các đồ vật ở trong phòng. Cái gì cũng màu đen. Càng nhìn càng đen kịt. Chỗ kia là cái máy khâu. Tôi cảm thấy có thể ngồi dậy, đi ra mở máy, khâu được suốt đêm. Tôi muốn bật đèn, ra bàn ngồi viết. Hình như tôi cần hoạt động để có cảm tưởng mình vẫn có đời sống bình thường.

Nhưng tôi không thể đánh thức cả nhà dậy, cùng thức với tôi.

Nằm yên lặng, mắt mở to, tôi nghĩ tới nhiều thứ quá. Ở trong tối, tôi không thể nghĩ đến một cảnh sáng sủa. Có nghĩ tới, hình ảnh ấy cũng chỉ như một ngọn nến

giữa gian nhà hoang lạnh trong một đêm
lộng gió.

Tôi nhìn người tôi, nhìn¹ quanh khắp
phòng, chỗ nào cũng màu đen. Không thể
phân biệt đâu là tôi, đâu là những đồ vật gì.
Bóng tối đè nặng tâm hồn, có nhiều lúc
tôi hoảng hốt sợ hãi. Có phải tôi đang
nằm đây, hay chỉ là ý nghĩ của tôi và
bóng tối ? Tôi có cảm tưởng mình bị
giam hãm, úp chặt trong một cái nhà hãm
ấy chính là đêm tối. Không có bề cao,
không có bề rộng, bề dài, song chật hẹp
và kín đến ngột thở.

Tôi cứ sống trong trạng thái tâm hồn ấy
cho tới khi khung cửa sổ hiện dần lên.
Không gian đổi sang màu sẫm đậm dần
nhạt dần. Lúc ấy tôi mới thiếp đi. Chìm
vào thế giới của quên và hư ảo.

Đêm nay cũng như đêm qua. Đêm mai
sẽ giống đêm nay. Tôi sinh ra sợ đêm,
sợ bóng tối. Sợ những giờ khắc dài dặc,
lặng lẽ đến rợn người. Tự tôi không thể
trốn thoát, không ai có thể giúp tôi trốn
thoát.

Đêm là đêm và ngày chỉ là ngày. Hai
thứ riêng biệt và hoàn toàn trái ngược.
Nhưng tại sao tôi không phân biệt nổi
ngày hay đêm nữa ?

Ngày của tôi chỉ là những giấc ngủ
nặng nề, mệt nhọc, ngắn và dài cộng lại.
Mệt quá. Tôi nằm xuống. Thế là lịm đi.
Tất cả biến thành đêm tối...

Tôi thấy mình đang đi trong đêm tối
lạnh lẽo và hoang vu. Thử tìm hiểu ý nghĩ,
thì ra tôi đi tìm người thân thuộc, tìm ánh
sáng. Có những ngọn đèn le lói đằng xa.
Tôi cố đi tới. Hình như ngọn đèn cũng



đi. Tôi chạy theo, ra sức chạy. Vừa chạy vừa cảm thấy mệt vô cùng. Rồi không thấy một ngọn đèn nào nữa. Chung quanh tôi chỉ hoàn toàn đen tối. Mầu đen dày đặc và mờ mịt. Tôi vấp ngã. Có lẽ rơi trúng vào một cái ao bùn. Mùi bùn nồng nặc. Tôi cố ngoi ngóp kêu cứu. Bùn đã ngập đến cổ, lên tới mũi. Tôi vùng vẫy. Không thể thở được nữa rồi...

Mở mắt ra, mồ hôi ướt đầm cả trán và áo. Ánh sáng chói lòa. Mảnh trời xanh thẳm đang nhìn tôi qua khung cửa sổ. Tôi thấy mình đang nằm ở giường trong phòng, không đi đâu, chẳng có đêm tối và ao bùn nào hết.

Thì ra chỉ là giấc mộng. Trong lúc ngủ tôi đã quên không thở. Tự nhiên khó thở vì phôi tôi nó không muốn làm việc, định đình công. Bây giờ đã thoát cái giấc mộng góm ghiếc ấy, chỉ còn tồn sức bắt nó làm việc lại.

... Tôi đang đi lang thang trong một khu vườn đầy lá vàng. Không rõ giờ khắc. Trời và không gian một mầu ảm đạm mờ mịt. Tay cầm chiếc chổi, tôi ra công quét lá rụng. Mệt lắm rồi, khu vườn thì rộng mông mênh. Tôi vun gọn những lá đã quét vào một đồng đẽ châm lửa đốt. Mùi diêm sinh ở que diêm tạt vào mũi, tôi nín thở, ném vội que diêm vào đồng lá rồi ngồi xuống bên. Khói quế. Có lẽ lửa ở que diêm đã bén vào lá. Tôi tìm một chiếc que cời lá lên cho đỡ khói. Chả đỡ tí nào, khói càng mù mịt. Tự nhiên tôi nghĩ nếu làm cho lửa cháy sẽ hết khói. Cúi xuống, tôi ra sức thổi. Hơi thổi của tôi không làm cho lửa bốc cháy, chỉ giúp cho khói được thể tạt vào mặt, vào mũi. Tôi nín thở, thôi nữa. Khói

tràn cả vào phôi. Chỗ nào cũng đầy đặc mùi khói cay và khét lẹt. Tôi muốn ho, nhưng nghẹt thở rồi. Muốn chạy trốn, không thể cử động được...

Tôi cảm thấy gió rung động chiếc rèm cửa. Nhìn ra, ánh nắng nhuộm vàng tươi bức tường nhà hàng xóm. Tôi vẫn ở trong nhà, nằm trên giường. Có khu vườn, có khói nào đâu. Nhưng ngực tức và khó thở quá !

Cứ tưởng ngày mai sẽ khác. Nhưng rút lại vẫn như ngày hôm qua. Tôi đâm ra sợ hãi ban ngày. Ánh sáng và sự hoạt động của đời sống làm tôi mỗi mệt, khó thở. Tôi sợ những giấc ngủ bất đắc dĩ. Không dám nằm nữa. Hết mệt quá, nằm xuống là lịm đi. Lại có những giấc mơ khủng khiếp như thế. Lại có bùn và khói. Lại thấy mình sắp chết vì nghẹt thở.

Lắm lần ngủ mê quá, tôi kêu cứu thành tiếng. Mẹ tôi thường gọi dậy, và hỏi mê thấy gì ? Tôi kể lại. Vẫn đáng điệu ung dung, lối nói hòa nhã, mẹ tôi bảo :

— Tại trong người con yếu. Cố uống thuốc đi, khỏe thì sẽ không mê thế nữa.

Tôi nghĩ tại sao có thể làm một việc cố cho chóng xong, lại không thể uống thuốc cố cho chóng khỏi ?

*
* *

Sống mãi trong một cảnh cũng chán. Muốn thay đổi không khí cho có những cảm giác khác thường thỉnh thoảng nên cảm sốt vài ngày. Qua loa tí chút thôi. Sẽ thấy mình là trung tâm diêm của gia đình, được chú ý, săn sóc và chiều chuộng. Và nhất là được nghỉ, không phải làm gì

hết. Nằm một chỗ yên tĩnh, tha hồ lo-
đăng, nhìn trời nhìn mây mà mơ mộng.

Hôm mới sốt, nghĩ đến tư tưởng thăm
kín ấy, lẽ dĩ nhiên tôi vui sướng.

Tương như mọi lần, cảm sốt lặn những
vài ba ngày rồi khỏe. Có ngờ đâu !

Sức khỏe của tôi xuống chóng quá.
Trong một tuần lễ tôi sụt mất gần sáu cân.
Có lẽ tôi đã làm được một việc phi
thường. Soi gương tôi thấy mặt mình
trùng xuống và có hai cái rãnh màu xanh
lá cây ở dưới mắt. Hình như lông mày
tôi đậm hơn, mắt và miệng cũng to hơn.
Bàn tay bàn chân dài ra. Người tôi thật
là mảnh mai. Nếu ra đường, chắc gió
phải ngạc nhiên, tránh sang một bên cho
tôi đi.

Lúc nào tôi cũng có cảm tưởng mình
vừa đi bộ một quãng đường dài mấy trăm
cây số. Đi liền suốt ngày đêm không nghỉ.
Tôi cứ dính lấy cái giường. Ngồi lên
cũng phải tốn nghị lực. Muốn cử động
phải « định » trước một lúc.

Và lại bao giờ chả thế. Chưa được
thì ao ước, thêm muốn. Thỉnh thoảng nếm
thử một tí thì thấy ngon lành. Có luôn
luôn, không phải « được » nữa thì lại là
« bị ».

Trước, tôi thường ao ước một ngày hoàn
toàn đối đãi, ngủ suốt ngày đêm cho
sướng mắt. Bây giờ được thả sức nằm,
tha hồ ngủ, tôi lại thấy là một cái tội.
Cái tội phải nằm yên một chỗ trong khi
người khác hoạt động. Nằm một chỗ mà
vẫn mỗi một đau đớn. Nằm dễ mà « nghe »
sự vật lộn của cơ thể mình với vi trùng,
đề « nghiền ngẫm » cái đau đớn của thể
xác, chả có chi là vi diệu hết !

Còn điều này nữa, mãi lúc này tôi mới
biết : « Sung sướng nhất là được làm
một người thường ».

Tôi cũng mắc cái bệnh chung của hầu
hết thanh niên các thời đại, là muốn được
làm một người khác thường.

Dù dưới danh nghĩa nào, dưới hình
thức nào, sau cùng người ta đành công
nhận chỉ một người thường mới sung
sướng hoàn toàn.

Tuy chưa làm nên một việc gì đáng kể,
song tôi đã được liệt vào hạng người
« khác thường » ; người ốm. Không muốn
nhận danh từ ấy cũng không được. Người
thường thì phải khỏe mạnh, hoạt động.
Làm được các công việc mà tất cả mọi
người làm chứ.

Hiểu ra thì đã muộn. Bây giờ tôi hết
lòng muốn lại là một người thường. Tôi
sẽ chiếm lại chức vị ấy dù với giá nào.
Có mất thì giờ không nhĩ ? Tôi không
thuộc hạng người muốn là phải có ngay.
Nhưng tôi muốn biết rõ trong một thời
gian dài bằng ngần nào, bao nhiêu ngày ?
Tại vì cái thời gian ấy dài bao nhiêu,
đời tôi sẽ ngắn đi bấy nhiêu.

Muốn là sẽ được. Nhưng tôi còn phải
quay cuồng với điệu yũ nhịp ba : Dyhydro,
Iso., P.A.S., ... bao nhiêu lâu nữa ?

*
* *

Đôi lúc tôi cho là mình nghĩ lắm. Vốn
giàu tưởng tượng, rất có thể tôi đã tưởng
tượng ra mình một nhọc, yếu đuối. Nghĩa
là tôi tự làm ra một người khác thường.

Tôi muốn cười đùa nghịch ngợm, nhưng
tôi không làm, chỉ yên lặng nghĩ. Hình

như không thể làm được. Tôi cho là mình thiếu nghị lực, chưa hết lòng muốn. Có nhiều lúc ngược lại, bỗng nhiên tôi thấy chán nản lạ lùng. Chán và sợ hết tất cả. Chả muốn gì nữa. Dù là sống.

Cũng may những ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua. Cho là vì tình trạng sức khỏe, tôi nhủ thầm :

— « Ngày mai sẽ khá hơn hôm nay. Chỉ một ít ngày mai nữa mình sẽ lại là người thường ».

Mỗi lần nhủ thầm như vậy, tôi lại có đủ can đảm nằm yên một cách kiên nhẫn.

Với một tâm hồn bình thản, tôi nhìn mảnh trời ngoài khung cửa sổ. Mảnh trời ấy là của riêng tôi. Bé nhỏ quá ! Song tôi coi đó là một màn ảnh để giải trí. Cảnh tượng, màu sắc thay đổi không ngừng. Chỉ nhìn vào đó, tôi biết trời hôm nay thế nào, lúc đó đang ở giờ khắc nào.

Có những đêm không tìm được giấc ngủ, tôi đếm các vì sao. Nhìn mãi, tôi thấy các vì sao thay đổi, linh động như một sinh vật. Tôi nằm đây, các vì sao đang cử động trên kia, ngoài khung cửa sổ. Chúng tôi nói chuyện với nhau. Các vì sao rất giỏi về khoa nói chuyện, thay đổi đầu đề luôn. Tôi nhận thấy xưa kia mình đã lầm khi ví sự yếu ớt và bé nhỏ với một vì sao. Trong cái bé nhỏ và yếu ớt, các vì sao có cái gì rất rộng lớn mạnh mẽ, làm người nhìn thấy phải suy nghĩ nhiều. Các vì sao còn có cái gì vô cùng mát mẻ nhẹ nhàng, khiến người nhìn cảm thấy thanh thoi, thư thái đến tận chỗ sâu kín nhất của tâm hồn. Các ý nghĩ phiền toái, phức tạp về đời sống biến mất hết. Và

mình còn có cảm tưởng trở nên tốt đẹp, cao thượng hơn.

Sau những buổi nói chuyện này, tôi suy nghĩ về đời sống. Thật ra chả có gì rắc rối phức tạp đến nỗi phải than phiền. Tại sao không tìm một lối sống giản dị hơn ? Sống cho mình, nếu có thể được thì sống cho người, vừa với sức của mình.

Sau nữa, nghĩ ít thôi. Thấy gì cần và nên thì làm.

Từ trước đến nay tôi chưa làm được việc gì đáng kể. Dự định thì nhiều, tại sao không làm được ? Phải chăng tại định nhiều quá. Không còn thì giờ để thực hành nữa. Cũng như nói nhiều, lời nói có bao giờ đi đôi với việc làm. Lẽ dễ hiểu, mãi nói quá còn đâu thì giờ để làm !

Nếu những người nói nhiều lại hay nghĩ, chắc ngày nào cũng phải hối hận. Trong mười câu nói, ít ra phải có một câu gây nên hậu quả tai hại, ra ngoài ý muốn. Còn dự định nhiều quá có tai hại gì chẳng ? Chắc là có, không thể tránh được.

Vậy mà tôi lại vừa có thêm một dự định sẽ khỏe !

* * *

— « Sao cụ không cho cô ấy vào nhà thương ? Để ở nhà lờ ra thì làm thế nào. Coi bộ yếu quá... »

Nằm quay mặt vào tường, tôi nghe rõ ràng một giọng nói nhỏ, gần như nói thầm, song rất quen thuộc. Có nhiều giọng nói nhỏ và quen thuộc khác nhau. Tôi phân biệt rất rành mạch từng âm thanh của mỗi

PHẦN ĐẦU

người. Nhưng các câu nói đều diễn tả một ý tương tự.

Có cái gì động mạnh trong ngực. Tôi nhắc lại chữ « lờ ra » và « yếu quá ». Rồi tôi tự hỏi lờ ra làm sao ? Mình yếu đến nỗi « nhìn » thấy à ?

Người thân trách tôi nhiều tưởng tượng. Nhưng có những cái nhìn, những lời nói tôi đã hiểu không nhờ tưởng tượng. Ví dụ :

— « Khó giữ lắm. Cần thận không có lây khắp nhà ».

Tôi đã biết là rất dễ lây. Biết từ lâu lắm. Nhà trường dạy trước và cần thận hơn nhiều. Tự tôi đã dùng riêng bát đĩa, ở riêng buồng, có cần ai bắt đầu.

Không trông thấy, nhưng khắp nhà này đầy vi trùng đấy. Đã bước chân vào, dù có bịt mũi, nín thở, không dám uống nước, dù có nhìn bằng con mắt nói lên sự ghê tởm sợ hãi, vi trùng nó vẫn bám vào quần áo, đầu tóc như thường. Tôi không cần phải ai báo khéo mới biết mình mắc một thứ bệnh hay lây, ai cũng gồm ghieếc.

Bởi vậy tôi có mong gặp ai, có muốn ai đến thăm đâu. Đứng đến, những cảm tình đã có từ trước sẽ còn nguyên vẹn. Mai kia nếu còn gặp nhau, lại chuyện trò vui vẻ thân mật. Coi như vừa đi vắng một thời gian, ngủ quên một giấc dài.

Ồ, thật tức cười ! Tôi quên mất, còn xã giao. Một vấn đề tối ư phức tạp và rắc rối. Nhưng loài người bày ra xã giao để sưởi ấm lòng người hay để hiểu rõ lòng người ?

Hình như ở thời buổi văn minh này, chữ xã giao không cần có nghĩa tốt đẹp nữa. Xã giao chỉ là danh từ ngụ dầy

giả dối, miễn cưỡng, bắt đắc dĩ. Những cái nhìn, nụ cười, lời nói, lẽ dĩ nhiên cũng giả dối, miễn cưỡng, bắt đắc dĩ. Thì ra một danh từ tốt đẹp hay xấu xa không phải vì nó tàng trữ cái nghĩa xấu hay tốt, mà chỉ vì người ta đã làm cho nó phải đeo cái nghĩa ấy.

Chắc một chữ phải giữ trọng trách mang nghĩa nào, cũng chỉ là miễn cưỡng và bắt đắc dĩ. Làm gì có công lý và công bằng ! Đời đã không có gì là tuyệt đối, người đời lại chuyên môn vo tròn bóp méo.

Sự thật hay tôi đang mê ngủ ? Trong giấc ngủ, cơn ác mộng đã đè chiu tâm hồn.

Tôi muốn đây là một giấc mơ. Tôi sẽ thoát khỏi khi tỉnh giấc, trời sáng. Để tôi vẫn thấy đời tốt đẹp, đáng yêu, đáng quý. Để tôi vẫn là người chưa hiểu gì về đời hết.

Nhưng muốn là một chuyện, sự thật lại là một chuyện khác hẳn. Sự thật có thể còn ghê gớm hơn những giấc mơ kinh khủng nhất.

* *

Những lúc còn lại một mình, tôi không tìm thấy sự bình thản yên ổn nữa.

Luôn luôn tôi tự hỏi tại sao mình mắc thứ bệnh kém đẹp đẽ này ? Tự hỏi thôi. Nếu đặt thành vấn đề, đem hỏi người khác, tôi đã biết trước câu trả lời :

— « Tại làm việc quá độ. Tại không giữ gìn sức khỏe... »

Rồi người ta sẽ nói thêm là tại không may, tại số... Và tôi sẽ được an ủi rằng còn những bệnh nguy hiểm hơn nhiều, đau đớn hơn nhiều. Ở thời buổi khoa học tiến

bộ như thế này, bệnh lao đầu đáng kể. Tâm thường, dễ chữa hơn cả bệnh ghê.

Nhưng tại sao người ta cứ đến thăm đề ghê tởm tôi ? Đề nhắc cho tôi biết mình nguy hiểm lắm. Tôi có cảm tưởng mình là một địa điểm nguy hiểm có cảm biến : « Đứng lại gần, nguy hiểm chết người ». Hay đúng hơn, một con chó đại đang thè cái lưỡi đỏ đầy rãi, cúp đuôi lừ lừ đi ngoài đường, ai trông thấy cũng sợ hãi chạy trốn cho nhanh.

Nghĩ rồi tôi tủi thân, oán tránh số phận. Ờ, cho là tại số, thế tại sao tôi bị trong khi rất nhiều người khác không bị ?

Nếu tất cả mọi người đều bị, người ra sẽ hiểu cảnh ngộ của tôi. Hiểu một cách thành thật rõ ràng như chính tôi tự hiểu. Người ta sẽ không ghê tởm tôi. Giống nhau hết thì ai cũng như ai. « Quyền công dân » của ai cũng thế thôi. Cho rằng vào nhà thương hay dưỡng đường, sự tủi thân chỉ bớt đi được một phần nào. Chung quanh toàn đồng bệnh, song còn thầy thuốc còn điều dưỡng viên, còn những người vào thăm... Còn thấy người khỏe mạnh là còn sự so sánh phân biệt. Sự so sánh, phân biệt ấy càng tỏ rõ khi thấy mình chỉ được sống trong một vị trí, bị cấm đoán nhiều việc « người ta » tự do làm.

Có cái gì chứng tỏ tôi sẽ bị đầu. Ngoài cái bề ngoài khỏe mạnh hồng hào, tôi ưa thích vận động, ham mê đời sống thoáng đảng ngoài trời. Tôi thích bơi lội, chạy nhảy. Thích cười nói, đùa nghịch. Nói tóm lại, người tôi đầy nhựa sống, Lúc nào cũng tin tưởng vào sự sống.

Tại sao ? Chắc chỉ tại vì trùng không kiêng nể ai. Số mệnh cũng chả kiêng dè ai hết.

Suy đi nghĩ lại, tôi thấy đó chỉ là một sự may rủi. Như người gặp thăm hay mua số. May thì trúng độc đắc, thần tài rơi trúng đầu. Tôi cũng « may ra » thì bị bệnh lao, vì trùng rơi trúng phổi.

Trong cái may hay có cái rủi vẫn đi liền bên. Nếu người trúng số độc đắc cho là may, thì ai cũng biết rằng đồng tiền có thể đem hạnh phúc đến, cũng rất có thể đem lại rủi ro đau khổ.

Còn tôi, nếu bị ốm là rủi, trong cái rủi vẫn có cái may. Liệu cái may của tôi sẽ là gì ? Hay may vì tôi được biết thế nào là ốm đau. Được biết những thứ người khỏe mạnh không bao giờ biết.

Chắc ai cũng biết rằng một bài học chỉ có giá trị nếu có kinh nghiệm. Bài học của tôi sẽ có giá trị hơn hết. Không trường nào có thể dạy học trò biết rõ ràng như tôi. Chả thế các nhà văn có lương tâm muốn viết về một cảnh tượng nào, đều tự mình trải qua hoàn cảnh đó một thời gian.

Có khi không thể làm thật, người ta đành làm giả.

Như một nữ sĩ người Mỹ, muốn làm một cuộc cải cách toàn diện trong các nhà thương điên đành giả điên cho được nhốt vào nhà thương điên để nghiên-cứu mà viết sách.

Tuy tôi không có tài viết sách đề gây nên một ảnh-hưởng hay một luồng dư-luận nào, song nhờ ý tưởng này tôi bớt tủi thân và rất hạnh-diện được biết rõ hơn nhiều người về vấn-đề ốm đau.

Có thể cho đó là may được không ?

* *

Nhưng dù may dù rủi, tôi vẫn là một người. Nghĩa là tôi hiểu biết, có cảm giác.

Chịu cái đau đớn của thề xác một cách kiên-nhẫn, yên lặng, đã là cả một công trình, tốn kém nghị lực. Lại còn cái đau đớn, tủi cực của tinh-thần. Tôi sợ không đủ nghị lực chịu đựng cả hai thứ trong một lúc.

Nằm một chỗ với ngàn ấy ý-nghĩ, tôi ghê sợ những tiếng cười ròn rã của người khỏe mạnh. Có vang vào đầu, dội lại, khiến tôi choáng váng. Sự đi lại, hoạt-động của mọi người làm tôi chóng mặt rức đầu.

Người ta sung sướng quá ! Những người chưa biết ốm đau, chưa biết thế nào là tình cảnh một người « khác thường ». Tôi ghen với cái sung sướng đầy ích-kỷ ấy. Họ viện cớ không thể có cách nào chia sẻ cho ai khác.

Sự ghen ghét là xấu xa, nhưng mấy ai được suốt đời không có ít ra một vài lần bị tư tưởng ấy xâm chiếm tâm hồn ?

Nhưng lúc đó tôi thù ghét những cuộc thăm viếng xã giao, những cái nhìn, cử chỉ... Tôi thù ghét loài người. Tôi muốn xa lánh tất cả.

Nếu ngồi dậy, đứng lên đi được, tôi sẽ đi mất. Đến một nơi không có loài người. Tôi sẽ chọn một ngọn núi khá cao, hay một khu rừng thật sâu để làm nhà.

Đôi khi tôi bị trách là yêu mèò quá, cứ bẽ nó luôn nên bị ho. Nhưng nó không sợ tôi, không làm tôi tủi thân. Lúc tôi buồn, nó biết cách an ủi, biết cách làm cho tôi cười vui vẻ.

Tại sao mãi tôi không khỏe hơn nhỉ ? Tại thuốc không có công hiệu hay tại tôi chưa thật lòng muốn khỏi ?

Thuốc bây giờ có công hiệu chín mươi chín phần trăm. Như thế lẽ nào tại thuốc. Nhưng biết đâu. Rất có thể tôi buộc vào

cái phần còn lại của chín mươi chín phần trăm ấy. Người ta ốm, tôi cũng ốm, lẽ nào có người không khỏi tôi lại khỏi.

Nếu ai cũng khỏi cả thì còn ai chết nữa nhỉ ?

Ví dụ không khỏi, tất nhiên tôi sẽ chết. Tôi tưởng tượng đến cái chết. Lúc ấy tôi sẽ nằm thẳng và cứng như một khúc gỗ. Mắt tôi sẽ nhắm lại mãi, và miệng không bao giờ cười nữa.

Kề ra một người chết chẳng có gì đáng sợ. Chết chỉ là mất sự sống, không cử động, không cảm thấy, nghe biết gì.

— « Không cảm thấy, nghe, biết gì... »
Tôi thì thầm nhắc lại và nhắm mắt, ngẫm nghĩ. Rồi tôi mở mắt nhìn mảnh trời vô tư, màu xanh thắm ngoài khung cửa sổ, mỉm cười vui sướng. Phải, nếu chết tôi sẽ không còn biết đau khổ nữa. Bất cứ ai, bất cứ cái nhìn hay lời nói nào, không còn nghĩa lý gì đối với tôi. Mọi người sẽ thương xót Tôi sẽ có hoa trắng. Tôi sẽ có dịp dạo trồng trên mộ tôi hai cây hồng bạch.

Sự vui sướng ấy đột nhiên lắng xuống khi tôi nghĩ tới những người đã ghê tởm tôi, đi đưa đám ma của tôi. Có lẽ họ cũng rỏ một ít nước mắt. Nhưng những giọt nước mắt thương xót hay vui mừng vì thoát cái nạn sợ bị lây ?

Có một ý nghĩ vừa thoáng qua óc. Nếu chết tôi sẽ có dịp trả thù.

Tôi sẽ viết di chúc, không cho ai đi đưa đám ma tôi, không nhận hoa của ai... trừ một số người có tên trong bảng danh sách

Ý nghĩ đó thật là trẻ con và hài hước. Nhưng tôi rất hài lòng về sáng kiến này.

(Còn tiếp)

TUYẾT-HƯƠNG

BÁNH KHOA CIII

ĐẤT MỚI

Họ từ vạn lý
Giã Bắc, vào Nam,
Nuôi Tò Quốc lớn hoài theo thế kỷ,
Bằng bàn tay, lưỡi cuốc. Dựng giang san,
Nối chí cha ông, con cháu ngang tàng
Phá núi đào sông, dất diu Nam-tiến.
Họ đi mãi, đến ngày kia gặp biển
Sóng Cà Mau gào thét chặn đường đi
Họ ngừng đây, vạch rõ một biên thù....

*
* *

Tò Quốc ta ngập đầy máu,
Mà Mộc Hóa là đứa em yêu dấu
Chót sinh sau khi Đất Mẹ đau lòng
Hai bầy con Nam Bắc sống ngoài, trong
Cánh chim nhỏ khó giao tình xa cách
Nhưng Mộc Hóa, với đồng giăng tằm tấp,

Chặn đứng thủy triều,
Mớm hoài con đất,
Cướp biển dài dằng dặt mẹ thân yêu.
Nhưng con kênh chẳng chịt
Dẫn nước ngọt vào đồng
Nuôi lớp bèo quẩn quít
Và vút xanh : rau, lúa, sản mệnh mông.
Chợ Kiến Tường sừng sững dựng ngang đồng
Như nhấc với trời cao : « Ta đã lớn ! »
Đồng Mộc Hóa rồi lúa xanh mơn mớn
Cá từng đàn theo nước đổ vào kênh
Nhưng túp lều như đột ngọt trời lên
Đứng soi bóng bên lòng mương, ngóng cá.
Đường mọc thêm, len vào nơi xa lạ
Như bàn tay gói kín cả bao thôn
Đuổi cái hoang vu,
Cấy những tâm hồn,
Vào đồng rộng từ ngàn xưa hoang dại
Mộc Hóa ơi !
Em ,
Người em thân ái
Của Sài-gòn, Cai-Lậy, Mỹ-Tho.
Lòng rưng rưng như nước bể con đò,
Thương Đất mới ngã trong lòng Đất cũ
Em đứng đó như tiền quân trấn thủ
Áng biên-thùy che chở cả muôn dân
Mộc hóa ơi !
Thương Đất mới vô ngần.

H. H.



BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG

* BỮU - KẾ

TUY đã mấy lần chùi giày trên tấm thảm đặt trước thềm, nhưng lúc bước chân lên chiếc chiếu màu sắc rực-rỡ, trái khắp gian phòng rộng lớn, Hòa vẫn áy-náy, cảm thấy tiếc rẻ như đã hoang phí một số tiền để chỉ tiêu một việc không xứng đáng.

Chiếc chiếu dày cộm-cộm, đan bằng thứ cỏi chọn lọc, láng mượt, ngay chính giữa vẽ cảnh hồ sen bằng

nước thuốc màu. Chiếc thuyền câu bị khuất già một nửa dưới bộ bàn ghế. Hòa chỉ thấy mấy ngọn lá lục, mấy đóa hoa sen sắc hồng tô đậm nét, nổi bật trên mặt nước hồ xanh. Ba con vịt nổi đuôi nhau thành một hàng đang nô đùa với sóng, mồm há hốc một cách buồn cười. Hòa bỗng có ý nghĩ : Nếu ai nhắc cái bàn lát gương và bồn chiếc ghế bành ấy đi

thì hay lắm nhì ! Rồi ý nghĩ ấy trở nên tham lam hơn. Và cả cái tủ kính kê sát mặt tường kia, để chàng có thể, không những nhìn khắp toàn thể mặt hồ, mà luôn cả mây đám mây nhỏ nhỏ lờn vờn ở chân trời.

Bồn bể im lặng. Tiếng quạt máy mở chậm chậm, từ một gian phòng bên trong vọng ra, nghe đều đều như tiếng phi-cơ bay ở một nơi xa tít. Ngoài trời cái nắng khét khao của trưa hè đang thiêu đốt cảnh vật.

Hòa nhìn lên chiếc đồng hồ treo. Ba giờ kém mười phút. Quả lắc uể oải chậm chậm đưa qua đưa về, chàng có cảm tưởng nó sắp sửa dừng lại. Hòa giận mình đã đăng trí. Giá trước khi đẩy cửa bước vào, chàng gõ mạnh mấy tiếng có phải hơn không ? Chàng mang máng nhớ lại, hình như góc bên trái có một cái nút chuông bấm nữa. Hừ ! Mình thật là mọi rợ. Tuy không đến nỗi phạm vào một tội lỗi gì, nhưng chàng không muốn mang tiếng kém xã giao khi đến một nơi chưa từng quen biết.

Chàng tăng hắng một tiếng, nhưng nhỏ quá. Qua khung cửa sổ, chàng trông thấy giò phong - lan treo lủng lẳng dưới mái hiên. Một ngọn gió lướt qua, đưa vào gian phòng một mùi hương nhẹ. Chàng lại tăng hắng một tiếng nữa, lần này có vẻ mạnh bạo hơn. Một em bé trạc 14, 15 tuổi ở bên trong, nhẹ đẩy cửa thò đầu nhìn ra phòng khách. Hòa định đưa tay vẫy thì nó đã biến mất. Cánh cửa khép một cách vội vã, không chịu nằm yên một chỗ, từ từ mở rộng

ra, quyền rũ cặp mắt tò-mò của người khách lạ. Hòa nhìn thấy một bức tranh tam đa, thêu chỉ kim tuyến treo trên tường và một phản chiếu chế cổ đặt trên đôn sứ sắc xanh đậm.

Con bé hồi nãy lại trở ra, tiến về phía chàng đứng. Đầu tóc nó bây giờ đã chải và kẹp lại, phía sau vồng lên như đuôi gà trống.

— Dạ, ông hỏi ai ?

— Em vào thưa với ông bà, tôi đến có chút việc cần.

Ánh nắng đã từ ngoài cửa sổ tràn vào, chiều thẳng xuống đầu ba con vịt. Mặt chiều, chỗ có nắng dọi lấp lánh như gương khiến chàng chói cả mắt.

Hoà nghe có tiếng dép, tiếng chân đàn bà bước nhẹ nhẹ, lại có tiếng dận dò nho nhỏ. Cái quạt trần tự nhiên quay tít, bầu không khí đang lặng lẽ bỗng trở nên hoạt động.

Một thiếu phụ đã đứng tuổi đang khoan thai bước ra, mình mặc áo hồng nhạt, lộ cả áo lót bên trong. Hòa đưa mắt nhìn rất nhanh cái gương mặt thông minh, nước da trắng mịn ấy, đoạn nhìn đi nơi khác và nói :

— Trước hết, chúng tôi xin lỗi đã đến quấy rầy ông bà trong lúc nghỉ trưa.

— Nhà tôi hiện đi vắng, nhưng cũng sắp về. Còn tôi mãi lười nằm đọc sách nên ông vào bao giờ không hay thật lỗi quá.

Hoà tiếp : « Chúng tôi ra Huế mục đích đọc nhứt là mua một ít đồ cổ. Chúng tôi đã hỏi nhiều nơi, vào nhà

các cụ thượng, phủ, các ông hoàng, bà chúa, nhưng không đâu chọn được thứ vừa ý. Có lẽ sau trận chiến tranh vừa qua, phần lớn đã bị tan vỡ và thất lạc. Người bảo với chúng tôi nên đền nhờ ông bà giúp cho. Chúng tôi cũng biết ông bà không sá gì đền tiền bạc, nhưng chúng tôi cũng đánh liều, may ra có chút hy vọng nào chăng?

— Tôi thú thật với ông mấy năm lại đây, chúng tôi chỉ có mua vào chứ không từng bán ra. Cũng may nhà còn đủ ăn.

— Bà dạy quá lời. Chúng tôi cũng tự biết đường đột. Hay là bà cho chúng tôi mượn tạm trong một ít lâu, triển lãm xong chúng tôi xin hoàn lại.

— Ông bảo triển lãm gì, thật tình tôi chưa được biết.

— Chúng tôi là nhân viên trong Hội chơi Đồ cổ ở Saigon. Tháng tới đây, chúng tôi sẽ tham dự cuộc triển lãm đồ-cổ tổ-chức tại Đông-Kinh...

— Nếu là việc có tính-cách lợi ích chung thì riêng về phần tôi, và chắc nhà tôi cũng vậy, xin vui lòng hưởng ứng. Nhưng chúng tôi chỉ đề các ông mượn tạm thôi.

— Như thế còn gì quý hóa hơn nữa! Chúng tôi xin hết sức thận-trọng trong việc chuyên chở.

— Vậy xin mời ông bước sang ngôi nhà bên cạnh.

*
* *

Hòa đưa mắt nhìn quanh một lượt. Kèo cột chạm trổ rất tinh-xảo, toàn

bằng một thứ gỗ mít sắc vàng đậm, nổi lên những đường vân đen. Chàng đoán chủ nhân đã mua một ngôi nhà thờ họ đem về sửa sang lại. Tuy hơi thiếu ánh-sáng, vì bồn mái oằn thấp xuống, nhưng cái nắng khét khao của ngày hè như bị chặn đứng lại không sao tiến sâu vào bên trong được. Nền lát đá thanh đen lóng, phẳng lỳ như mặt nước hồ thu. Hòa muốn vút bỏ bộ âu-phục đang bó sát lấy mình, nằm lăn ra đó, áp má và hai tay lên nền nhà để cho da thịt được hưởng thứ khoái-cảm mát rười rượi của những phiến đá thanh.

Tiếng thiếu phụ ở sau lưng đã đánh tan cái ý-nghĩ kỳ quặc đó.

— Ông xem qua thứ có thứ nào vừa ý không? Trong tủ này chúng tôi đề toàn thứ « bleus de Huế ». Chỉ nhìn qua nước men cũng đủ biết. Tủ bên kia có mấy bát da rạn, mấy cái đĩa sứ trong lòng vẽ cảnh và điểm mấy hàng thơ nôm. Cái ché màu huyết dụ này chúng tôi đã mua một giá khá cao nhưng vẫn không sao giá trị bằng chiếc độc-bình đặt dưới bức tranh « Hương-giang dạ-nguyệt ». Tuy là mai hạc, nhưng thứ mai hạc rất cổ. Chúng tôi đã phải ngoại giao hơn một tuần mới đem được nó về đây.

Chúng tôi không dám nói đến chữ « sành », chỉ mong hiểu biết đôi chút. Mấy năm nay hề nghe nơi nào có đồ cổ, thế nào chúng tôi cũng tìm tới, hoặc để mua, hoặc để xem cho biết. Chúng tôi lại đọc cả sách Pháp và Trung-hoa nữa, thế mà đến lúc lâm cũng phải bị lằm. Những người bán đồ xưa họ

đôi trá lăm ông ạ. Nước da không rạn họ làm cho thành rạn, đổ cổ họ có thể sửa để trở thành cổ hơn. Hòa vừa lắng tai nghe nhưng cũng vừa tỉ mỉ xem từng cái độc bình, cái bình vôi, cái ché, cái ve độc ẩm và khi đi đến hàng cột phía trong cùng, chàng thấy một bức ảnh bán thân khổ lớn treo trên tường, cái khung sơn đen nhiều nơi đã bị lóc, lộ cả sắc gỗ trắng đục bên trong.

Hòa ngẫm nghĩa bức chân dung trong giấy lát, đoạn đưa mắt nhìn thiếu phụ như dò hỏi.

— Ảnh của nhà tôi đây.

— Bà được sung sướng là phải.

Thiếu phụ như nghe không rõ, hỏi lại : Ông bảo sao ?

Hòa đáp chậm rãi, tuy cũng cùng một ý, nhưng câu nói có vẻ khác trước :

— Tôi không ngạc nhiên chút nào khi bà sống một cuộc đời hoàn toàn đầy đủ.

Đề câu nói của mình được rõ ràng hơn, Hòa tiếp : « Không cần phải nhìn thấy người, chỉ trông vào bức ảnh cũng đủ rõ. Cái cằm hơi đưa ra đằng trước biểu hiệu một ý chí cương-quyết, cái mũi kín đáo đã giữ được tiền của, không phải thứ tiền của chắt lót từng đồng của những kẻ ăn tiêu cần kiệm, nhưng đây là cả một sự giàu sang, một cuộc đời hoa gấm.

— Minh và Triết, vào đây !

Hòa ngảnh nhìn ra. Hai đứa bé xích xoát tuổi nhau, đứng thập thò ở

cửa, rồi chạy vụt vào đến bên cạnh thiếu phụ. Nàng đặt tay lên đầu của hai con : — Xin ông hãy nói tiếp đi ?

— Không đâu gì bà, ở Saigon, chúng tôi có mở một phòng tương sở ở đường Hiến-Vương. Đâu có phải chúng tôi muốn tăng bốc, thật tình, ít khi chúng tôi gặp được người có phúc-tướng như vậy. Bà hãy nhìn xem. Cặp mắt nhiều tròng đen mở lớn và nhìn thẳng, đó là tướng của hạng người trung-trực chỉ biết mưu cầu hạnh-phúc cho gia-đình, cho xã-hội.

Thiếu-phụ thờ dài nói : « Ông cũng đã lăm như tôi.

Hòa như không hiểu : « Bà bảo lăm sao ? »

— Bức ảnh ấy tuy của nhà tôi thật, nhưng mà là người chống trước.

— Dạ thế à ? Hòa thấy giọng nói của mình có vẻ gượng gạo. Chàng đứng yên như một đứa bé phạm lỗi.

Như muốn tránh cho Hòa khỏi phải ngượng ngập, thiếu-phụ đem câu chuyện nhà ra thuật lại, giọng nói vừa buồn rầu vừa chua chát.

Đâu phải chỉ một mình ông, chính tôi cách đây mười năm về trước, cũng đã xét đoán sai lăm như thế. Cái lăm của ông chẳng qua cũng chỉ là một trò đùa, còn tôi, đã hỏng mất những ngày tươi thắm của tuổi xuân.

Hồi đó tôi chưa đầy hai mươi tuổi. Thấy tôi trong lúc sanh thời vốn sở trường về khoa tương sở nên con cái trong nhà cũng võ vẽ ít nhiều. Lúc mới gặp nhà tôi, tôi đã nghĩ thầm :

Đây là người mà ta có thể vững lòng phó thác tâm thân. Thề rồi tôi không chút lưỡng lự, vui vẻ nhận lời khi nhà tôi đem lễ vật đến hỏi. Trong năm đầu, tuy không thể bảo rằng đã được hưởng hoàn toàn hạnh phúc, nhưng kể ra cũng chẳng có điều gì đáng phàn nàn. Nhưng chỉ một năm ấy thôi. Qua năm sau, nhà tôi đâm ra cò bạc, chứng bệnh cũ, tạm thời lành đi một lúc để phát xuất trở lại nặng hơn. Mang theo về nhà chồng bao nhiêu vốn liếng đều bị chồng tiêu mất sạch. Không dầu gì ông, nhiều lần tôi bị nhà tôi đánh đập tàn nhẫn cũng chỉ vì không chịu bán ruộng đất cho chồng hoang phí. Tôi quên thưa với ông, nhà tôi lúc bấy giờ làm thù quĩ cho sở Ngân khố. Thề rồi một hôm có kẻ thù hằn gởi thơ nặc danh tố cáo nhà tôi thâm kết. Ông Giám đốc đặt một hội đồng kiểm soát lại tiền bạc thì quả đúng như vậy. Tôi phải bán tất cả nữ trang lẫn ruộng đất để trả lại cho đủ số tiền đã thâm thiếu. Nhà tôi tuy khỏi tù tội nhưng sau vụ ấy liền bị mất việc.

Tôi xin một chân giáo viên tại một trường tư-thục, lương tháng ngoài vài nghìn. Tôi khuyên nhà tôi nên kiếm kế sinh-nhai, chẳng lẽ ngồi không như vậy, nhưng nhà tôi nhất quyết không chịu. Suốt ngày lang thang nơi này nơi nọ, chăm sóc mấy con gà'chọi, mấy hòn giả sơn. Thề rồi người ta cho tôi hay, nhà tôi đã bắt nhân tình với một cô gái ở đâu trên Kẻ Vạn. Tôi cũng chẳng buồn để ý nữa. Mãi tranh đấu với cuộc sống rảnh thì giờ đâu mà nghĩ đến chuyện

ghen tuông. Một hôm nhà tôi đi chơi về, trao cho tôi một xấp bạc. Tôi hỏi tiền đâu thì nhà tôi trả lời một cách trắng trợn : Tiền của gái chứ tiền đâu ! Rồi nhà tôi nói tiếp : Mình không có tiền cho tôi xài thì tôi phải theo người khác lấy tiền để xài. Tôi ghen ngào, ném xấp bạc ra cửa sổ. Nhà tôi hùng hổ bước đến, tát mạnh vào tôi, lượm tiền rồi đi thẳng. Tôi cũng chẳng buồn đi tìm. Hai tuần sau, tôi đang ngồi hóng mát trước sân thì một thiếu nữ đi vào. Thiếu nữ ấy là tình nhân của nhà tôi nhưng lại là một người tình nhân đau khổ. Nhà tôi đã bỏ cô ta để đi theo một người khác giàu có hơn. Cô muốn tìm cách nhen nhúm ngọn lửa hờn ghen trong lòng tôi để góp sức chống lại người tình địch mới. Nhưng không ngờ gặp phải đám tro tàn, lạnh lẽo, hơi âm đã tan tác từ lâu. Rồi không rõ vì sao, nhà tôi lại bỏ đi Lào. Trong hơn một năm trời bị đời xử tệ bạc, tình yêu đã chết dần trong tâm hồn tôi, nên đến lúc hay tin nhà tôi đã ra đi, tôi vẫn đứng đờng không mấy may đau xót, chỉ ngậm ngùi cho số phận mình mà thôi.

Sau khi sang Lào được ba tháng, nhà tôi gởi về một bức thư đồ lỗi tại số phận nên không thể mãi mãi ăn đời ở kiếp với nhau. Nhà tôi khuyên tôi nên lấy chồng khác và cầu chúc cho tôi được may mắn hơn.

Nếu có một vài mụn con thì tôi cũng đành ở vậy, nhưng khôn nổi đời sống lại quá quạnh hiu, những lúc đi dạy về trong gian nhà vắng vẻ,

nổi cô đơn như vây bọc lấy tôi, một chiếc bóng không nơi nương tựa. Thề rồi tôi gặp nhà tôi bây giờ, cũng cùng dạy với tôi tại trường tư thực ấy. Ngay từ lúc mới bắt đầu quen biết nhau, nhà tôi đã cương quyết hứa sẽ đem lại cho tôi một cuộc đời hạnh phúc. Chẳng bao lâu nhà tôi đã thực hiện được lời hứa ấy. Sau những giờ cực nhọc ở trường, tôi về với gia đình nhà tôi vẫn chịu khó cặm cùi học thêm, viết bài đăng các báo và soạn sách giáo khoa. Nhà tôi lại hùn vốn các cuộc đấu thầu. Nhờ có chí, giàu kinh nghiệm, nhưng cũng nhờ ở thời vận nữa nên cảnh nhà được sung túc hơn trước nhiều...

Hòa mãi miết nghe. Thiều phụ ngừng kể, dư âm như đang còn văng vẳng bên tai,

Hòa nhìn lại bức ảnh lần nữa, nói một câu đề chứa thẹn : « Rồi tôi cũng đến phải giải nghệ, đốt hết cả sách tương sồ đi mà thôi.

— Tôi đã thừa với ông. Ngay những thứ đồ cổ này, chỉ một cái vỏ bẻ ngoài mà ta còn lăm lăm thay, hưởng giá trị của con người một phần lớn ở cả bên trong.

— Thề bà còn treo bức ảnh của con người phụ bạc làm gì nữa ?

Thiều phụ vội ngắt lời. Đâu phải vì mối tình xưa còn vương vẩn lại ? Nhưng tôi muốn bức ảnh này sẽ mãi mãi nhắc tôi nhớ rằng không nên huyễn hoặc bởi cái vỏ bên ngoài. Đức tính của con người ở bên trong mới đáng quý.

Tiếng những bước chân rào rào trên sỏi làm cho câu chuyện dừng lại. Thiều phụ nói như reo lên :

— Nhà tôi đã về.

Hòa ngảnh đầu nhìn ra thì thấy một người bé nhỏ, nước da ngăm ngăm đen, cặp mắt tí hí, cái mũi hếch, tướng mạo bất tiện, đang bước lên thềm, dừng chân trước lồng đôi chim bạch yền.

BỮU-KẾ

Saigon Thời Báo

THỰC - HIỆN KHẨU - HIỆU
NHẬT BÁO LÀ TRƯỜNG HỌC

Mỗi ngày đăng :

☉ Một bài Luyện - Thi Trung - Học.

☉ Một bài Luyện - Thi Tú - Tài I.

THẢ THUYỀN

☆ ĐOÀN - THÊM ☆

Tự mùa mây cuốn thuyền trao gió
Nước đã trôi qua mấy nhịp cầu
Bóng quê trắng vỡ lòng sông cạn
Về bến sương sa ngai bạc đầu
Sao mai đỏ sáng chân trời mới
Dào dạt bao lần chữa tới đâu
Mơ tiên đảo ngọc đành theo sóng
Thả mộng tìm thơ chỉ thấy sầu.



Ráng chiều sắp tỏa vàng sông núi
Vớt của tà-dương chút ánh tiên
Bởi thương hoa cỏ chìm u-tịch
Mới mượn cao xanh sắc ảo-huyền
Tủi thân lữ-khách qua đường vắng
Phải ngưỡng non thần hỏi nghiệp-duyên
Có ai thưở trước chờ trên đó
Ta gửi trắng mây một bóng thuyền.

Đ. T.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-I**

I.— *Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?*

II.— *Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là lùỵ
húng ?*

III.— *Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.*

IV.— *Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.*

(III)

Xuân-Việt, làm thơ.

— Tôi vẫn có cảm giác là một bài thơ bao giờ cũng diễn ra một tình cảm hay một tư tưởng nên thơ. Và không định, mà tôi đã trả lời trước cho câu phỏng vấn của anh trong bài tựa cuốn « So Tơ » (1) mà tôi sắp tái bản.

Trong bài tựa đó, tôi có viết :

« Có vài bài, ý niệm nảy ra trong lòng

tác giả từ thuở ngáy thơ, song đến khi trường thành mới mang diễn ra thi diện »

Như vậy, anh thấy rõ là bài thơ nào cũng thai nghén trước trong lòng mà đến lúc viết ra, thì cũng như đứa trẻ trong lòng mẹ, đủ năm tháng thì chào đời mà thôi.

Vậy còn vấn đề « Thế nào là đủ năm tháng ? » Chẳng lẽ, thi sĩ có ý niệm một bài thơ, rồi cứ để mặc đó cho trăng đến rằm thì tròn hay sao ? Thưa rằng, câu đó, vừa đúng vừa sai. Trăng đến rằm thì tròn, đâu có phải là một việc tự nhiên mà có. Trái đất và mặt trăng chẳng phải luôn luôn luân chuyển thì trăng đến rằm mới « tròn » hay sao ? Vậy

(1) « So Tơ », in lần đầu ở nhà in Thanh-Mộ, Sài-Gòn, giữa 1945, bị thất lạc khi vừa in xong vì biến cố lịch sử năm ấy. Sau in lại lần thứ nhì ở nhà in Tân-Dân, Hà-Nội, 1949 (N.N.I. chủ).

đối với thi sĩ cũng thế. Bài thơ tuy đã nảy ra trong lòng, song thi sĩ phải luôn luôn nghĩ đến, tìm tòi, tìm hình ảnh, tìm từ chương mới lạ để cho các vật liệu đầy đủ, và thi sĩ cũng phải viết ra, dàn xếp cho đúng, rồi giũa gọt mãi mới thành bài thơ và vẫn chưa được thoả ý.

Quan niệm của tôi về thơ là thơ bao giờ cũng phải « động ngọc », chứ không được dài dòng. Dài dòng để cho văn xuôi, khi muốn vào chi tiết. Còn thơ, phải chung đúc trong một câu, cả một trời tư tưởng, một bể cảm giác. Nếu không thì thơ loãng quá, và không có ý vị gì nữa. Vì vậy, « muốn làm thơ, trước hết phải là thi sĩ ». Nếu không là thi sĩ thì không bao giờ làm thơ được. Song nếu trời sinh ra cho ta là thi sĩ mà ta không học hỏi, luyện tập, trau giồi, tu thân để nâng cao giá trị của ta thì ta cũng không có thể làm thơ được.

— Ngoài tánh cách « động ngọc » theo anh, thơ còn cần gì nữa không ?

— Còn cần một điều nữa là « sáng tác ». Thơ phải là sáng tác riêng của thi-sĩ, chứ không phải là đi ghép vài từ-ngữ đã cũ, hay vài lối diễn tả rất hay của kẻ khác, mà thơ chính là nói ra lối trông, cách cảm giác đặc biệt của mình. Vì vậy, thơ phải là « sáng tác » nữa. Ví dụ : như Nguyễn-Du ngay câu đầu truyện Kiều.

« Trăm năm trong cõi người ta ».

Chữ cõi người « là một sáng tác ».

Ví dụ nữa. (cùng của Nguyễn-Du)

« Dòng thu như xối cơn sầu, »

« Dòng thu » là một sáng tác nữa.

— Xin anh cho biết bài thi nào anh « đặc ý » nhất ?

— Thơ rất là lạ. Có bài mình không để ý gì mấy, thì được bạn bè hoan nghênh. Lại có bài mình tha thiết nhất, thì lại rất ít người thích. Và còn nói riêng với tác-giả, chúng tôi như là những người được đến một thế-giới riêng biệt, xem cảnh lạ, nghe nhạc trời, rồi lúc về dùng màu sắc, âm thanh ghi lại. Như vậy thì bài thơ bao giờ cũng không nói được hết các màu sắc âm thanh mà chúng tôi đã được trông, nghe...

*
*

Cô Minh - Đức, làm thơ, viết truyện ngắn.

Paris 23-3-61

Anh Ngu-Í,

Mấy hôm nay rồi nhận được bức thư phỏng-vấn của anh mà tôi cứ ngập ngừng. Có phải là một cái « strip tease » (1) tâm-hồn mà anh bắt các người cầm bút phải biểu diễn trước mắt anh và trước mắt các độc giả đây chăng ?

Tính tôi vốn rất ít khi chịu khai thật, thế mà hôm nay tôi lại phải khai với anh, thôi thì « cầm bằng con trẻ chơi điều điết dấy » vậy nhé.

Tôi bắt đầu viết bảy bậ từ năm còn bé xíu, mục-đích chỉ để trêu ghẹo các anh chị tôi trong nhà, nhưng rồi cứ thế ngọn bút in sâu vào cuộc sống. Ở trường học, tôi chuyên được giải thưởng về văn chương, nhưng độ ấy còn trẻ con, tôi cầm bút viết vì có cái gì như đầy quá, phải để cho trào ra bớt. Năm 18 tuổi, ở thời kháng-chiến, tôi được

(1) « Thoát y ous ». Phải chăng tác giả « Lang thang » muốn nói : cởi mở tâm hồn một cách hoàn toàn. ?

(Nguyễn-Ngu-Í chú thích)

CUỘC PHÒNG-VĂN VĂN-NGHỆ...

dự một khóa huấn-luyện cán-bộ văn-ngệ, tôi không ngờ rằng quãng thời gian ấy đã vạch hẳn cho tôi một lối đi. Trong các bộ môn văn-ngệ, ngoài thơ, văn, nhạc, tôi còn đi thêm vào môn kịch và hội họa, vì thế ông Nguyễn - Tuân, một nhà văn đàn anh, đã gán cho tôi chữ « *bướm bướm* ». Ông ta bảo : « *Văn - nghệ không dung những con bướm bướm* », nhưng tôi chắc lúc ấy ông Nguyễn-Tuân quên rằng đời có những tấm thốt cát thịt, những cây đàn tam thập lục và những cây đàn độc huyền. Dầu sao vì câu phê bình ấy tôi phải dẹp bớt ba môn, nhạc, kịch và họa để chỉ đi chuyên vào văn, thơ mà thôi.

Trong lớp huấn luyện, lại có ông Nguyễn Bách - Khoa dạy về phê bình văn học, sau này tôi vẫn dùng cái phương pháp phê bình ấy để tự sửa chữa, tuy rằng nếp sống đã thay đổi và tôi không thờ dưới lầu không khí : « Nam-mô ông Các - Mác nói rằng *Amen* » nữa.

Tôi kể dài dòng cho anh nghe để anh thấy những mối liên hệ với nhau và hình như mỗi con người khi bố mẹ sinh ra đã được một sự định đoạt trước rồi chăng ?

Người ta dạy cho chúng tôi rằng viết để phụng-sự đại-chúng, viết cho đại - chúng, dùng ngọn bút để chống đuổi quân thù. Học xong ra làm cán-bộ văn-hóa ở các tổ chức thanh-niên, phụ-nữ, nên tôi cũng phải theo một đường lối ấy, không tìm hiểu, chỉ có một nhận xét là những gì tôi viết vì bổn-phận thì tôi không yêu nó tí nào. Có những văn thơ, những truyện ngắn mà tôi không nhớ qua một chữ, bây giờ nghe ai đọc lên tôi vẫn tưởng như là của người nào khác. Trái lại có những văn thơ, những truyện ngắn mà tôi đã lén lút viết ra không dám

đưa cho một tờ báo hoặc một người lạ nào đọc, vì sợ bị phê bình là phản động không hợp thời, thì đây là những văn thơ mà tôi đã yêu nhất. Chẳng cần phải chép lại vào đâu cả, bao nhiêu năm qua nó vẫn còn ghi trong trí nhớ của tôi. Vì tính mặc - cảm, độ ấy tôi lại còn phải tăng thêm tuổi để khỏi bị khinh là trẻ con nói xàm. Bây giờ đã hơn mười năm qua rồi, mỗi một chuyến đi, mỗi một người bạn, mỗi một quyển sách đã giúp đỡ tôi rất nhiều nhưng tôi muốn đợi cho già dặn tí nữa mới bắt đầu làm những gì có thể để lại...

Anh hỏi viết cho ai ? Nếu cái việc : Thông ngôn của trời và của những đấng anh hùng, (*Interprète de Dieu et des héros*) là công việc của Mozart, thì công việc của các nhà nghệ sĩ khác (tôi muốn nói đến các nghệ sĩ chân chính) là nói hộ với đời những nỗi vui buồn của con người, dầu là một người phu lam lũ, một chú bé hoàng tử sang giàu, hay một cổ nhân tình già, xấu, bị bỏ quên. Anh có đồng ý chăng ?

Cổ nhiên hiện giờ tôi chỉ là một kẻ đang tìm tòi, tất cả những gì tôi đã viết ra từ trước đến nay, dầu đã in hay còn nằm trong ngăn kéo cũng chỉ là những bản nháp của tâm hồn mà thôi. Tôi vẫn ngưng ngừng khi bị ai gọi là « ... sĩ », vì nhận thấy mình chưa xứng được mang những danh từ cao cả ấy. Có những gì hay và đẹp thì hằng nghìn thế hệ trước ở Đông Tây đã cảm nghĩ và viết ra mất rồi (câu này của Goethe chứ không phải của tôi). Nhưng không phải vì thế mà tôi lùi bước, anh đừng lo.

Câu hỏi thứ hai của anh : « Sáng tác theo một đường lối nhất định hay là tùy

hứng ? » Anh muốn nói gì ? Đường lối nhất định tức là phải phục vụ một chủ nghĩa phải không ? Viết gì thì viết nhưng không được ra khỏi phạm vi hoặc luân lý, hoặc chính trị, hoặc tuyên truyền phải không ? Nếu thế thì tôi xin hàng, tôi viết khi có gì làm tôi cảm xúc, thấy cần phải viết nghĩa là hoàn toàn tùy hứng, theo tôi thì ở đời : ăn cũng phải tùy hứng, đi chơi cũng phải tùy hứng, còn anh ?

Và đây câu hỏi thứ ba, xin thưa với anh rằng lúc tôi viết là viết một hơi từ đầu cho đến cuối sau thời gian thai nghén cái cốt truyện (có khi hằng năm, bảy năm). Tôi giải nó ra hết trên mặt giấy rồi mới thêm bớt sửa chữa sau, nếu vì một sự gì cản trở để phải bỏ dở thì sau tôi khó mà tìm lại cái hứng cũ để tiếp tục, đây là những truyện ngắn, truyện dài thì vì khó tính quá nên chúng nó vẫn còn nằm mãi trong ngăn kéo.

Kể anh nghe một thí dụ, như vở kịch thơ *Trương-Chi*, tôi viết ra vì ngày xưa bố tôi muốn mang cái truyện ấy quay thành phim, nhưng vì thiếu điều kiện và bố tôi chết đi không thực hành được ý định. Từ đấy, tôi hẹn với người chết sẽ viết ra, nhưng chưa biết nên viết thế nào, một hôm trong câu chuyện tôi nói cái ý định ấy với chị tôi và ngay đêm sau tôi mơ thấy bố tôi đến bàn luận về vở kịch (anh đang cười chế tôi đấy, phải không ?) Ngày mai tôi bắt đầu viết, hình như có một cái gì lôi cuốn ngọn bút. Thường lệ, tôi chỉ có thể viết về đêm và ở trên giường mà thôi ý và văn không bao giờ đến với tôi vào ban ngày. Vở kịch ấy tôi gửi đăng ở báo « Tân-Phong » (2), chỉ

tiếc rằng có một ông thi sĩ nào đấy đã hứng vật mà xin chữa bảy bậ vào, đến nỗi bây giờ tôi không dám đọc lại bản in ở T.P. nữa, tuy rằng tôi rất yêu nó.

Kinh nghiệm sống của tôi ư ? Càng nghèo thì hứng lại càng dồi dào ; nếu có đủ ăn và ít tiền bỏ túi là hứng đi đâu mất, anh có thể không ? Những sáng tác phẩm nào tôi yêu thì mọi người hờ hững, cái gì tôi viết ra với tất cả những rung cảm chân thành thì anh cứ tin là nhà báo sẽ vớt vào xọt rác, và trái lại. Lệ thường những gì tôi viết ra bây giờ thì độ vài năm sau mới mong xuất đầu lộ diện, có lẽ một là tôi đi nhanh quá, hoặc là tôi đi chậm quá, mà cái đà tiến triển chạy vòng quanh chẳng ?

Một điểm thứ hai là quê hương chỉ hoan nghênh cái gì ở xứ ngoài, mà tôi lại vì chỉ sống ở ngoài, nên cho cái sự ở ngoài nó không có nghĩa lý gì cả, vì thế hay có những lúc va chạm (heurt) trong văn nghệ.

Còn một điểm nữa, không phải là kinh nghiệm, mà là một sự nhận xét chung, nói ra anh đừng kêu làng xóm nhé, (ý này không phải chỉ của riêng tôi mà là của một số anh em Việt-kiều yêu văn nghệ) là đọc các sách báo ở quê nhà, rất ít khi được gặp một sự gì mới lạ, toàn quanh quẩn trong những đề tài vợ tôi, chồng tôi, con tôi, gia đình tôi, yêu ghen, giận, cãi nhau. Cổ nhiên chữ mới lạ ở đây không phải là những gì kinh thiên động địa, đề tài thì ngay trong chuồng lợn cũng có thể tìm thấy, nhưng tôi cũng không quên nhắc với anh rằng trái lại, khi đọc được một sáng tác nào đưa đến một ý mới lạ thì thật là sung sướng và kiêu hãnh vô cùng. [Chẳng

(2) Tân-Phong số 16 và số 17, tháng 3-1960.

hạn như chuyện « Một cuộc tàn sát » của Trúc-Liên vừa đăng ở Bách-Khoa số 101), và truyện dài của Doãn-Quốc-Sĩ đăng trong « Tân-Phong » (3)].

Anh Ngu-Í, điều đứt dây rồi đây, tôi đã đại dột mà nói hết cho anh nghe và anh có thấy khi nào mình trót tâm sự với ai rồi thì mình như tiếc rẻ một cái gì vừa cho đi. .. không ? (4) [...]

*
* *

Paris, 7-4-1961

[...] Giả lời anh như thế mà anh cũng chưa bằng lòng, thôi thì xin khai nốt vậy. Trong những sáng-tác của tôi, anh hỏi tôi yêu sáng-tác nào nhất, nhưng như tôi đã thưa với anh, đây chỉ là những mẩu nháp của tâm hồn mà thôi. Tôi yêu tất cả nhưng chưa có một tác-phẩm nào để tôi có thể gọi là « sống chết », có lẽ cái đũa con tinh-thần ấy hiện đang ở giai đoạn cấu tạo chăng ? Nếu hiện giờ tôi có một chút thiên vị nào với một trong những sáng-tác cũ thì có thể gọi rằng vì những giá-trị kỉ-niệm nhiều hơn. Tuy bảo là nháp, nhưng mỗi một bài thơ, một truyện ngắn đều xấn của tôi mất một mẩu sống, nghĩa là không rung cảm nhiều thì cũng rung cảm ít, chứ không có viết « đặt cọc » (sur commande) được bao giờ.

Trong số những truyện ngắn tôi đã viết, tôi thích nhất là truyện « Lão Duy-Minh và con nhện », và truyện « Ba ơ về ngủ » [...]

Về thơ thì có lẽ tôi nhiều kỉ-niệm với bài « Ai về xứ Việt » (5) nhất, bài thơ

(3) Tức truyện « Khu rừng lau » khởi đăng trên giai phẩm « Tân-Phong » tập 10, giấy phép ngày 30-11-1959.

ấy đã trình-bày nhiều lần trong những buổi họp mặt các anh em Việt-kiều ở Ba-Lê và hơn thế nữa đây là bài thơ mà người ta đã tìm được trong túi mẹ tôi sau khi người đã chết [...]

MINH - ĐỨC

★

Triều-Đầu, viết truyện, phóng sự.

I. — Tôi vẫn quan-niệm văn-ngệ phải phụng-sự nhân-sinh, cây viết phải giúp ích cho cuộc sống sung quanh mình, nghệ thuật sẽ chỉ là phương tiện giúp cho việc phụng-sự kia được hoàn-hảo. Vậy thì khi viết tôi nghĩ ngay đến cuộc sống hiện tại và người độc-giả mà tôi có bổn phận phải phụng-sự. Những thích thú nghề-nghiep — đặc-biệt ở người văn-ngệ — sẽ chỉ do lẽ đương nhiên mà không có thể coi là cứu cánh — cuộc sống vẫn liên-tục thì hiện tại và tương lai cũng đều quan trọng như nhau. Có điều là ở đây cũng cần nêu lên sự thật kiểu *de la Palice* là hiện-đại có giá-trị đương thời sôi nổi và cấp-bách hơn tương lai.

II — Vì lẽ viết văn để giúp ích cho cuộc sống, tôi đã viết nên tác phẩm khi hoàn-cảnh thôi thúc. Thí dụ, cuốn truyện ngắn Trên Vĩa Hè Hà-Nội. Sáng tác tại Hà-nội năm 1951, 1952, giữa lúc có phong trào hồi-cư từ địa-phương về Hà-Nội, chính đã do hoàn-cảnh hồi-cư, vì tình-trạng đồng-bào hồi-cư thúc đẩy tôi

(4) Cái ấy còn tùy... bao nhiêu là thứ. Nhưng dù sao, hay nhất là đề « hồi sau phân giải ».

(5) Trong tập « Lang thang », xuất-bản tại Paris, 1960. (Tất cả chú-thích đều của Nguyễn-Ngu-Í).

viết. Trong cuốn này, tôi đã dựng một số truyện ngắn tả những tâm - trạng cùng cảnh huống của mình, của người, ở vào một giai đoạn có một không hai trong lịch-sử. Sau đây, được một nhà văn lão thành cho là những chứng nhân của thời-đại. Lúc ấy tôi mới nhận ra rằng những truyện ngắn của tôi đó đã là những chứng nhân thời đại vậy. Nghĩ là khi viết mà tôi chỉ biết có viết mà không hề nghĩ rằng mình đã làm công việc « chép sử nhân-dân ». Như vậy những sáng-tác của tôi đều do ngoại cảnh xui nên, trong đó không có gì gọi là hứng.

III. — Cho nên mỗi đề tài ở ngoài đời thực-tế đều được chọn lọc kỹ càng xem có đúng với chủ trương về nhân-sinh của mình không. Ý-niệm như vậy đã sẵn-sàng, tôi liền nghĩ một truyện để cụ thể ý-niệm đó. Rồi từ đây là văn-đề kỹ-thuật và là lối hành văn của tôi. Châm biếm trào phúng đã giúp cho bài văn thêm gia vị chanh ớt vậy. Những sự kiện và những tình tiết có thể lấy ngay ở cuộc đời.

IV. — Một số bạn thường thức đã nêu lên điểm nghệ-thuật diễn-tả cùng lối hành văn riêng biệt trào phúng châm biếm của tôi : Đúng như chủ-trương của tôi về văn-ngệ, viết văn không thể cứ nắn nà. Và cách hành văn (style) là yếu tố quyết định của sự thành công của một sáng-tác văn-ngệ. Còn châm biếm và trào-phúng chỉ là những bộ môn nghệ nghiệp mà thôi.

Ngoài ra tôi thấy cần phải đọc thật nhiều để làm sao cho có một căn bản văn-học vững chắc. Nếu không, những sáng tác

của mình sẽ hời hợt thiếu bề sâu, không đủ để nhà văn theo đuổi sứ mệnh phụng sự của mình.

Những bài văn nào tôi ưng ý nhất đều là những sáng-tác chưa được, với một lối hành văn đặc ý cả. Yếu tố hành văn bao giờ cũng được tôi đặt vào cả trọng lượng.

V. — Trên mười năm theo đuổi nghiệp văn, tôi đã gặp nhiều truyện vui, buồn về người và việc. Tôi đã tự an ủi cho rằng nghề nào chẳng có những mặt phải mặt trái của nó. Có điều là riêng về nghề văn tôi cảm thấy đạo đức chân thành là cần thiết hơn hết thấy ngoài ra tất cả đều là phụ. Cho cả đến bài văn mình thích thú nhất cũng phải vì đạo đức và do tác dạ chân thành hằng ấp ủ.

TRIỀU-ĐẦU

Trong những kỳ tới : Phú-Đức, Nguyên Sa, Lưu-Nghi, Hoàng-Anh-Tuấn, Vi-Huyền-Đắc, Thế-Phong, Doãn-Dân, Nguyễn-Vỹ, bà Thu-Vân, Võ-Hồng, Phạm-Việt-Tuyền, TchyA, Hoàng-Khanh, Lan-Đình ..



Đính chính

B. K. số 101, mục Phỏng vấn, trang 108, cột 2, dòng 18 và 20:

« ngựa cồ hát chơi »,
xin sửa lại :

« ngựa cồ hát chơi ».

QUÁN ĐẦU XUÂN

☆ QUÁCH - GIAO ☆

Cành phong lan tím tím
Đong đưa theo gió xuân
Quyển mây trời phiêu bạc
Tựa ấm quán đầu xuân.

Song thưa chào gió lạ,
Vội vội niềm viễn du.
Bờ khe xanh mái lá,
Nhẹ rót chén tác thù.

Chim rừng ca chúc tuổi,
Khối đá dựng trầm hương.
Mai vàng bên dòng suối,
Gởi thiệp nỗi tình chung.

Quán trọ chiều thừa khách
Nửa khuya bỗng rộn ràng,
Bờ non sương giác bạc
Đón hài xuân bước sang.

Trời xanh vút lên cao,
Không gian hồng nở rộng,
Hương rừng núi ngọt ngào
Quán đầu xuân nở mộng.

Q. G.

*
* *

THÔNG CẢM

(Hoạ B. K. Đ.)

Đáng lẽ là thơ không họa anh,
Họa anh, cho vội nỗi thương mình.
Vấn-chương trở mãi... hàm râu bạc,
Non nước xây hoài... giấc mộng xanh !
Cửa kính hiên tây lửa bóng ác,
Ngàn cây chiều tối ngắt mây thành.
Trăm-trăm ngâm lại câu thơ bạn,
Mưa rỏ lâu hoa giọt thủy-tinh !

Xuân 1961

ĐÔNG-XUYẾN



SINH-HOẠT

★ THU-THỦY ★

Albanie làm khổ nước anh cả

Gần đây có nhiều tin tức về cuộc xung đột giữa Albanie và Nga-Sô. Nhà cầm quyền Albanie mới vừa bắt một số phản bội làm « gián điệp cho Nga-Sô, » rồi Hodja — lãnh tụ cộng sản Albanie — tuần trước lại không chịu đi Mạc-tư-Khoa dự hội nghị minh-ước Varsovie.

Nhưng mỗi xung đột này không phải là mới xuất hiện đột ngột đâu. Từ lâu người ta đã ghi nhận những dấu hiệu bất hòa giữa nước Nga khổng lồ và Albanie tí hon ấy: khi xảy ra cuộc tranh chấp lý thuyết giữa Trung-Xô thì Albanie đã phản đối Nga-Sô bằng cách siết chặt bang giao với Trung-Cộng; trái lại ở Liên-Hiệp-Quốc

— nơi không có mặt Trung-Cộng — thì phái đoàn Albanie bị Nga-Sô cùng « các nước bạn » cô lập; tại hội nghị 81 đảng Cộng-sản ở Mạc-tư-khoa, Albanie có một thái độ quá khích, nghịch với chủ trương của Nga.

Trong đại hội lần thứ 4 của đảng Cộng-sản Albanie họp ở Tirana từ 13 đến 23 tháng 2, do sự ngoan ngạnh của Hodja, thái độ của phái đoàn « các nước bạn » đối với nhau thực là tẻ nhạt gay go. Thoạt tiên trong diễn văn khai mạc, Hodja đã công kích ngay lý thuyết hòa hoãn của Kút-Xếp. Ông ta nêu lên những cái gọi là âm mưu xâm chiếm Albanie của Nam-tư

và Hy-Lạp, với sự cộng tác của đệ lục hạm đội Hoa-kỳ, ông ta đã kích kịch liệt Tổng-thống Kennedy, người mà Mạc-tư-khoa chưa muốn gây sự... Giọng điệu của Hodja rất là giọng điệu của Staline, và suốt bài diễn văn ông ta ủng hộ chủ trương của Mao-Trạch-Đông cho rằng chiến tranh giữa hai khối không thể nào tránh khỏi.

Lẽ dĩ nhiên phái đoàn Trung-cộng hoan nghênh lập luận « trung thành với lý thuyết Mác Lê » ấy ! Phụ họa theo Trung-cộng có các phái đoàn công-sản Á - châu : Bắc Việt, Bắc Triều tiên, Miến-điện, Ấn-độ, Nam-dương, Thái-lan...

Chống lại kịch liệt nhất là phái đoàn Ba-lan, đại diện phái đoàn này là Roman Nowak lưu ý các đồng chí Albanie đang sa vào chủ nghĩa tôn thờ cá nhân và những lý thuyết lỗi thời coi chiến tranh như không thể tránh khỏi. Nhưng chống đối kịch liệt chỉ có Ba-lan thôi, còn phái đoàn Nga-sô thì tỏ ra hết sức dè dặt : tán thành một ít, chỉ trích một ít, cuối cùng nhắc lại cho Albanie biết rằng nước bạn nhỏ bé ấy giữ được mình ấy là nhờ ở khối quân sự Varsovie, tức thị là nhờ Nga-sô vậy.

*
* *

Người ta tự hỏi vì lẽ gì mà một nước nhỏ bé như Albanie, chẳng những về quân-sự phải y-lại vào Nga - sô, mà về phương-diện kinh-tế cũng phải hoàn toàn trông cậy về Nga-sô mới thực hiện được các kế-hoạch xây dựng của mình, một nước như thế lại dám xung đột với Nga - sô ? Và trong tương - lai mỗi xung đột ấy có hậu-quả thế nào trong khối cộng-sản ?

Ngoài mặt, cuộc xung-đột ấy là một cuộc xung đột về tư - tưởng, lý - thuyết, chính-sách : Nga bảo có thể sống chung hòa-bình với Mỹ, bảo chiến-tranh với tư-bản có thể tránh được ; Albanie bảo không. Nhưng xét kỹ vấn đề, có những nhà quan sát như André Garmand lại cho rằng nguyên ủy của mỗi mâu-thuẫn giữa hai bên không có liên quan gì đến lý - thuyết cả. Đó chỉ là quyền lợi.

Nguyên từ trước đến nay Albanie vẫn xem miền Kossovo là nơi phát sinh nguồn gốc của dân - tộc họ, dân cư ở đó phần đông cũng là người Albanie, thế mà Kossovo lại thuộc về Nam - tư. Nam-tư cho Kossovo hưởng chế-độ tự trị, nhưng Albanie vẫn không hài lòng. Bởi vậy tướng Hodja và thống chế Tito coi nhau là thù nghịch, cuộc bang giao giữa Nam - tư và Albanie từ lâu đã hết sức gay gắt : người ta dẫn chứng một thỏa ước về việc phân chia nguồn nước ở biên giới hai bên, thương lượng rất lâu, mãi sau vừa ký kết đem ra thi hành được có một ngày thì lại hủy bỏ vì bất hòa ! Do mỗi thâm thù ấy, Albanie tán thành chính sách cứng rắn của Staline đối với Nam - tư, và sau này khi Kút-xếp muốn đàm hòa với Belgrade thì Albanie quyết phá đám. Tướng Hodja coi việc Mao-trạch-Đông công kích chính sách sống chung của Kút-Xếp và lên án Tito như một cơ hội tốt đẹp : Hodja liền hoan nghênh lý thuyết Mao-Trạch-Đông, « trung thành với truyền thống tư tưởng Mác-Lê ». Người ta cho rằng mục-tiêu của Albanie không phải là làm sâu đậm thêm sự chia rẽ giữa Trung-Xô mà chính là muốn nhóm lại sự xích mích giữa Nga - Sô với Nam-tư, thậm chí Albanie còn ao ước lập

lại phòng thông tin quốc - tế (Kominform) và thành lập một chính-phủ Nam - Tư lưu vong chống lại Tito.

Đầu đuôi sự xung đột về « ý thức hệ », về « lý thuyết cách mạng » chỉ là như thế. Và cầm đầu cộng đảng Albanie trong chủ-trương xung đột với Nam-Tư và Nga-Xô ấy chỉ là một nhóm người trong gia-đình tướng Enver Hodja, đệ nhất bí thư ủy ban trung ương đảng cộng sản Albanie. Sau cuộc đại chiến vừa qua ủy ban đầu tiên có 31 ủy viên, đến nay 14 người trong số đã bị xử bắn. Quá nửa trong ủy ban hiện thời là họ hàng nhà Hodja, trong đó có 5 cặp vợ chồng dòng họ Hodja và Chehu, với con, rể, anh, em họ. Nhà độc tài Albanie quyết không nhường nhà độc tài Nam-Tư : thế là giữa các nước huynh đệ xảy ra đấu tranh tư tưởng !

Cho đến nay Nga-Xô vẫn nhường nhịn nước đàn em nhỏ bé : nếu Nga thi hành một biện pháp trùog trị bằng kinh tế thì hẳn

Albanie đã dao động lập trường, nhưng không những không giảm bớt viện trợ mà Nga còn dự định tăng thêm và khuyên Đông-Đức tăng thêm chút ít trong sự giao dịch với Albanie. Có phải đó là vì vị trí địa dư quan trọng của Albanie : nước này chặn ngang con đường Nga-Xô ra Địa-Trung-Hải ?

Vấn đề Albanie cho ta thấy thêm một kiểu học hạc nhau giữa các nước anh em trong khối cộng sản, theo đúng nề-nếp bên ấy, là những chuyện tranh giành quyền lợi, phe phái, địa vị v.v... đều được che đậy bằng một chiêu bài lý thuyết. Tất cả đều nhân danh chủ nghĩa Mác-Lê chính thống.

Nhân danh chủ nghĩa Mác-Lê chính thống, Hodja có lẽ còn gây thêm nhiều khó dễ cho Nga-Xô ở về phía Ba-Nhi-Cán.

THU-THỦY

(Theo tài liệu của Pravda)

★ NGUYỄN-HỮU-NGUYỄN thuật

Lễ trao giải thưởng

văn chương toàn quốc 1959-1960

Hội đồng giải thưởng Văn chương toàn quốc (1), sau phiên họp ngày 18 tháng 10 năm 1960, đã tuyên bố kết quả, nhưng đến ngày 6-4-1961, mới làm lễ trao giải tại phòng Triển-lãm Đô-thành, dưới sự chủ

tọa của Phó Tổng-thống, đại diện cho Tổng-thống.

(1) Gồm có các ông: Trương-Công-Cừu, chủ tịch, Hà-Như-Chi, Vt-Huyền-Đắc, Đông-Hồ, Hà-Thượng-Nhân, Trần-Hữu-Thành, Đỗ Đức-Thu và Đát-Đức-Tuấn tức TchyA.

Chúng tôi tưởng nhân dịp này nhắc lại tên các sách được giải, tên các tác giả, thứ hạng, số tiền thưởng, vì từ đó đến nay, gần nửa năm qua, chắc nhiều bạn không còn nhớ hết.

I. — **Bộ môn Khảo luận** : không có giải nhất.

— Giải nhì : « Dịch kinh tân khảo » của Nguyễn-mạnh-Bảo, 30.000\$.

— Giải ba : « Việt-Nam văn học toàn thư » của Hoàng-Trọng-Miên, 25.000\$.

II. — **Bộ môn tiểu thuyết** : 2 giải nhất đồng hạng :

— « Đò dọc » của Bình - Nguyên - Lộc, 25.000\$;

— « Thần tháp Rùa » của Vũ-Khắc-Khoan, 25.000\$, 2 giải nhì đồng hạng :

— « Đời phi công » của Toàn-Phong tức Trung tá Không-quân Nguyễn-Xuân-Vinh, 15.000\$;

— « Mưa đêm cuối năm » của Võ-Phiến, 15000\$

III. — **Bộ môn Thơ** : không có giải nhất.

— Giải nhì : « Hoa đăng » của Vũ-Hoàng-Chương, 30.000\$,

*
* *

Đến dự lễ trao giải Văn chương toàn quốc 1959-1960, ngoài các vị trong chính giới, một số văn nghệ sĩ..., còn có đại diện các cơ quan văn hóa nước nhà và các nước bạn.

Ở hàng ghế các nhà văn trúng giải, chúng tôi thấy vắng mặt Vũ-Hoàng-Chương

và Hoàng-Trọng-Miên. Một nhân viên của ban Tổ chức cho hay hai ông trên đây bị bệnh, có thư cáo lỗi và có cho hai người thay mặt đến dự lễ và nhận bằng.

Tưởng cũng nên nói rõ rằng ngày 6-4-1961, là lễ trao bằng cho các văn nghệ sĩ trúng giải, còn giải thưởng thì các nhà văn trúng giải đã lần lượt lãnh trước hoặc sau Tết rồi. Và Hội đồng giải thưởng văn chương đã đọc 54 quyển khảo luận, 50 tập thơ, 34 cuốn tiểu thuyết và 3 vở tuồng (lần này không có giải về bộ môn sân-khấu).

Về tiêu-chuẩn tuyển lựa các tác phẩm trên đây, ông Trương-Công-Cừu, chủ-tịch Hội đồng giám-khảo văn chương cho biết Hội đồng không vì giải thưởng của chính quyền mà phải dựa trên tiêu-chuẩn chính trị. Hội đồng đã căn-cứ vào cái tiêu - chuẩn « rất trùu tượng và siêu việt là Chân, Thiện, Mỹ » để chọn lựa tác phẩm được giải.

Trong bài đáp từ của người đại diện văn nghệ sĩ trúng giải, nhà văn Bình-Nguyên-Lộc, cũng tuyên bố giải thưởng Văn chương toàn quốc không đặt điều kiện nào cả về nội dung hay hình thức mà các tác phẩm phải theo, vì vậy « những người được giải nếu không hành diện về thành công của mình thì cũng không bị mặc cảm nào khi nhận giải »

Và những văn-nhân thi-sĩ nhận giải đặt tin tưởng vào tánh cách tự do nói trên của giải thưởng, đều thiết tha mong mỗi sự tự do sáng tác, cần cho văn nghệ sĩ như là không khí, càng được bảo đảm, vì « văn hóa chỉ có thể phát triển mạnh trong sự tự do hoàn toàn »

Nguyễn-hữu-Ngư

KHOA BÁCH CIII

★ NGUYỄN-NGU-Í thuật ★

« Sứ mạng cao quý của Ái-tình qua một vài tác phẩm văn-chương Âu-Á cận đại »

Câu lạc bộ Văn hóa, tối thứ năm ấy (1), không còn chỗ để chen chân. Người ta nóng nẩy đứng nhón cẳng ở cửa đầu cầu thang, người ta nhẫn nại tìm chỗ ngồi trong phòng kẻ để... chỉ nghe mà chẳng thấy.

Phải chăng vì đề tài hứa hẹn nhiều mới, lạ, táo bạo cũng nên ? (Nhất là đây lại là một buổi hội thảo : sau khi « văn thuyết viên » (2) trình bày « văn đề » (2), sẽ có lời qua ý lại.) Phải chăng vì người thuyết trình thuộc về phái nữ : nữ giảng viên hai trường Đại học, Đại học Văn khoa và Đại học Sư phạm. (Mà người ta thì thầm rằng có thể hiểu qua hương vị của Ái tình song chưa nếm những hệ lụy của đời sống lứa đôi). Thính giả nam đã nhiều, mà thính giả nữ không phải ít. Và đầu xanh không phải ít, mà đầu bạc cũng chẳng lơ thơ.

Sứ mạng của Ái tình nó cao nó quý ra sao chẳng rõ, chớ quả sự thu hút của một buổi nói chuyện có nó, thì thật là quá rõ ràng.

Và, với một giọng rõ ràng, chậm rãi, cô Quách-Thanh-Tâm vào đề.

« Trước sự va chạm giữa hai thế hệ mới và cũ, giữa hai quan niệm của Ái tình, tôi xin mạn phép nêu ra vấn đề, hầu cùng các bạn trẻ tìm một lối quân bình giữa tự do luyện ái, tự do lựa chọn và cuộc hôn nhân do « cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy », bởi lẽ có cả một khoảng cách ngăn chia hai quan niệm.

« Và trong giới trẻ của chúng ta, gần đây lắm cảnh quyền sinh, lắm cảnh đổ vỡ bi đát, chung quanh một chữ Tình, phải chăng đó là bao nhiêu biểu hiệu của cuộc khủng hoảng trên con đường diễn tiến của Ái tình ?

« Như vậy, Ái tình ngày nay là thứ tình cảm gì ? »

Rồi diễn giả định nghĩa Ái tình, theo quan niệm của riêng mình.

(1) 16-3-1961, lúc 20 giờ 15.

(2) Đề dùng chữ của ban Tổ chức.

Theo diễn-giả thì Ái tình nằm trong tình Yêu ; Ái tình « thúc đẩy hai nam nữ yêu đương tìm đến nhau », còn tình Yêu « cởi mở lòng người để đưa từ ích kỷ đến lòng vị tha ». Ái tình có thể vừa là một kho tàng vô giá, vừa là một cạm bẫy sa đọa ; quả là một thứ tình cảm đầy mâu thuẫn. Thế thì Ái tình có thể nào làm trọn mãi cái sứ mạng cao quý của nó không ?

Rồi diễn-giả theo dõi các văn-nhân thi-sĩ để đi tìm những khúc chiết của Ái tình, tìm hiểu động-tác của nó và cuối cùng để nêu ra những trường hợp mà nó đã hoàn thành được sứ mạng cao cả. « Những dục vọng ích kỷ, những ham muốn của thể xác » phải phối hợp một cách quân bình với tấm « nhiệt tình khoan hồng đầy âu yếm dịu dàng, thiết tha muốn đem hạnh-phúc lại cho người mình yêu », đó mới là Ái tình trọn vẹn. Còn như cái thèm khát nồng cháy của nhục dục đẩy hai người khác giống gần nhau, thì đó chỉ là một trong những yếu tố của Ái tình, mà một số nhà văn Tây-phương thường đem ra mổ xẻ, như Camus trong những tác-phẩm đầu, và nhất là Françoise Sagan.

Nhưng Ái tình còn là cái gì kín đáo hơn, tế nhị hơn ; cái thứ « tình chớm nở » lúc « hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ứa » đã làm đề tài cho nhiều vở kịch của Marivaux, hai thế-kỷ trước.

Đến lúc Ái tình xâm chiếm một cách sâu đậm tâm hồn, thì ta có thể bị nhốt vào một cái lầu son, và nó có thể đưa ta đến chỗ mù quáng, héo mòn, ngạt thở ; phẩm cách của ta mất cả cùng nên, như trường hợp chàng Des Grieux trong truyện Manon-Lescaut của Prévost. Còn những Kim-Trọng, Lương-Sinh, Tú-Uyên, Trương-

Chi cũng đã ủy mị, yếu hèn, quên cả phận sự mình vì tim đã vẫn vương một bình ảnh yêu kiều...

Đi xa hơn thế, có những nhà văn phủ nhận hẳn mọi sứ mạng cao đẹp của Ái tình, đặc-biệt nhất là Proust, cho rằng Ái tình chỉ là một thứ bệnh cũng như bao thứ bệnh khác đã làm khổ loài người. Nhưng cũng có những nhà thơ, tuy cùng một quan điểm với nhà văn yếm thế Proust, vẫn từng thấy cái « bóng hạnh-phúc » của Ái tình và họ đã ngậm ngùi kể lại, như Gérard de Nerval, Verlaine, Prévert...

*Toi qui m'aimais et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
Toi qui m'aimais, moi qui t'aimais
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
tout doucement sans faire de bruit
Et la mer efface sur le sable les pas
des amants désunis. » (1)
(Jacques Prévert. — Les Feuilles mortes).*

Ngậm ngùi nhắc đến như Jacques Prévert, hay hậm hực mà rên than như Hàn-Mặc-Tử :

*« Trời hỡi ! làm sao cho khỏi đôi ?
Gió trăng có sẵn làm sao ăn ?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng ? »
Đổi lại, có những người cho rằng Ái*

(1) Người tường thuật xin tạm dịch :

*« Em, người đã yêu anh, và anh đã yêu em
Và hai ta cùng chung sống êm đềm
Em, người đã yêu anh, anh, người đã yêu em
Nhưng dòng đời êm êm, không tiếng động,
Chia những ai đang dệt mộng yêu đương
Và biến nhẹ nhàng xóa trên mặt cát
Bao dấu chân ai nay đã hai đường. »*

tình là một động tác cao quý, là một ánh bình minh, là một luồng gió nhẹ nhàng mát dịu. Trước hết nó làm dịu bớt cái thô bỉ của cuộc đời : Ái tình của chàng Ruy Blas đối với Hoàng-hậu I-Pha-Nho là một tia sáng chiếu vào cái triều đình thúi nát đầy tham vọng ấy, Ái tình của nàng Lara là cả một nguồn sáng tươi lành dội vào cuộc đời cam go của bác sĩ Jivago... Mỗi tình của Phan-Thanh-Giản ẩn trong mấy vần thơ

*« Từ thuở vương se mối chi hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông... »*

« Rằng nhớ rằng quên, lòng hồi lòng... »

cũng là một ánh sáng thấm nhuần những hành động của người thương nước thương dân.

Hán-Siêu-Vinh, trong cuốn « Ngọn đời vĩnh biệt », đã cho ta thấy cái hòa hợp hoàn bị, thâm trầm, thi vị của hai người mà quên hẳn rằng họ đã yêu nhau ngoài vòng lễ giáo. Ái tình lại là một sức mạnh đã xóa bỏ được mười lăm năm chìm nổi của nàng Kiều. Nhờ Ái tình mà Michel Doutreval (trong quyển « Corps et âmes » của Maxence Van Der Meersch) đã vượt khỏi cái khung cảnh hẹp hòi của bản thân mà hòa mình vào tình thương cao cả, mệnh mông...

« Ái tình — khi đã là động tác — đưa hai kẻ yêu nhau, hòa chung nghị lực để làm tròn phận sự, thì nó đã hoàn tất cái sứ mạng cao nhất và đẹp nhất của nó vậy. »

« Hai cái nhìn cùng hướng về một hướng. »

BÁCH KHOA CIH

Đoạn ngắn trên đây, cũng như phần kết luận sau này đã được cử tọa vỗ tay tán thưởng :

« Qua những lời thơ sơ trên đây. tôi đã cố gắng nêu ra những khúc chiết của Ái-tình và mong rằng tóm tắt được ở đây những điều-kiện mà nó có thể hoàn tất số mệnh cao quý của nó. Ái-tình sẽ chết ngạt, khô khan, khi nó là một khám ngà, là một ích-kỉ của hai. Khi nó là một nguồn sinh-lực mới thì ngoài cái nhiệm-vụ thiêng liêng duy trì sự sinh tồn của nhân-loại, nó còn giúp kẻ biết yêu nhận-định cái địa vị giữa « thách » và « thú » của mình, ý-thức được cái « vị kỉ » để cố đạt đến cái « vị tha », xa dần cái thú mà hướng về cái thách.

« Nhờ Ái tình chân chính mà giữa chợ đời thô-bỉ, con người có thể tìm được một suối mát, một thể quân-bình để thi hành phận-sự. Có như thế thì Ái-tình mới xứng đáng với tên của nó.

« Cuối cùng, tôi hy-vọng rằng đây là cơ-hội để cho các bạn trẻ — mà Ái-tình là cả một phát-minh mới mẻ — có dịp vấn lại lòng mình để tìm cơ hội giúp Ái-tình hoàn-thành sứ mạng cao quý của nó vậy.

« Có tình mà cũng có ta, và sẽ do ở chính ta mà tình sẽ là nguồn cội phúc hay sẽ là một dây oan ».

Rồi cuộc hội thảo bắt đầu. Người muốn chất vấn hoặc bàn góp khá nhiều, nhưng thời giờ có hạn, thành chỉ có bốn người lên phát biểu ý kiến, mà có người lên đến hai, ba lần,

Vì ông « văn quản » (1) Phạm-Xuân-Thái có lời mở đầu, toan chia thính giả

làm ba hạng : hạng lão thành, hạng trên dưới bốn mươi và hạng đang độ xuân thì, nên « Kinh lão đắc thọ », một văn thính hữu (2) tóc bạc được mời lên trước.

Ông đưa ra nhận xét : nay thì được tự-do luyện ái, tự do kết hôn, thế mà sao lắm cuộc nhân duyên nửa đường keo rã hồ tan, còn thời của ông — thời niên thiếu — hôn nhân do cha mẹ toàn quyền định đoạt, thế mà vẫn sống êm ấm cho đến đầu bạc răng long.

Đáp lại, diễn giả cho rằng xưa, người ta lấy nhau không phải vì Ái tình, mà vì bổn-phận, và mục đích là để bảo tồn nòi giống. Ái-tình phải có sự hiểu biết, sự thông-cảm, sự hòa hợp của hai tánh tình, hai chí hướng... Xưa, những cặp vợ chồng sống êm thấm là vì người đàn bà cam chịu thiệt thòi ; nay có sự xô xát, có rã tan, là vì phụ-nữ đã tiến theo trào lưu của thế-giới, không cúi đầu sống đời « bị trị » nữa, trong khi đó nam giới vẫn còn cố giữ những đặc quyền bất công của thời phong kiến, nên có sự chênh lệch, sự « tiến không đồng đều ».

Đến một nhà văn kiêm nhà giáo, tuổi đúng bốn mươi, lên máy vi âm. Ông cho rằng cái ái-tình lắt léo, rắc rối, li-kì

mê li v.v... là sản phẩm của những nhà thơ nhà văn không được toại-nguyện ở ngoài đời, nên đem tưởng tượng mà thêu mà dệt trên giấy trắng mực đen. Chớ thật ra, Ái-tình nó giản-dị lắm. Và mục-dịch nó cũng giản đơn : dựng gia-đình, và truyền sự sống. Ông còn đưa nhận-xét : Tây-phương chỉ biết có tình-dục, còn Đông-phương mới có tình-nghĩa. Và để tỏ tình, có cần gì ôm nhau dạo bờ bể vắng hay cùng chờ trăng lên mà thề thốt đá vàng ; một ngày nghỉ, nàng vá cái áo rách cho chàng, chàng tắm con giùm vợ, đó cũng là những cách biểu-lộ Ái-tình, mà chân thật, mà cảm-động biết bao !

Đến một ông cũng bốn mươi ; rồi một thanh-niên. Người phát-biểu ý-kiến sau chót này dường như lúng túng : nói xa nói gần để kết luận rằng người đàn ông có thể có nhiều... vợ, miễn là có đủ điều kiện bảo đảm đời sống của những người vợ đó.

Đã quá thì giờ dành cho cuộc hội-thảo, nên ông chủ tọa phải « lấy làm tiếc » mà tuyên-bố bế-mạc.

Ái nấy ra về, thích thú mà chưa thỏa-mãn, cũng như những cái gì có dính liú đến... Ái tình.



QUA CÁC HÀNG SÁCH

đọc *TÀU NGỰA CŨ* (1)

của Linh-Bảo

Trong văn học xưa của ta rất ít tác phẩm có giọng hài hước. Các cụ vịnh cảnh, chép sử, luận triết lý, chép truyện răn đời...

văn-chương là như vậy, còn cười cợt có vẻ không xứng đáng. Mà văn như vậy kể

(1) Đời nay xuất bản.

cũng xứng với người, nhưng người nho-sĩ hình vóc mảnh mai, cử chỉ đoan trang hòa nhã, dung mạo nghiêm chỉnh, trịnh trọng. Khách tu mi đã như thế huống hồ là phụ nữ. Ta tưởng tượng thuở ấy con gái nhà lành, phải là những cô căn cớ không bề, tránh đàn ông như rắn trốn mòng năm, bị một tiếng tục tĩu lọt vào tai chắc là đỏ mặt như gấc, hoảng hồn ôm đầu trốn biệt vào khuê phòng như dân lành thời loạn xuống hầm trốn bom.

Thế mà giữa cái thời đại uy nghiêm đó, trong không khí đạo mạo của văn giới ngày xưa ấy, bỗng nghe nổi lên một tiếng cười nghịch ngợm. Giật mình ngoảnh lại xem là ai, té ra đó là một người đàn bà: Hồ-Xuân-Hương. Lễ giáo Khổng - Mạnh khắt khe là chừng ấy mà không giết nổi cái tính nghịch ngợm bạo dạn của người đàn bà Việt-Nam, thật là điều đáng ngạc nhiên.

Riêng với kẻ thưởng văn, thì cái nghịch ngợm thông minh ở một tác giả lại còn có điểm đáng yêu.

Ngày nay, từ ngoài đời cho đến trong văn giới, người ta đã vui vẻ ồn ào, đã cười cợt tự-do, không ngần ngại gì nữa, cho nên giọng châm biếm hài hước không hiếm nữa. Tuy vậy gây được cái cười kín đáo, ý nhị mà đôi khi chua chát như Linh - Bảo vẫn không phải là nhiều. Linh-Bảo đặc biệt ở cái hóm hỉnh thông minh. Ngay trong thời kỳ chiến - tranh, giữa không khí đấu-tranh hừng hực, ai nấy khắc khổ hần học, giọng của Linh-Bảo trong *Gió Bắc* cũng đùa cợt, cũng tinh nghịch được như thường. Mà nào phải cuộc đời của cô có gì may mắn hơn của cả lớp người đồng thời: cứ tin theo truyện thì cô cũng nếm đủ long đong của gái thời loạn. Và bây giờ, trong

Tàu ngựa cũ, phần lớn cũng là nói về những cảnh đau buồn, trắc trở: cảnh đời trống trải của bốn cô gái quá thời độc thân (Đông-Sương ký), cảnh cổ nhân tái ngộ trong sự lơ lửng (Tàu ngựa cũ), cảnh dặt khách nhớ mẹ hiền khổ sở (Áo mới), cảnh chị em ốm đau nghèo túng ở xa quê hương (Quả Tết) v.v... Có thể nói là Linh - Bảo chuyên về những cảnh ngộ éo le, buồn thảm. Nhưng mà Linh-Bảo kể chuyện với nụ cười trên môi. Đó mới là một người có bản lĩnh. Người có bản lĩnh đó lại là đàn bà, nên càng quý.

Nụ cười thông minh, có duyên trên môi đã là một ưu điểm của người kể truyện. Nhưng Linh-Bảo không phải chỉ có một ưu điểm ấy mà thôi. Nỗi buồn Đông Sương ký thực là thấm thía ngán ngơ, cái xã hội của những mẹ « chém củ khoai », của bà mẹ vua chuyên môn vay rồi gạt nợ, của bà tham cùng đàn con với cái « áo vua ban » thực là linh động. Sự hiểu biết của tác giả về tình đời, về lòng người khá sâu sắc thấu đáo.

Tàu Ngựa Cũ gồm chín truyện, trong đó có con nhớ mẹ, có chị thương em, có tình nhân thương nhau, có đời không tình trống trải, có trai thanh gái lịch bốn bề gặp nhau tổng tình v.v... Chuyện đời quanh quẩn chừng ấy cũng đủ là nguyên liệu cho một văn tài dựng nên tác phẩm có giá trị. Nhưng chắc có người tiếc rằng Linh - Bảo thuộc vào hạng văn sĩ có cũng được mà không có cũng được, cô không phải là « phát ngôn viên chờ đợi » của một thế hệ, chuyện cô nói là chuyện muôn đời, cô không đề cập những ám ảnh lớn của thời đại... Quả có vậy, Linh-Bảo không phải là phát ngôn viên của

thể hệ, cũng không phải là kỹ sư tâm hồn gì cả, có thể bảo những tác phẩm của cô không cần thiết, không có cũng được. Nhưng mà có nó thì văn học phong phú thêm lên biết bao. Có những tác phẩm không trả lời cho những khao khát của một thời nào, nhưng sự có mặt hững hờ của nó ích lợi cho bất cứ thời nào. Nên nhớ *Tàu Ngựa Cũ* do nhà Đời nay xuất bản, mà Đời nay gần đây đã có nghĩa là muôn

đời, bất chấp thời gian và không gian.

Chưa qua một mùa xuân mà sau sách *Mộng-Tuyết* lại tiếp đến sách *Linh - Bảo*. Không kể đề tài khác nhau, văn loại khác nhau, hay dõ cách nhau, chỉ đối chiếu cái cốt cách di biệt của hai nữ sĩ cũng đủ lấy làm thú vị về cảnh đua nở ngoạn mục của hai hoa. Đó là điểm lành cho hoạt động văn học của nữ giới năm nay chăng?

TRÀNG-THIÊN



Dạ hội Văn Nghệ của kịch đoàn Chuyển Hướng

Kịch-đoàn Chuyển-Hướng đã ra mắt trong đêm trình diễn ngày 6-4 tại rạp Hưng Đạo, dưới sự bảo-trợ của Hội Nạn nhân Cộng-Sản.

Cô Bình-Minh đọc bài diễn văn ra mắt, giải thích về tên kịch-đoàn sự dứt-khoát chuyển-hướng trở về với chính-nghĩa quốc-gia — đồng thời nêu lên mục đích của sự hoạt động kịch đoàn. Đoàn gồm đầy đủ thành phần cán bộ các cấp trong các ngành hoạt-động của Việt-Cộng trước đây và có đủ thành phần xã hội như Giáo-sư, sinh-viên, Ký-giả, Học sinh, Công-tư-chức, Lao-động...



Khán giả tuy không được đông - đảo nhưng gần như có đủ những đại biểu quan trọng, từ những Đại-diện cơ quan chính-phủ, đại diện báo chí đến các danh ca, tài tử của nền Tân nhạc cũng như sân khấu Cải-lương. Mở đầu phần văn-nghệ toàn ban đã hợp ca bài *Con đường Chuyển-Hướng*. Đến cái vũ khúc *Ươm Tơ, Mè-Linh, Bướm-Hoa* được đoàn trình-diễn tương đối công-phu, chỉ tiếc cái vũ điệu này đã quá quen thuộc đến thành cũ kỹ đối với khán-giả đô-thành. Một số tài tử tân nhạc cũng đến góp phần. Em bé Phương Lan với *Một bài Ca*, cô Thanh - Thúy với *Đò Chiều*, cô Ngọc-Cầm và Nguyễn - Hữu - Thiết với

Tiếng hát trên đời. Nhiều người không dẫu được sự khỏ-tâm khi nghe em bé Kim-Vân hát bài *Non Nước miền Trung*. Em bé gầy choắt như bị đè nát dưới một bài hát khổng lồ có những lời ca yêu đương đến thực thảm hại.

Nội-dung chính của đêm trình diễn là hai vở kịch tổ cộng : *Loạn gia-đình* và *Bóng trắng trên đời ma*.

Loạn gia-đình là một bài kịch nêu rõ những cảnh trái ngược ở trong đời sống gia-đình miền Bắc.

Bóng trắng trên đời ma là bi-kịch diễn tả lại sự dã-man của cảnh đấu tố.

Hai vở kịch này có một nội-dung tổ cộng rất đậm nhưng cách xây - dựng bố cục

trong vở bi-kịch còn lỏng-lẻo, nhất là giá trị thể hiện vẫn còn quá thấp so với thực tế ngoài đời vốn là bi-đát hơn nhiều. Về phần trình - diễn, trừ một số tài tử chính tài nghệ vững vàng, phần đông còn thiếu khả năng diễn xuất và có nhiều tác phong của sân khấu cải-lương.

*
* *

Tuy vậy, điểm đáng kể là cái thiện-chí của Đoàn. Muốn thu hút được khán giả nhiều hơn Đoàn cần chú trọng thực hiện những vở biên soạn công phu, lưu tâm nhiều về diễn xuất và cần trau dồi thêm những vũ-điệu mới mẻ mang nhiều tính chất dân tộc.

NGUYỄN-PHÚ



Chuyện người, chuyện mình

Ngày 28-2-1961, có tin người Thụy sĩ mới phát minh ra một thứ giấy làm bằng chất hóa học. Người ta vẽ những địa đồ thật to (Carte d'état major) trên thứ giấy đặc biệt trên đây dùng để xem trong lúc đánh giặc. Tấm địa đồ này rơi xuống nước, lủi vô bùn, xe cán lên, nhàu nó lại, đồ mực, dầu nhớt, dầu hắc lên cũng không hư hay lem lấm chi cả. Cứ lau qua một lượt là sạch và sáng rõ như cũ. Lạ hơn nữa là người ta vắn chèo nó lại như sợi dây lược, rồi dùng nó mà cột một chiếc xe hơi bên trong có bốn người ngồi, rút dây treo hông chiếc xe lên mà giấy vẫn không rách, không đứt.

Cũng may cho người phát minh thứ giấy này chỉ nghĩ dùng nó để vẽ địa đồ mà thôi ; chứ nếu vì muốn « khoe tài » mà chế ra một thứ hàng mặc hoài không rách, thì chắc chắn ông ta sẽ « mặt » với các bà các cô ! Hàng càng đẹp, càng bền lại càng hay !

*
* *

Thấy xe « Autobus » ở nước Anh có hai tầng, đẹp dễ, chỗ ngồi lại rộng rãi mà thích ngồi lên tầng trên, nay lại nghe ở Prague có « Autobus » dài đến 16 thước, chở được một trăm lễ năm người ngồi thông thả. Xe này chạy

trong những đường cong queo rất dễ dàng, vì tuy dài nhưng nó chia ra làm hai phần giống như toa xe lửa.

Thấy người nghĩ lại thương mình ! Biết chừng nào nước Việt được như nước người ? Đề sau khi ở sở làm về được ngồi thong thả trên xe, người dân nghèo cũng đỡ một phần nào hơn là vừa bị xóc đùng trong xe vừa chịu sức nóng của máy xe và sức nắng của trời mùa hạ.

*
* *

Ở Nhật có những cô gái mặt đẹp như hoa, mình vận gấm vóc. Các cô chịu côi giầy, xăng xai đi chơn không vào một khu đất đen thui, nơi đây không có cây trái rau cỏ chi cả. Thoạt thấy ai cũng tưởng các cô chịu khó như thế, hẳn là đi tìm vật chi quí giá. Nhưng bỗng nhiên các cô dừng lại rồi nằm dài ngay ngấn xuống đất. Tức thì có người cầm xuống xúc đất đồ lên mình các cô cho đến khi ngập vun lên như một nắm mồi, chỉ còn thấy có cái đầu ló ra mồi thôi.

Rõ lại, đất ấy là bụi Volcan (Hỏa-diệm-sơn) phun ra đóng lại thành khối. Đắp nó lên mình trong giây lát, các cô các bà người Nhật tin rằng họ sẽ lành được thứ đau về thể xác và tinh thần.

Theo tôi thì không cần đất bụi Hỏa-diệm-sơn. Đất thường mà đắp lên khỏi đầu, thì chắc chắn cũng trị được cả hai thứ bệnh nói trên.

*
* *

Hãng Zellidja ở Phi-Châu là một công-ti chuyên khai khẩn các mỏ đồng. Chủ nhân hãng này là một người Pháp xuất thân tay trắng và trở nên triệu phú. Ông đã từ trần vì bị xe cán.

Có lẽ những khó khăn và lý thú trong công cuộc lập nghiệp của ông làm cho ông có ý định tổ chức hằng năm ở Pháp một cuộc thi và phát rất nhiều phần thưởng cho những người trẻ tuổi

muốn đi du lịch đó đây, đồng thời cũng đề học bồi và khảo cứu về một vấn đề tùy thích. Muốn được phần thưởng đó, thí sinh phải thi với đề mục « hiểu biết chung » (Culture générale). Khi đậu rồi thì phần thưởng là : một cấp bằng, mười ngàn quan cũ và một lá thư. Bằng cấp đề chứng minh sự hiểu biết, họ sẽ vững chãi phần nào trong cuộc hành trình. Mười ngàn quan chỉ đủ bỏ túi. Còn lá thư là một bức « cầm nang », rồi khi nào gặp nguy cấp không còn có thể day trở được thì mới được cầm nó đến đưa cho một tư nhân nào biết đến giải thưởng của hãng Zellidja ; mà hơn hết là đưa nó cho lãnh sự Pháp tại chỗ họ đang ở, thì sẽ được giúp đỡ ngay bằng cách này hay cách khác. Chỉ có bấy nhiêu đó thôi, còn lại thì đi đứng và cái sống hằng ngày trong suốt cuộc du-lịch ấy phải cậy vào lòng can-đảm của người được giải thưởng. Khi trở về Pháp, mỗi người phải làm bản báo-cáo. Trong bản này có nhiều phần 1o/ Vẽ « plan » chỗ họ ở và chụp hình các nơi họ đã đi qua, tường-thuật những nghe thấy trong cuộc du-lịch, nhận xét và thu-thập những gì bổ ích cho tinh thần. 2o/ Họ đã làm gì và tùy cơ ứng biến cách nào để sống trong khoản thời-gian đó. 3o/ Số tiền mười ngàn quan họ đã chi tiêu vào việc gì và trong trường-hợp nào. 4o/ Kinh-nghiệm họ đã rút được trong cuộc hành-trình.

Trong cuộc phỏng-vấn vào cuối tháng Hai, 1961, có cậu cho biết khi qua đến Nhật cậu hết tiền nên phải xin làm « hình nộm » (Mannequin) trong mấy nhà hàng lớn. Bên Pháp « hình nộm » đề chưng trong tủ kiếng đúng với cái nghĩa của nó : bằng cây, vải, plastique hoặc mây. Nhưng bên Nhật có khi lại bằng người thật. Cậu này phải mặc đồ như ý muốn của chủ cửa hàng rồi vào đứng trong tủ kiếng xây qua xây lại để có tiền sống.

Một cậu khác khi qua vùng xa mạc Sahara, dân xứ Tuarèque thường là trộm cướp, hung tợn. Thế mà cậu đã len lỏi vào đó, gây cảm tình với dân bản xứ và sống chung với họ khá lâu với mục đích khảo cứu phong tục xứ này. Dân Tuarèque không hề biết trà. Cậu nấu nước trà mời họ uống, họ cho cậu thức ăn hoặc tiền để đáp lại lòng « thảo » của cậu. Nhờ vậy mà cậu sống ở xứ này sáu tháng chỉ cần vào vài kỳ lô trà.

Chủ nhân hãng Zellidja chết đã lâu nhưng mỗi năm hội này vẫn tiếp tục thi hành ý định của ông ; một thiện ý mà ai cũng ca tụng. Cho những bước chân đi trên khắp các góc trời trong vũ trụ, chủ nhân hãng này có công mở mang thêm tầm hiểu biết cho đám người trẻ tuổi, khuyến khích lòng tự tin, can đảm của họ mà còn cho họ có dịp phát huy trí thông minh, tài tháo vát, ứng biến trong mọi nghịch cảnh trên đường đời.

Nếu nước nào cũng treo giải thưởng như ông thi sĩ thanh niên can đảm trên hoàn cầu sẽ trở thành những người dân giỏi. Nếu họ không đem được những gì ở xứ ngoài làm giàu cho kho tàng văn hóa nước họ, thì ít nhất, họ cũng có một lối đi ý nghĩa, một niềm tin lành, vững trong hồn và ở tương lai.

*
* *

Về Đông y, thường nghe nói : Ung thư, lao và cùi là những chứng bệnh nan y. Nhưng khoa học và y học ngày nay tiến bộ đến mức lắm khi có thể cướp được quyền tạo hóa và thay được luật tự nhiên. Người ta nghiên cứu các chứng bệnh nói trên, tìm phương pháp và thuốc để điều trị nó, bệnh Ung thư có ít nhiều ánh sáng, về bệnh lao kết quả rất khả quan. Riêng bệnh cùi có lẽ căn bệnh làm cho hình thể bệnh nhân trở nên xấu xí và không được sạch sẽ, cho nên người ta khó đến gần bệnh nhân để săn sóc điều trị hay sao mà hiện nay trên thế

giới có đến 18.000.000 người mắc chứng này và 15.000.000 người không được ai săn sóc đến. Bệnh cùi nếu được săn sóc và điều trị thì cũng lành hẳn như các bệnh khác. Bằng cứ là ở xứ Tchad thuộc Phi Châu người ta trị lành năm người trong 7 người mắc bệnh cùi. Con của bệnh nhân nếu được đem đi nuôi riêng một nơi khác chúng sẽ không bị cha mẹ chúng lây, vì lúc mới sanh ra chúng không bị cùi.

Vì thương số phận bạc phước của mười lăm triệu bệnh nhân cùi mà ngày 29-1-1961 người ta có tổ chức ngày lễ quốc tế. Người trong ban tổ chức kêu gọi những mối từ tâm ở bốn phương và nhắc nhở những ai có lòng hãy để ý và tìm phương tiện để săn sóc và điều trị cho số bệnh nhân nói trên.

Mong rằng những tiếng kêu gọi này sẽ dội đi bốn phương và sẽ không bỏ quên số bệnh nhân trên cù lao Rồng ở miền Nam nước Việt.

*
* *

Một người Pháp trẻ tuổi được phỏng vấn về cuộc du-lịch vòng quanh thế-giới của anh đi bằng xe hơi.

Khi đến Bénarès (Ấn-độ) anh hết tiền, đói quá nên bèn nghĩ ra kế, anh đến sở du-lịch xin một cuốn « guide » rồi học thuộc lòng tất cả. Xong, anh kiếm mượn một cái « kết » có chữ « guide » đội lên rồi đón những du khách người Huê-kỳ mới đến xứ này để dẫn họ đi xem những kỳ quan, thắng cảnh trong xứ. Cùng một lúc anh được thưởng cảnh lại còn được tiền mà chỉ có mỗi một việc là trả thuộc lòng những bài anh đã học trong cuốn « guide » ! Nghe anh thuật, tôi nhớ lúc tôi đi qua Tây-ban-nha : Chợt tôi vừa chấm xuống miếng đất ở Kinh-thành Barcelone thì đã thấy một anh « guide » đứng sau lưng rồi. Chắc bộ mặt tôi lúc đó ngáo

không thua chi mấy anh Huê - kỳ trên đây và bây giờ tôi tự hỏi không biết anh « guide » ở Barcelone thuở nọ có phải « chánh hiệu con nai » hay cũng giống anh « guide » ở Bénarès này ?

Khi đến sa mạc ở Chili, xe anh không chạy nữa. Xem lại, anh mới biết rằng cái bình sang số đã cạn nhách không còn một giọt dầu nhớt ! Đang lo khở bỗng anh thấy một đứa nhỏ xách giỏ đi qua, Anh hỏi thăm nó chỗ mua dầu nhớt thì đứa nhỏ lấy ba trái chuối chín trong giỏ ra nhét vào bình sang số và bảo anh chạy ra khỏi sa-mạc kiếm dầu. Anh tưởng thằng nhỏ trát anh nên gây gổ dữ tợn. Nhưng rồi lại anh chỉ có nước jèn xe chạy thử. Thì ra công dụng của ba trái chuối đẩy xe anh đi được ba chục cây số.

Ngoài chuyện lạ này anh còn cho biết khi bị lạc vào sa mạc, mình chỉ cần đồ muối vào lòng bàn tay, mùi muối theo gió bay đi, lạc đà đánh hơi tìm đến

ăn muối, chừng ấy mình cột giây vào cổ nó leo lên lưng nó thì nội trong ngày đó thể nào nó cũng tìm ra nước uống

Lúc vào rừng gặp voi dữ, anh điếng cả người nhưng không có khí giới, anh chỉ đem theo mình có một cái máy chụp ảnh chớp điện (Flash) Anh liền nhắm ngay mặt voi mà chụp ảnh. Bất ngờ con voi bị đèn chóa vào mắt, hốt hoảng co giò phóng tuốt vào rừng.

Theo anh thì ai có đi du lịch đường xa phải nhớ đem chuối, vừa tiện cho người và cả cho xe ! Đi qua sa mạc, đem muối và dây. Còn vào rừng thì đem máy chụp hình chớp điện thay súng !

Chỉ có giống muối là anh sợ nhất. Không có thứ khí giới gì giết nó hết được. Anh đề nghị nên đem theo một cái ong bom « Fly-tox » là hơn hết.

MỘNG-TRUNG

Hãy tìm đọc tạp chí:

VĂN - NGHỆ

Với những bài của : LÝ HOÀNG PHONG — NGỌC DŨNG —
NGUYỄN TRUNG — DƯƠNG NGHIÊM MẬU — VIÊN LINH —
TRẦN DẠ TỪ — LÊ HUY OANH — E. HEMINGWAY —
W. SAROYAN — AHMED ALI — VÕ PHIÊN — TÔ THUY YÊN
— NGUYỄN SĨ TÈ — SAO TRÊN RỪNG — PHẠM NGUYỄN VŨ
— KIÊM MINH — NGUYỄN HỮU ĐÔNG — ĐỖ QUÝ TOÀN —

SỐ 3 THÁNG 4 - 61 ĐÃ PHÁT HÀNH

Chúng tôi vừa nhận được :

Hoài mong (Hàn - Thu) — Một chút buổi chiều ; Trên vùng cao sáng ấy (Phan-Duy-Nhân) — Hè đến đây rồi ; Lòng vương hương biệt ly (Lan-Giang Hoài-Nhân-Tử) — Tây-Ban-Nha (Xuân-Hiền) — Sầu thế kỷ (Ngân-Khôi) — Biết nói gì ; Về quê (Hương-Dương Trần-Tấn-Lộc) — Tiếng đêm ; Giã từ ; Lối đi (Nguyễn-Duy-Nguyên) — Buồn trăng (Cao - Việt - Tân) — Tơ mối (Ngọc-Nguyên Hoàn-Tú) — Thuyền đi ; Chia tay (Đỗ-Nghê) — Đưa tiễn (Duy - Hồ) — Chiều hoang ; Những bước chân đen ; Công viên chiều lửa loạn ; Sân ga chiều 20 tuổi ; Khuôn cửa thời gian (Lê-Dạ-Hoài) — Phố khuya (Nguyễn-Thị-Bằng - Giang) — Đêm dài ; Không (Hà-Li-Hải) — Chùa Trịnh với sự cầu viện người Hòa-Lan (Thiện-Sinh) — Đến... (Huyền - Phong-Nhân) — Xuân chuyển ý ; Sự có mặt ở đây (Mạc-Sĩ-Dân) — Chuyển tàu qua ; Nửa đêm ; Không lấy vợ ; Đi một mình ; Giải đất hoang vu ; Ngày ấy (Chiều-Thiên-Thương) — Trên đường lý tưởng ; Lỡ làng (Hoàng-Phúc-Lang) — Tình tôi B.T. (K.H.) — Trăng 17 ; Con đường nhà chung (Bạch-Sinh) — Bạn có điên cái đầu chăng ? (Phương-Trung) — Ngõ ngang ; Cô độc ; Chuyện cau trầu ; Ngoan (Phan-Huy-Doanh) — Tâm sự ngày xuân ; Tỉnh giấc ; Hờ hững (Đoan-Huyền) — 50 Phan-Đình-Phùng (Thạch-Nhân).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách - Khoa mà vẫn chưa đăng trù trường hợp đặc biệt có thư riêng thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Hoàng-Mai (Châu-Đốc) : Đã tiếp được thư ông ; sẽ xin nghiên cứu việc đó.

Ô. Trần-Ngọc-Hung (Ap Tân-Hung, Hóc-Môn, Gia-Định) : Đã nhận được thư ông ; chúng tôi sẽ xin chú trọng về hình thức hơn nữa.

Anh Võ-Hồng Nha - Trang. Đã được thư, thơ và trả lời phỏng-vấn của anh. Cảm ơn anh lắm. Đã có thư riêng.

Bà Thu-Vân, các anh : Thế-Phong, Doãn - Dân, Hoàng - Khanh, Lan-Đình.

Đã nhận được trả lời phỏng-vấn. Đa tạ.

Ô. Trần-Ngọc-Hung, Hóc - Môn. — Cảm ơn ông đã góp ý-kiến về hình-thức B.K. chúng tôi sẽ cố sức chữa dần những khuyết ông nêu.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được.

« **Tiếng hát tự - do** » gồm 21 bài thơ, của thi-sĩ Hoàng-Trinh, in ronéo, do tác-giả gửi tặng.

— **Niên - lịch công - dân** (1960-1961). Một cuốn sách khảo dân, tập hợp trong khoảng 600 trang tất cả các dữ kiện quan trọng về Việt-Nam và thế-giới, do ông Nguyễn-ngọc - Linh chủ - trương biên-tập.

Hoa cô-độc gồm 18 bài thơ, của Ngô-Kha, do tác-giả gửi tặng, tập thơ dày 53 trang, giá 34đ

Sài-gòn năm Xưa, của Vương-hồng-Sễn, cơ sở Tự-Do xuất-bản, do nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 226 trang gồm nhiều tranh, ảnh, địa-đồ.

— Những lời thông thường trong **Thuật viết văn** của Nguyễn-văn-Hầu, cơ-sở Tự-Do xuất-bản, do nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 186 trang.

— **Tập-san đặc-biệt của trường Cao-đẳng Điện-học**, kỷ-niệm lễ mãn khóa lớp Kỹ-Sư Điện đầu tiên của trường, do ban Tổ-chức buổi lễ gởi tặng.

— Trân-trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và xin ân cần giới-thiệu cùng bạn-đọc.

B. K.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU:

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN CAO-THANG, Dược Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành-lập tại các
nước Viễn-Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO
TỰ - DO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

TRUYỆN DÀI

ĐƯỜNG XA CHI MẮY

Tác-phẩm đầu tay của **LAN-ĐÌNH**

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất-bản

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

AIR 30

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ♦ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON



SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIA
BÌNH DÂN**

10%

DUC THU 68



LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

COTIAB



Cigarettes VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa soạn:
160, Phan-Đinh-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại 25.537

In tại nhà in VĂN HÓA
412 414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$